

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN**

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC**

<b>Ngành đào tạo</b>	<b>: Y KHOA</b>
<b>Tên tiếng Anh</b>	<b>: GENERAL MEDICINE</b>
<b>Tên chuyên ngành</b>	<b>: Y KHOA</b>
<b>Mã ngành</b>	<b>: 7720101</b>
<b>Trình độ đào tạo</b>	<b>: ĐẠI HỌC</b>
<b>Hình thức đào tạo</b>	<b>: CHÍNH QUY</b>

**Đắk Lắk, 2020**

## BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC TRÌNH ĐỘ ĐẠI NGÀNH Y KHOA

(Ban hành theo Quyết định số ...../QĐ-ĐHTN ngày ... tháng ... năm 20 ... của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên)

### I. Mô tả chương trình đào tạo

Căn cứ Quyết định số 669/QĐ-ĐHTN-TCCB ngày 18 tháng 4 năm 2020 về việc thành lập ban chỉ đạo cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo; Quyết định số 717/QĐ-ĐHTN ngày 23 tháng 4 năm 2020 về việc thành lập Tổ công tác cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo ngành y khoa, chương trình đào tạo ngành y khoa được mô tả như sau:

#### 1. Thông tin về chương trình đào tạo

Tên chương trình:	Y khoa
Tên chương trình:	General medicine
Trình độ đào tạo:	Đại học
Mã ngành:	7720101
Trường cấp bằng:	Trường Đại học Tây Nguyên
Tên gọi văn bằng:	Bác sĩ Y khoa
Trình độ đào tạo:	Đại học
Số tín chỉ yêu cầu:	204 tín chỉ (không bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng).
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Thời gian đào tạo:	6 năm
Đối tượng tuyển sinh:	Theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Phương thức tuyển sinh: Thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp giữa thi tuyển và xét tuyển

Thang điểm đánh giá: Thực hiện theo Điều 22 và Điều 23 “Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ” ban hành kèm theo Quyết định số 1676/QĐ-ĐHTN-ĐTĐH ngày 19/8/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên.

Điều kiện tốt nghiệp: Thực hiện theo Điều 27 “Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ” ban hành kèm theo Quyết định số 1676/QĐ-ĐHTN-ĐTĐH ngày 19/8/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên.

Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp: Cơ sở y tế công và tư các cấp từ Trung ương đến phường/xã, cơ sở đào tạo có ngành sức khỏe.

Học tập nâng cao trình độ: Thạc sỹ, Tiến sỹ, Chuyên khoa 1, Chuyên khoa 2.

Chương trình tham khảo khi xây dựng: dựa vào các văn bản và chương trình sau

- Sự mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của trường Đại học Tây Nguyên

- Thông báo số 634 TB-ĐHTN-ĐTĐH ngày 16/3/2020 về việc cập nhật và đánh giá lại chương trình đào tạo của Trường Đại học Tây Nguyên.

- “Chuẩn năng lực cơ bản của Bác sĩ đa khoa” do Bộ Y tế ban hành kèm theo Quyết định số 1854/QĐ-BYT ngày 18 tháng 5 năm 2005

- Chương trình đào tạo trong nước: Đại học Y Dược Cần Thơ, Đại học Y Dược Hải Phòng, Đại học Y Dược Thái Nguyên

Thời gian cập nhật bản mô tả CTĐT: 3/2021

### 2. Mục tiêu đào tạo

#### 2.1 Tầm nhìn – Sứ mạng – Triết lý giáo dục

Tầm nhìn: Đến năm 2030, Trường Đại học Tây Nguyên là trường đại học đào tạo đa lĩnh vực, có uy tín, chất lượng; là trung tâm nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ mang tầm quốc gia trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, nông - lâm nghiệp, môi trường, kinh tế, tự nhiên và xã

hội; đảm bảo cho người học sau khi tốt nghiệp có trình độ và kỹ năng đáp ứng nhu cầu nhân lực của xã hội.

Sứ mạng: Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội. Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá của dân tộc.

Triết lý giáo dục của Nhà trường: “Phát triển toàn diện phẩm chất năng lực người học”

## **2.2. Mục tiêu chung**

Đào tạo Bác sỹ đa khoa có y đức, có kiến thức khoa học cơ bản, kiến thức y học cơ sở vững chắc, kiến thức cơ bản về y học lâm sàng và cộng đồng, kết hợp được y học hiện đại với y học cổ truyền dân tộc, có khả năng tự học vươn lên, hội nhập và hợp tác quốc tế, đáp ứng nhu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

## **2.3. Mục tiêu cụ thể**

### *1.2.1. Về kiến thức*

M1. Trang bị những nội dung cơ bản về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới.

M2. Hướng dẫn tổng quan về tin học, quản lý thông tin và vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các yêu cầu trong học tập và nghiên cứu.

M3. Cung cấp cho sinh viên kiến thức về y dược học cơ sở, y tế công cộng và y học lâm sàng

M4. Cung cấp cho sinh viên kiến thức về cấu trúc, phát triển, chức năng và mối quan hệ giữa các hệ cơ quan chính trong cơ thể bình thường vào các khái niệm sức khỏe và bệnh tật.

M5. Trang bị cho sinh viên một số kiến thức về nguyên lý y học cổ truyền và một số phương pháp điều trị không dùng thuốc trong việc điều trị và chăm sóc người bệnh.

### *1.2.2. Về kỹ năng, thái độ*

M6. Hướng dẫn và rèn luyện cho sinh viên thực hiện việc khai thác bệnh sử đầy đủ, khám thực thể và hoàn thành hồ sơ bệnh án cho mỗi người bệnh.

M7. Hướng dẫn và rèn luyện cho sinh viên thực hiện việc báo cáo/trình bày ca bệnh.

M8. Cung cấp kiến thức và rèn luyện các kỹ năng về chỉ định và phân tích kết quả các cận lâm sàng cần thiết giúp chẩn đoán và điều trị các bệnh lý thường gặp.

M9. Hướng dẫn và rèn luyện cho sinh viên kỹ năng thực hiện một số thủ thuật cận lâm sàng và lâm sàng cơ bản theo quy định của Bộ Y tế.

M10. Hướng dẫn và rèn luyện kỹ năng thiết lập kế hoạch chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh cho một số bệnh lý thường gặp.

M11. Hướng dẫn và rèn luyện kỹ năng đánh giá những trường hợp bệnh quá khả năng chuyên môn của bản thân và cơ sở điều trị để chuyển tuyến đúng và kịp thời.

M12. Hướng dẫn và rèn luyện kỹ năng kê đơn thuốc đúng nguyên tắc, an toàn, hợp lý, hợp pháp, hiệu quả và kỹ năng giải thích với người bệnh, gia đình người bệnh.

M13. Hướng dẫn và rèn luyện kỹ năng cung cấp thông tin liên quan đến sức khỏe và bệnh tật cho người bệnh, gia đình người bệnh, và đồng nghiệp.

M14. Hướng dẫn và rèn luyện cách xác định được các vấn đề sức khỏe cộng đồng và lựa chọn được các vấn đề sức khỏe ưu tiên.

M15. Hướng dẫn và giải thích sự tác động của các nền văn hóa và hệ thống tín ngưỡng khác nhau lên nhận thức về sức khỏe và bệnh tật trong chẩn đoán và điều trị.

M16. Giải thích và phân tích các nguyên tắc, mô hình tổ chức, chức năng nhiệm vụ của mạng lưới y tế Việt Nam và mối quan hệ giữa ngành y tế với các ngành liên quan.

M17. Hướng dẫn và tính toán chí phí-hiệu quả trong điều trị và chăm sóc người bệnh.

M18. Rèn luyện kỹ năng phân tích để nhận ra được cơ hội để can thiệp sớm, phòng ngừa và giáo dục sức khỏe đồng thời nhận ra được các tình trạng nguy kịch kịp thời và xử trí ban đầu thích hợp.

M19. Điều tra xử lý dịch từ một tình huống giả định.

M20. Hướng dẫn và rèn luyện kỹ năng xây dựng mối quan hệ thân thiện và giao tiếp có hiệu quả với người bệnh, người nhà người bệnh và cộng đồng.

M21. Rèn luyện đức tính hết lòng, tận tụy trong sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.

M22. Rèn luyện cách ứng xử đạo đức bao gồm: Cảm thông - Tôn trọng - Trung thực - Ứng hộ - Bảo mật - Trách nhiệm.

M23. Rèn luyện đức tính sẵn sàng đương đầu với khó khăn, kiên trì, chăm chỉ, nhiệt tình, say mê sáng tạo. Phân tích cho sinh viên thấy rõ sự cần thiết của việc giữ gìn và quảng bá hình ảnh người bác sĩ trong xã hội.

M24. Hướng dẫn rèn luyện tiếng Anh giao tiếp và tiếng Anh chuyên ngành Y khoa.

M25. Cung cấp các văn bản pháp luật của nhà nước, của ngành y tế trong bối cảnh hiện tại.

M26. Hướng dẫn và rèn luyện sức khỏe, rèn luyện tính tự chủ và trách nhiệm trong việc hoàn thiện kỹ năng học tập suốt đời cũng như sắp xếp kế hoạch công việc khoa học và hợp lý, thích ứng nhanh với sự thay đổi môi trường sống và làm việc.

#### 1.2.3. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp

M27. Sau khi tốt nghiệp, các Bác sĩ có khả năng công tác tại các cơ sở y tế và một số ban ngành có nhu cầu sử dụng Bác sĩ đa khoa ở các tuyến Trung ương, Tỉnh, Huyện, cộng đồng và các cơ sở đào tạo cán bộ y tế.

#### 1.2.4. Trình độ Ngoại ngữ, Tin học

M28. Đạt chứng chỉ Tiếng Anh bậc 3 (tương đương khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam)

M29. Đạt chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản.

### 3. Chuẩn đầu ra

(Theo quy định tại Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT: Chuẩn đầu ra là yêu cầu tối thiểu về kiến thức, kỹ năng, thái độ, trách nhiệm nghề nghiệp mà người học đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, được cơ sở đào tạo cam kết với người học, xã hội và công bố công khai cùng với các điều kiện đảm bảo thực hiện.)

#### 3.1. Kiến thức

##### + Kiến thức chung

C1. Vận dụng được những nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng, Nhà nước vào công tác chăm sóc sức khỏe và công tác quốc phòng an ninh trong tình hình mới.

C2. Ứng dụng được tin học, tiếng Anh trong công việc chuyên môn và nghiên cứu khoa học.

##### + Kiến thức chuyên môn

C3. Vận dụng được kiến thức khoa học cơ bản, y dược học cơ sở, y tế công cộng và y học lâm sàng trong công việc chuyên môn và nghiên cứu khoa học.

C4. Vận dụng được cơ sở khoa học về cấu trúc, phát triển, chức năng và mối quan hệ giữa các hệ cơ quan chính trong cơ thể bình thường vào các khái niệm sức khỏe và bệnh tật.

C5. Vận dụng được nguyên lý y học cổ truyền và một số phương pháp điều trị không dùng thuốc trong việc điều trị và chăm sóc người bệnh.

#### 3.2. Kỹ năng

C6. Thực hiện được việc khai thác bệnh sử đầy đủ, khám thực thể và hoàn thành hồ sơ bệnh án cho mỗi người bệnh.

C7. Thực hiện được việc báo cáo/trình bày ca bệnh.

C8. Chỉ định và phân tích được kết quả các cận lâm sàng cần thiết giúp chẩn đoán và điều trị các bệnh lý thường gặp.

C9. Thực hiện được một số thủ thuật cận lâm sàng và lâm sàng cơ bản theo quy định của Bộ Y tế.

C10. Thiết lập được kế hoạch chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh cho một số bệnh lý thường gặp.

C11. Đánh giá được những trường hợp bệnh quá khả năng chuyên môn của bản thân và cơ sở điều trị để chuyển tuyến đúng và kịp thời.

C12. Kế đơn thuốc đúng nguyên tắc, an toàn, hợp lý, hợp pháp, hiệu quả và có giải thích rõ ràng với người bệnh, gia đình người bệnh.

C13. Cung cấp được các thông tin liên quan đến sức khỏe và bệnh tật cho người bệnh, gia đình người bệnh, và đồng nghiệp.

C14. Xác định được các vấn đề sức khỏe cộng đồng và lựa chọn được các vấn đề sức khỏe ưu tiên.

C15. Giải thích được sự tác động của các nền văn hóa và hệ thống tín ngưỡng khác nhau lên nhận thức về sức khỏe và bệnh tật trong chẩn đoán và điều trị.

C16. Giải thích được nguyên tắc, mô hình tổ chức, chức năng nhiệm vụ của mạng lưới y tế Việt Nam và mối quan hệ giữa ngành y tế với các ngành liên quan.

C17. Vận dụng được các nguyên lý về chi phí- hiệu quả của chăm sóc y tế trong điều trị và chăm sóc người bệnh.

C18. Nhận ra được cơ hội để can thiệp sớm, phòng ngừa và giáo dục sức khỏe đồng thời nhận ra được các tình trạng nguy kịch kịp thời và xử trí ban đầu thích hợp.

C19. Phối hợp cùng đồng nghiệp phát hiện được một số dịch bệnh thông thường và đề xuất được các biện pháp xử lý thích hợp.

C20. Xây dựng được mối quan hệ thân thiện và giao tiếp có hiệu quả với người bệnh, người nhà người bệnh và cộng đồng.

C21. Hết lòng, tận tụy trong sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.

C22. Thể hiện cách ứng xử đạo đức bao gồm: Cảm thông - Tôn trọng - Trung thực - Ủng hộ - Bảo mật - Trách nhiệm.

C23. Sẵn sàng đương đầu với khó khăn. Kiên trì, chăm chỉ, nhiệt tình, say mê sáng tạo. Giữ gìn và quảng bá hình ảnh người bác sĩ trong xã hội.

C24. Sử dụng được tiếng Anh trong giao tiếp hàng ngày, trong lĩnh vực sức khỏe để cập nhật các kiến thức y học cần thiết cho công việc.

### **3.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

C25. Tuân thủ đúng các quy định của ngành, pháp luật của Nhà nước và chịu trách cá nhân về những hành vi ứng xử và hoạt động nghề nghiệp.

C26. Chủ động, tích cực rèn luyện sức khỏe và học tập để hoàn thiện kỹ năng học tập suốt đời. Sắp xếp kế hoạch công việc khoa học và hợp lý, thích ứng nhanh với sự thay đổi môi trường sống và làm việc.

#### 4. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

MT CỦA CTĐT	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo																										
	KT chung		KT chuyên môn			Kỹ năng - Thái độ																			Tự chủ		
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15	C16	C17	C18	C19	C20	C21	C22	C23	C24	C25	C26	
M1	x																									x	
M2		x	x	x	x																				x	x	
M3			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	
M4			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	
M5			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	
M6			x	x		x	x			x	x							x		x	x	x	x		x	x	
M7			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x				x	x	x	x	x	x		x	x	
M8			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x				x	x			x				x	
M9			x	x	x			x	x																	x	
M10			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			x	x	x	x	x	x			x	
M11			x	x	x	x	x	x	x	x	x		x			x				x	x	x	x		x	x	
M12			x	x	x	x	x	x		x	x	x					x					x			x	x	
M13			x	x	x								x		x	x					x	x	x	x		x	x
M14			x	x	x									x					x	x	x	x	x		x	x	
M15			x	x	x					x		x			x					x	x	x	x			x	
M16			x								x					x									x	x	
M17			x							x		x						x				x			x	x	
M18			x	x	x	x	x			x	x	x	x	x				x	x	x	x	x	x			x	
M19			x											x				x	x	x	x	x	x			x	
M20			x			x							x								x	x	x	x		x	
M21			x	x	x	x	x			x		x		x		x	x	x		x	x	x	x		x	x	
M22			x			x	x			x		x		x		x	x	x		x	x	x	x		x	x	
M23	x	x				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x
M24		x	x	x	x																				x	x	x
M25	x					x															x	x	x		x	x	
M26	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
M27	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
M28		x	x	x	x																				x	x	
M29		x	x	x	x																				x	x	

## 5. Phương pháp kiểm tra đánh giá

Thực hiện theo điều 19, 20, 21, 22, 23 “Quy chế Đào tạo đại học, cao học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”, ban hành kèm theo Quyết định số 1676/QĐ-ĐHTN-ĐTĐH ngày 19/08/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên.

## II. Mô tả chương trình dạy học

Căn cứ Quyết định số 669/QĐ-ĐHTN-TCCB ngày 18 tháng 4 năm 2020 về việc thành lập ban chỉ đạo cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo; Quyết định số 717/QĐ-ĐHTN ngày 23 tháng 4 năm 2020 về việc thành lập Tổ công tác cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo ngành y khoa, chương trình đào tạo ngành y khoa được mô tả như sau:

### 1. Cấu trúc chương trình dạy học

Khối lượng kiến thức toàn khóa: 204 tín chỉ (không bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng).

- + Kiến thức giáo dục đại cương: 44 TC
- + Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:
  - Kiến thức cơ sở ngành: 66 TC
  - Kiến thức ngành: 94 TC
- + Giáo dục thể chất: 3 TC
- + Giáo dục quốc phòng: 8 TC

### 2. Nội dung chương trình

#### 2.1. Kiến thức giáo dục đại cương

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ					Mã HP học trước/song hành
			Tổng	LT	TH	BB	TC	
1	ML211030	Triết học Mác - Lênin	3	3	0	3	0	
2	ML211002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1.5	0.5	2	0	ML211032
3	ML211033	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	1.4	0.6	2	0	
4	ML211031	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	2	0	2	0	ML211030
5	ML211032	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	2	0	ML211031
6	FL211011	Tiếng Anh 1	3	3	0	3	0	
7	FL211012	Tiếng Anh 2	3	3	0	3	0	FL211011
8	FL211013	Tiếng Anh 3	3	3	0	3	0	FL211012
9	FL211014	Tiếng Anh 4	3	3	0	3	0	FL211013
10	FL213011	Tiếng Anh chuyên ngành y	3	3	0	3	0	
11	KC211006	Xác suất thống kê	2	2	0	2	0	
12	KC211027	Tin học đại cương	2	1	1	2	0	
13	KC211016	Lý sinh	2	2	0	2	0	
14	KC211044	Hóa học đại cương	3	2	1	3	0	
15	KC211022	Sinh học đại cương	2	1.5	0.5	2	0	
16	KC211043	Di truyền y học	3	2	1	3	0	
17	KT212202	Kỹ năng mềm	2	2	0	2	0	
18	KT213007	Khởi nghiệp	2	1.5	0.5	2	0	
<b>Cộng</b>			<b>44</b>	<b>38.9</b>	<b>5.1</b>	<b>44</b>	<b>0</b>	

#### 2.2. Kiến thức giáo dục thể chất

19	SP211032	Thể dục cơ bản và điền kinh	1	0	1	1	0	
20	SP211039	Cờ vua 1	1	0	1			
21	SP211033	Bóng chuyền cơ bản	1	0	1	0	1	
22	SP211034	Bơi lội cơ bản	1	0	1			
23	SP211035	Cầu lông cơ bản	1	0	1			
24	SP211042	Bóng bàn cơ bản	1	0	1			
25	SP211040	Cờ vua 2	1	0	1			

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ					Mã HP học trước/song hành
			Tổng	LT	TH	BB	TC	
26	SP211036	Thế dục nhịp điệu cơ bản	1	0	1	0	1	
27	SP211037	Taekwondo cơ bản	1	0	1			
28	SP211038	Bóng đá cơ bản	1	0	1			
29	SP211043	Bóng rổ cơ bản	1	0	1			
30	SP211041	Cờ vua 3	1	0	1			
<b>Cộng</b>			<b>12</b>	<b>0</b>	<b>12</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	
<b>2.3. Kiến thức Giáo dục quốc phòng</b>								
31	QP211011	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3	0	3		
32	QP211006	Công tác quốc phòng và an ninh	2	2	0	2		
33	QP211012	Quân sự chung	1	0.7	0.3	1		
34	QP211013	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	0	2	2		
<b>Cộng</b>			<b>8</b>	<b>5,7</b>	<b>2,3</b>	<b>8</b>	<b>0</b>	
<b>2.4. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>								
<b>2.4.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>								
35	YD212001	Giải phẫu 1	3	2	1	3		
36	YD212002	Giải phẫu 2	4	2	2	4		YD212001
37	YD212040	Mô phôi	3	3	0	3		
38	YD212041	Thực tập Mô phôi	1	0	1	1		YD212040
39	YD212042	Hóa sinh	2	2	0	2		
40	YD212043	Thực tập Hóa sinh	1	0	1	1		
41	YD212044	Sinh lý học 1	2	2	0	2		YD212002 YD212040
42	YD212045	Thực tập Sinh lý học 1	1	0	1	1		YD212044
43	YD212046	Sinh lý học 2	2	2	0	2		YD212002 YD212040 YD212044
44	YD212047	Thực tập Sinh lý học 2	1	0	1	1		YD212046
45	YD212415	Phương pháp nghiên cứu Khoa học sức khỏe	2	1.5	0.5	2		
46	YD212049	Vi sinh	2	2	0	2		KC211022
47	YD212050	Thực tập Vi sinh	1	0	1	1		YD212049
48	YD212051	Điều dưỡng cơ bản	1	1	0	1		YD212002
49	YD212052	Thực tập Điều dưỡng cơ bản	1	0	1	1		YD212051
50	YD212053	Tâm lý y học – Y đức	2	2	0	2		
51	YD212054	Sinh lý bệnh	2	2	0	2		YD212002 YD212042 YD212049 YD212058
52	YD212055	Thực tập Sinh lý bệnh	1	0	1	1		YD212002 YD212042 YD212049 YD212058 YD212054
53	YD212056	Ký sinh trùng	2	2	0	2		YD212002 YD212046 YD212042 YD212049



Stt	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ					Mã HP học trước/song hành
			Tổng	LT	TH	BB	TC	
54	YD212057	Thực tập Ký sinh trùng	1	0	1	1		YD212056
55	YD212058	Giải phẫu bệnh	2	2	0	2		YD212002 YD212040
56	YD212059	Thực tập Giải phẫu bệnh	1	0	1	1		YD212058
57	YD212017	Miễn dịch đại cương	1	1	0		1	YD212046 YD212042
58	YD212060	Phơi nhiễm nghề nghiệp	1	1	0			
59	YD212061	Dược lý	3	3	0	3		
60	YD212062	Thực tập Dược lý	1	0	1	1		YD212061
61	YD212063	Phẫu thuật thực hành	1	1	0	1		
62	YD212064	Thực tập Phẫu thuật thực hành	1	0	1	1		
63	YD212035	Chẩn đoán hình ảnh	3	2	1	3		YD212002 YD212046 YD212054
64	YD212022	Dinh dưỡng - Vệ sinh an toàn thực phẩm	1	1	0	1		
65	YD212023	Kỹ năng 1 (Giao tiếp)	1	0	1		1	
66	YD212024	Kỹ năng 2 (thủ thuật)	1	0	1			YD212002 YD212046 YD212054
67	YD212025	Kỹ năng 3 (Thăm khám)	1	0	1		1	YD212002 YD212046
68	YD212026	Kỹ năng 4 (xét nghiệm)	1	0	1			
69	YD212065	Sức khỏe môi trường và bệnh nghề nghiệp	3	2	1	3		
70	YD212028	Dịch tễ học	3	2	1	3		
71	YD212029	Giáo dục và nâng cao sức khỏe	1	1	0	1		
72	YD212036	Thực tập cộng đồng	2	0	2	2		
73	YD212066	Kinh tế và chính sách y tế	1	1	0	1		YD212068
74	YD213099	Dân số học	1	1	0		1	
75	YD212067	Y Pháp	1	1	0			YD213500 YD213502 YD213516
76	YD212068	Tổ chức và quản lý y tế	2	2	0	2		YD212066 YD212029
77	YD212069	Dược lâm sàng	1	1	0	1		
78	YD212070	Thực tập Dược lâm sàng	1	0	1	1		
<b>Cộng</b>			<b>70</b>	<b>45.5</b>	<b>24.5</b>	<b>62</b>	<b>4</b>	
<b>2.4.2. Kiến thức ngành</b>								
79	YD213500	Nội cơ sở	3	3	0	3		YD212002 YD212046 YD212054 YD212025
80	YD213501	Thực hành Nội cơ sở	3	0	3	3		YD213500
81	YD213502	Ngoại cơ sở	3	3	0	3		YD212002 YD212046 YD212054
82	YD213503	Thực hành Ngoại cơ sở	3	0	3	3		YD213502
83	YD213504	Ung thư đại cương	1	1	0	1		YD212002 YD212046 YD212054

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ					Mã HP học trước/song hành
			Tổng	LT	TH	BB	TC	
84	YD213505	Thực hành Ung thư đại cương	1	0	1	1		YD213504
85	YD213506	Nội bệnh lý 1	2	2	0	2		YD213500
86	YD213507	Thực hành Nội bệnh lý 1	2	0	2	2		YD213506
87	YD213508	Nội bệnh lý 2	2	2	0	2		YD213500
88	YD213509	Thực hành Nội bệnh lý 2	2	0	2	2		YD213508
89	YD213510	Nội bệnh lý 3	2	2	0	2		YD213500
90	YD213511	Thực hành Nội bệnh lý 3	2	0	2	2		YD213510
91	YD213512	Ngoại bệnh lý 1	2	2	0	2		YD213502
92	YD213513	Thực hành Ngoại bệnh lý 1	2	0	2	2		YD213512
93	YD213514	Ngoại bệnh lý 2	2	2	0	2		YD213512
94	YD213515	Thực hành Ngoại bệnh lý 2	2	0	2	2		YD213514
95	YD213516	Phụ sản 1	2	2	0	2		YD212002 YD212040 YD212046
96	YD213517	Thực hành Phụ sản 1	3	0	3	3		YD213516
97	YD213518	Phụ sản 2	2	2	0	2		YD213516 YD213517
98	YD213519	Thực hành Phụ sản 2	3	0	3	3		YD213518
99	YD213520	Nhi 1	2	2	0	2		YD212002 YD212046 YD212054
100	YD213521	Thực hành Nhi 1	3	0	3	3		YD213520
101	YD213522	Nhi 2	2	2	0	2		YD213520 YD212061 YD213500
102	YD213523	Thực hành Nhi 2	3	0	3	3		YD213522
103	YD213524	Truyền nhiễm 1	2	2	0	2		YD212049 YD212056 YD213500
104	YD213525	Thực hành Truyền nhiễm 1	2	0	2	2		YD213524
105	YD213526	Truyền nhiễm 2	2	2	0	2		YD213525
106	YD213527	Thực hành Truyền nhiễm 2	2	0	2	2		YD213526
107	YD213528	Y học cổ truyền	2	2	0	2		YD212061 YD213500
108	YD213529	Thực hành Y học cổ truyền	2	0	2	2		YD213528
109	YD213530	Dị ứng	1	1	0	1		YD212032 YD212054 YD213500
110	YD213531	Thực hành Dị ứng	1	0	1	1		YD213530
111	YD213532	Lao	1	1	0	1		YD212054 YD212061 YD213500 YD212035
112	YD213533	Thực hành Lao	1	0	1	1		YD213532
113	YD213534	Răng Hàm Mặt	1	1	0	1		
114	YD213535	Thực hành Răng Hàm Mặt	1	0	1	1		YD213534
115	YD213536	Tai Mũi Họng	1	1	0	1		YD212054 YD212061 YD213500 YD213502

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ					Mã HP học trước/song hành
			Tổng	LT	TH	BB	TC	
								YD212035
116	YD213537	Thực hành Tai Mũi Họng	1	0	1	1		YD213536
117	YD213538	Mắt	1	1	0	1		YD212063 YD212061
118	YD213539	Thực hành Mắt	1	0	1	1		YD213538
119	YD213540	Da liễu	1	1	0	1		YD212002 YD212046 YD212032 YD212049 YD212058 YD212056 YD213514
120	YD213541	Thực hành Da liễu	1	0	1	1		YD213540
121	YD213542	Phục hồi chức năng	1	1	0	1		YD213500 YD213502
122	YD213543	Thực hành Phục hồi chức năng	1	0	1	1		YD213501 YD213503
123	YD213544	Thần kinh	1	1	0	1		YD212002 YD212046 YD212054 YD212061 YD213500
124	YD213545	Thực hành Thần kinh	1	0	1	1		YD213544
125	YD213546	Tâm thần	1	1	0	1		YD212061 YD213500
126	YD213547	Thực hành Tâm thần	1	0	1	1		YD213546
<b>Cộng</b>			<b>84</b>	<b>40</b>	<b>44</b>	<b>84</b>	<b>0</b>	
<b>2.4.3. Khóa luận TN, Chuyên đề TN và các học phần chuyên môn thay thế</b>								
127	YD213548	Khóa luận tốt nghiệp (nếu SV đủ điều kiện)	10	0	10		10	
Nếu sinh viên không đủ điều kiện hoặc không làm Khóa luận tốt nghiệp thì thực hiện:								
128	YD213557	Chuyên đề tốt nghiệp	4	0	4		4	
129	YD213549	Thực hành Nội 4	3	0	3		6	
130	YD213550	Thực hành Ngoại 3	3	0	3			
131	YD213551	Thực hành Phụ Sản 3	3	0	3			
132	YD213552	Thực hành Nhi 3	3	0	3			
<b>Cộng</b>			<b>42</b>	<b>0</b>	<b>10</b>		<b>10</b>	

### 3. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	BB	TC
1	ML211030	Triết học Mác - Lênin	3	3	0
2	YD212001	Giải phẫu 1	3	3	0
3	KC211027	Tin học đại cương	2	2	0
4	KC211044	Hóa học đại cương	3	3	0
5	KC211022	Sinh học đại cương	2	2	0
6	KC211043	Di truyền y học	3	3	0
7	SP211032	Thế dục cơ bản và điện kinh	1	1	0

8	SP211039	Cờ vua 1	1	0	0
9	KT212202	Kỹ năng mềm	2	2	0
<b>Tổng học kỳ 1:</b>			<b>19</b>	<b>19</b>	<b>0</b>
1	ML211031	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	2	0
2	YD212002	Giải phẫu 2	4	4	0
3	KC211016	Lý sinh	2	2	0
4	SP211033	Bóng chuyền cơ bản	1	0	1
5	SP211034	Bơi lội cơ bản			
6	SP211035	Cầu lông cơ bản			
7	SP211042	Bóng bàn cơ bản			
8	SP211040	Cờ vua 2			
9	QP211011	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3	0
10	QP211006	Công tác quốc phòng và an ninh	2	2	0
11	QP211012	Quân sự chung	1	1	0
12	QP211013	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	2	0
13	FL211011	Tiếng Anh 1	3	3	0
<b>Tổng học kỳ 2:</b>			<b>20</b>	<b>19</b>	<b>1</b>
1	ML211032	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0
2	SP211036	Thể dục nhịp điệu cơ bản	1	0	1
3	SP211037	Taekwondo cơ bản			
4	SP211038	Bóng đá cơ bản			
5	SP211043	Bóng rổ cơ bản			
6	SP211041	Cờ vua 3			
7	FL211012	Tiếng Anh 2	3	3	0
8	YD212040	Mô phôi	3	3	0
9	YD212041	Thực tập Mô phôi	1	1	0
10	YD212044	Sinh lý học 1	2	2	0
11	YD212045	Thực tập Sinh lý học 1	1	1	0
3	YD212042	Hóa sinh	2	2	0
4	YD212043	Thực tập Hóa sinh	1	1	0
13	<a href="#">YD212017</a>	Miễn dịch đại cương	1	0	1
14	YD212060	Phơi nhiễm nghề nghiệp	1		
<b>Tổng học kỳ 3:</b>			<b>15</b>	<b>13</b>	<b>2</b>
1	FL211013	Tiếng Anh 3	3	3	0
2	ML211002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0
12	YD212053	Tâm lý y học – Y đức	2	2	0
4	YD212046	Sinh lý học 2	2	2	0
5	YD212047	Thực tập Sinh lý học 2	1	1	0
6	YD212049	Vi sinh	2	2	0
7	YD212050	Thực tập Vi sinh	1	1	0
8	YD212051	Điều dưỡng cơ bản	1	1	0
9	YD212052	Thực tập Điều dưỡng cơ bản	1	1	0
10	YD212056	Ký sinh trùng	2	2	0

11	YD212057	Thực tập Ký sinh trùng	1	1	
12	YD212023	Kỹ năng 1 (Giao tiếp)	1	0	1
10	YD212024	Kỹ năng 2 (thủ thuật)	1		
11	YD212025	Kỹ năng 3 (Thăm khám)	1	0	1
12	YD212026	Kỹ năng 4 (xét nghiệm)	1		
13	KC211006	Xác suất thống kê	2	2	0
<b>Tổng học kỳ 4:</b>			<b>24</b>	<b>22</b>	<b>2</b>
1	YD212054	Sinh lý bệnh	2	2	0
2	YD212055	Thực tập Sinh lý bệnh	1	1	0
3	YD212058	Giải phẫu bệnh	2	2	0
4	YD212059	Thực tập Giải phẫu bệnh	1	1	0
5	YD212035	Chẩn đoán hình ảnh	3	3	0
6	YD213500	Nội cơ sở	3	3	0
7	YD213501	Thực hành Nội cơ sở	3	3	0
8	ML211033	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0
9	KT213007	Khởi nghiệp	2	2	0
10	FL211014	Tiếng Anh 4	3	3	0
<b>Tổng học kỳ 5:</b>			<b>22</b>	<b>22</b>	<b>0</b>
1	YD212061	Dược lý	3	3	0
2	YD212062	Thực tập Dược lý	1	1	0
3	YD212063	Phẫu thuật thực hành	1	1	0
4	YD212064	Thực tập Phẫu thuật thực hành	1	1	0
5	YD212029	Giáo dục và nâng cao sức khỏe	1	1	0
6	FL213011	Tiếng Anh chuyên ngành y	3	3	0
7	YD213502	Ngoại cơ sở	3	3	0
8	YD213503	Thực hành Ngoại cơ sở	3	3	0
9	YD213504	Ung thư đại cương	1	1	0
10	YD213505	Thực hành Ung thư đại cương	1	1	0
11	YD212036	Thực tập cộng đồng	2	2	0
<b>Tổng học kỳ 6:</b>			<b>20</b>	<b>20</b>	<b>0</b>
1	YD212048	Phương pháp nghiên cứu Khoa học sức khỏe	2	2	0
2	YD212022	Dinh dưỡng - Vệ sinh an toàn thực phẩm	1	1	0
3	YD213506	Nội bệnh lý 1	2	2	0
4	YD213507	Thực hành Nội bệnh lý 1	2	2	0
5	YD213512	Ngoại bệnh lý 1	2	2	0
6	YD213513	Thực hành Ngoại bệnh lý 1	2	2	0
7	YD213516	Phụ sản 1	2	2	0
8	YD213517	Thực hành Phụ sản 1	3	3	0
<b>Tổng học kỳ 7:</b>			<b>16</b>	<b>16</b>	<b>0</b>
1	YD212065	Sức khỏe môi trường và bệnh nghề nghiệp	3	3	0
2	YD213508	Nội bệnh lý 2	2	2	0
3	YD213509	Thực hành Nội bệnh lý 2	2	2	0

4	YD213520	Nhi 1	2	2	0
5	YD213521	Thực hành Nhi 1	3	3	0
6	YD213099	Dân số học	1	0	1
7	YD212067	Y Pháp	1		
8	YD212068	Tổ chức và quản lý y tế	2	2	0
<b>Tổng học kỳ 8:</b>			<b>15</b>	<b>14</b>	<b>1</b>
1	YD213524	Truyền nhiễm 1	2	2	0
2	YD213525	Thực hành Truyền nhiễm 1	2	2	0
3	YD213528	Y học cổ truyền	2	2	0
4	YD213529	Thực hành Y học cổ truyền	2	2	0
5	YD213532	Lao	1	1	0
6	YD213533	Thực hành Lao	1	1	0
7	YD213542	Phục hồi chức năng	1	1	0
8	YD213543	Thực hành Phục hồi chức năng	1	1	0
9	YD213544	Thần kinh	1	1	0
10	YD213545	Thực hành Thần kinh	1	1	0
11	YD213546	Tâm thần	1	1	0
12	YD213547	Thực hành Tâm thần	1	1	0
<b>Tổng học kỳ 9:</b>			<b>16</b>	<b>16</b>	<b>0</b>
1	YD212028	Dịch tễ học	3	3	0
2	YD213530	Dị ứng	1	1	0
3	YD213531	Thực hành Dị ứng	1	1	0
4	YD213534	Răng Hàm Mặt	1	1	0
5	YD213535	Thực hành Răng Hàm Mặt	1	1	0
6	YD213536	Tai Mũi Họng	1	1	0
7	YD213537	Thực hành Tai Mũi Họng	1	1	0
8	YD213538	Mắt	1	1	0
9	YD213539	Thực hành Mắt	1	1	0
10	YD213540	Da liễu	1	1	0
11	YD213541	Thực hành Da liễu	1	1	0
12	YD212066	Kinh tế và chính sách y tế	1	1	0
<b>Tổng học kỳ 10:</b>			<b>14</b>	<b>14</b>	<b>0</b>
1	YD213510	Nội bệnh lý 3	2	2	0
2	YD213526	Truyền nhiễm 2	2	2	0
3	YD213514	Ngoại bệnh lý 2	2	2	0
4	YD213518	Phụ sản 2	2	2	0
5	YD213522	Nhi 2	2	2	0
6	YD212069	Dược lâm sàng	1	1	0
7	YD212070	Thực tập Dược lâm sàng	1	1	0
<b>Tổng học kỳ 11:</b>			<b>12</b>	<b>12</b>	<b>0</b>
1	YD213523	Thực hành Nhi 2	3	3	0
2	YD213511	Thực hành Nội bệnh lý 3	2	2	0

3	YD213515	Thực hành Ngoại bệnh lý 2	2	2	0
4	YD213519	Thực hành Phụ sản 2	3	3	0
5	YD213527	Thực hành Truyền nhiễm 2	2	2	0
<b>Nếu sinh viên đủ điều kiện thì thực hiện:</b>					
1	YD213548	Khóa luận tốt nghiệp (đủ điều kiện)	10	0	10
<b>Nếu sinh viên không đủ điều kiện hoặc không làm Khóa luận tốt nghiệp thì thực hiện:</b>					
2	YD213557	Chuyên đề tốt nghiệp	4	0	4
7	YD213549	Thực hành Nội 4	3	0	6
8	YD213550	Thực hành Ngoại 3	3	0	
9	YD213551	Thực hành Phụ Sản 3	3	0	
10	YD213552	Thực hành Nhi 3	3	0	
<b>Tổng học kỳ 12:</b>			<b>22</b>	<b>12</b>	<b>10</b>

**4. Ma trận quan hệ giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

TT	Mã HP	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo																										
		C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15	C16	C17	C18	C19	C20	C21	C22	C23	C24	C25	C26	
1	ML211030	3																						2			2	
2	ML211002	3																							2			2
3	ML211033	3																							2			2
4	ML211031	3																							2			2
5	ML211032	3																							2			2
6	FL211020		3																						2	3		3
7	FL211021		3																						2	3		3
8	FL211022		3																						2	3		3
9	FL211023		3																						2	3		3
10	FL213011		3																						2	3		3
11	KC211006			2									2															2
12	KC211027		3	2									2													3		3
13	KC211016		1	2																						1		2
14	KC211044		1	2																						1		2
15	KC211022		1	2																						1		2
16	KC211043		1	2																						1		2
17	YD212001		1	3	3																				3	1		3
18	YD212002		1	3	3																				3	1		3
19	YD212004		1	3	3																				3	1		3
20	YD212005		1	3	3				3																	1		3
21	YD212006		1	3	3				3		3		3												3	1		3
22	YD212007		1	3	3				3		3		3												3	1		3
23	YD213706		1	3	3									3							2	2	2	2	2	1	2	3
24	YD212011		1	3	3				3				3													1	3	3
25	YD212012		1	3	3	3		2	2	2	2	2	2	2												1	3	3
26	YD212013		1	3	3										3					3	3	3	3	3	3	1	3	3
27	YD212014		1	3	3		2	2	2	2	2	2	2												2	1	2	2
28	YD212038		1	3	3		2	2	2	2	2	2	2												2	1	2	2
29	YD212015		1	3	3		2	2	2	2	2	2	2										2	2	2	1	2	2



TT	Mã HP	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo																									
		C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15	C16	C17	C18	C19	C20	C21	C22	C23	C24	C25	C26
30	YD212037		1	3	3		2	2	2	2	2	2		2								2	2	1	2	2	
31	YD212016		1	3	3		2	2	2	2	2	2		2								2	2	1	2	2	
32	YD212032		1	3	3		2	2	2	2	2	2		2								2	2	1	2	2	
33	YD212019		1	3	3								3	3										3	1	3	3
34	YD212039		1	3	3								3	3										3	1	3	3
35	YD212020		1	3	3								3	3										3	1	3	3
36	YD212035		1	3	3					3														3	1	3	3
37	YD212022		1	3	3			3	3		3	3		3								3	3	1	3	3	
38	YD212023		1	3	3		3	3					3	3	3					3	3	3	3	3	1	3	3
39	YD212025		1	3	3	3	3	3		3	3											3	3	3	1	3	3
40	YD212027		1	3	3								3	3				3		3	3	3	3	3	1	3	3
41	YD212028		1	3	3								3	3				3	3	3	3	3	3	3	1	3	3
42	YD212029		1	3	3								3	3	3			3		3	3	3	3	3	1	3	3
43	YD213098		1	3	3												3							3	1	3	3
44	YD213099		1	3	3								3					2						3	1	3	3
45	YD213087		1	3	3											3				3	3	3	3	3	1	3	3
46	YD212036		1	3	3								3		3	3			3	3	3	3	3	3	1	3	3
47	YD213090		1	3	3		3	3	2	1	1	1	2					1		2	2	2	2	2	1	2	2
48	YD213091		1	3	3		3	3	2	1	1	1	2					1		2	2	2	2	2	1	2	2
49	YD213092		1	3	3		3	3	2	1	1	1	2					1		2	2	2	2	2	1	2	2
50	YD213093		1	3	3		3	3	2	1	1	1	2					1		2	2	2	2	2	1	2	2
51	YD213035		1	3	3		3	3	2	1	1	1	2					1		2	2	2	2	2	1	2	2
52	YD213036		1	3	3		3	3	2	1	1	1	2					1		2	2	2	2	2	1	2	2
53	YD213037		1	3	3		3	3	2	2	2	2	2					2		2	2	2	2	2	1	2	2
54	YD213038		1	3	3		3	3	2	2	2	2	2					2		2	2	2	2	2	1	2	2
55	YD213039		1	3	3		3	3	2	2	2	2	2					2		2	2	2	2	2	1	2	2
56	YD213040		1	3	3		3	3	2	2	2	2	2					2		2	2	2	2	2	1	2	2
57	YD213041		1	3	3		3	3	3	3	3	3	3	1				3	2	3	3	3	3	3	1	3	3
58	YD213042		1	3	3		3	3	3	3	3	3	3	1				3	2	3	3	3	3	3	1	3	3
59	YD213043		1	3	3		3	3	2	2	2	2	2	2				2		2	2	2	2	2	1	2	2

TT	Mã HP	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo																									
		C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15	C16	C17	C18	C19	C20	C21	C22	C23	C24	C25	C26
60	YD213044		1	3	3		3	3	2	2	2	2	2	2					2		2	2	2	2	1	2	2
61	YD213045		2	3	3		3	3	2	2	2	2	2	2					2		2	2	2	2	2	2	2
62	YD213046		2	3	3		3	3	2	2	2	2	2	2					2		2	2	2	2	2	2	2
63	YD213047		2	3	3		3	3	2	2	2	2	2	2					2		2	2	2	2	2	2	2
64	YD213094		2	3	3		3	3	2	2	2	2	2	2					2		2	2	2	2	2	2	2
65	YD213049		2	3	3		3	3	3	3	3	3	3	1					3	2	3	3	3	3	2	3	3
66	YD213095		2	3	3		3	3	3	3	3	3	3	1					3	2	3	3	3	3	2	3	3
67	YD213051		2	3	3		3	3	2	2	2	2	2						2		2	2	2	2	2	2	2
68	YD213096		2	3	3		3	3	2	2	2	2	2						2		2	2	2	2	2	2	2
69	YD213053		2	3	3		3	3	3	3	3	3	3	1					3	2	3	3	3	3	2	3	3
70	YD213097		2	3	3		3	3	3	3	3	3	3	1					3	2	3	3	3	3	2	3	3
71	YD213055		2	3	3		3	3	2	2	2	2	2						2		2	2	2	2	2	2	2
72	YD213056		2	3	3		3	3	2	2	2	2	2						2		2	2	2	2	2	2	2
73	YD213001		2	3	3		3	3	3	3	3	3	3	1					3	2	3	3	3	3	2	3	3
74	YD213002		2	3	3		3	3	3	3	3	3	3	1					3	2	3	3	3	3	2	3	3
75	YD213244		2	3	3	3	3	3	2	2	2	2	2						2	2	2	2	2	2	2	2	2
76	YD213003		2	3	3	3	3	3	2	2	2	2	2						2	2	2	2	2	2	2	2	2
77	YD213065		2	3	3		3	3	2	2	2	2	2						2		2	2	2	2	2	2	2
78	YD213066		2	3	3		3	3	2	2	2	2	2						2		2	2	2	2	2	2	2
79	YD213067		2	3	3		3	3	2	2	2	2	2						2		2	2	2	2	2	2	2
80	YD213068		2	3	3		3	3	2	2	2	2	2						2		2	2	2	2	2	2	2
81	YD213069		2	3	3		3	3	2	2	2	2	2						2		2	2	2	2	2	2	2
82	YD213070		2	3	3		3	3	2	2	2	2	2						2		2	2	2	2	2	2	2
83	YD213071		2	3	3		3	3	2	2	2	2	2						2		2	2	2	2	2	2	2
84	YD213072		2	3	3		3	3	2	2	2	2	2						2		2	2	2	2	2	2	2
85	YD213073		2	3	3		3	3	2	2	2	2	2						2		2	2	2	2	2	2	2
86	YD213074		2	3	3		3	3	2	2	2	2	2						2		2	2	2	2	2	2	2
87	YD213075		2	3	3		3	3	2	2	2	2	2						2		2	2	2	2	2	2	2
88	YD213076		2	3	3		3	3	2	2	2	2	2						2		2	2	2	2	2	2	2
89	YD213077		2	3	3	3	3	3	2	2	2	2	2						2	2	2	2	2	2	2	2	2

TT	Mã HP	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo																									
		C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15	C16	C17	C18	C19	C20	C21	C22	C23	C24	C25	C26
90	YD213078		2	3	3	3	3	3	2	2	2	2	2	2					2	2	2	2	2	2	2	2	2
91	YD213079		2	3	3		3	3	2	2	2	2	2	2					2		2	2	2	2	2	2	2
92	YD213080		2	3	3		3	3	2	2	2	2	2	2					2		2	2	2	2	2	2	2
93	YD213081		2	3	3		3	3	2	2	2	2	2	2					2		2	2	2	2	2	2	2
94	YD213082		2	3	3		3	3	2	2	2	2	2	2					2		2	2	2	2	2	2	2
95	YD216001		3	3	3	2							3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
96	YD216095		2	3	3	2	3	3	3	3	3	3	3	1				3	2	3	3	3	3	3	2	3	3
97	YD216096		2	3	3	2	3	3	3	3	3	3	3	1				3	2	3	3	3	3	3	2	3	3
98	YD216097		2	3	3	2	3	3	3	3	3	3	3	1				3	2	3	3	3	3	3	2	3	3
99	YD216098		2	3	3	2	3	3	3	3	3	3	3	1				3	2	3	3	3	3	3	2	3	3
100	YD216001		3	3	3	2							3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
101	YD216104		2	3	3	2	3	3	3	3	3	3	3	1				3	2	3	3	3	3	3	2	3	3
102	YD216105		2	3	3	2	3	3	3	3	3	3	3	1				3	2	3	3	3	3	3	2	3	3
103	YD216106		2	3	3	2	3	3	3	3	3	3	3	1				3	2	3	3	3	3	3	2	3	3
104	YD216107		2	3	3	2	3	3	3	3	3	3	3	1				3	2	3	3	3	3	3	2	3	3
105	YD216108		2	3	3	1			3		3		3								3	3	3	3	2	3	3
106	YD216109		2	3	3	1			3		3		3							2	3	3	3	3	2	3	3
107	YD216110		3	3	3				3		3		3											3	3	3	3
108	YD216111		3	3	3								3	3	2				2	2	2	2	2	3	3	3	3

Chú thích tên học phần theo số thứ tự

TT	Tên học phần	TT	Tên học phần	TT	Tên học phần
1	Triết học Mác - Lênin	11	Xác suất thống kê	21	Sinh lý học 1
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	12	Tin học đại cương	22	Sinh lý học 2
3	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	13	Lý sinh	23	PPNC Khoa học sức khỏe
4	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	14	Hóa học đại cương	24	Vi sinh
5	Chủ nghĩa xã hội khoa học	15	Sinh học đại cương	25	Điều dưỡng cơ bản
6	Tiếng Anh 1	16	Di truyền y học	26	Tâm lý y học – Y đức
7	Tiếng Anh 2	17	Giải phẫu 1	27	Sinh lý bệnh
8	Tiếng Anh 3	18	Giải phẫu 2	28	Thực hành Sinh lý bệnh
9	Tiếng Anh 4	19	Mô phôi	29	Ký sinh trùng

TT	Tên học phần	TT	Tên học phần	TT	Tên học phần
10	Tiếng Anh chuyên ngành y	20	Hóa sinh	30	Thực hành Kỹ sinh trùng
31	Giải phẫu bệnh	41	Dịch tễ học	51	Ung thư đại cương
32	Miễn dịch đại cương	42	Giáo dục và nâng cao sức khỏe	52	Thực hành Ung thư đại cương
33	Dược lý	43	Kinh tế và chính sách y tế	53	Nội bệnh lý 1
34	Thực tập Dược lý	44	Dân số học	54	Thực hành Nội bệnh lý 1
35	Phẫu thuật thực hành	45	Tổ chức và quản lý y tế	55	Nội bệnh lý 2
36	Chẩn đoán hình ảnh	46	Thực tập cộng đồng	56	Thực hành Nội bệnh lý 2
37	Dinh dưỡng - Vệ sinh an toàn thực phẩm	47	Nội cơ sở	57	Nội bệnh lý 3
38	Kỹ năng 1 (Giao tiếp)	48	Thực hành Nội cơ sở	58	Thực hành Nội bệnh lý 3
39	Kỹ năng 3 (Thăm khám)	49	Ngoại cơ sở	59	Ngoại bệnh lý 1
40	Sức khỏe môi trường và bệnh nghề nghiệp	50	Thực hành Ngoại cơ sở	60	Thực hành Ngoại bệnh lý 1
61	Ngoại bệnh lý 2	71	Truyền nhiễm 1	81	Răng Hàm Mặt
62	Thực hành Ngoại bệnh lý 2	72	Thực hành Truyền nhiễm 1	82	Thực hành Răng Hàm Mặt
63	Phụ sản 1	73	Truyền nhiễm 2	83	Tai Mũi Họng
64	Thực hành Phụ sản 1	74	Thực hành Truyền nhiễm 2	84	Thực hành Tai Mũi Họng
65	Phụ sản 2	75	Y học cổ truyền	85	Mắt
66	Thực hành Phụ sản 2	76	Thực hành Y học cổ truyền	86	Thực hành Mắt
67	Nhi 1	77	Dị ứng	87	Da liễu
68	Thực hành Nhi 1	78	Thực hành Dị ứng	88	Thực hành Da liễu
69	Nhi 2	79	Lao	89	Phục hồi chức năng
70	Thực hành Nhi 2	80	Thực hành Lao	90	Thực hành Phục hồi chức năng
91	Thần kinh	97	Thực hành Ngoại 3	103	Phụ Sản 3
92	Thần kinh Thực hành	98	Thực hành Phụ Sản 3	104	Nhi 3
93	Tâm thần	99	Thực hành Nhi 3	105	Sinh lý 3
94	Thực hành Tâm thần	100	Viết chuyên đề	106	Giải phẫu 3
95	Khóa luận tốt nghiệp	101	Nội 4	107	Dược lý 2
96	Thực hành Nội 4	102	Ngoại 3	108	Dịch tễ 2

**Ghi chú:** Mức độ đóng góp của các học phần với chuẩn đầu ra được mã hóa như sau:

1 = đóng góp mức thấp

2 = đóng góp mức trung bình

3 = đóng góp mức cao

Đỏ trống = không đóng góp.

## **5. Mô tả vắn tắt các học phần**

### **5.1. MÃ HỌC PHẦN: ML211030, TRIẾT HỌC MÁC-LÊNIN, 3 TC (3/0)**

Học phần Triết học Mác - Lênin là một trong 5 học phần thuộc khối kiến thức lý luận chính trị, mang tính bắt buộc. Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về triết học và vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội; Chủ nghĩa duy vật biện chứng với tư cách là hạt nhân lý luận của thế giới quan khoa học; chủ nghĩa duy vật lịch sử với tư cách là sự vận dụng, phát triển những nguyên lý của chủ nghĩa duy vật và phép biện chứng vào nghiên cứu đời sống xã hội. Từ đó, người học hiểu được cơ sở thế giới quan, phương pháp luận khoa học và có thể vận dụng sáng tạo trong hoạt động nhận thức và thực tiễn.

### **5.2. MÃ HỌC PHẦN: FL211011, TIẾNG ANH 1, 3 TC (3/0)**

Tiếng Anh 1 là học phần đầu tiên trong bốn học phần tiếng Anh để phát triển kỹ năng nghe, nói, đọc và viết tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ trường đại học Tây Nguyên.

Học phần tiếng Anh 1 giúp sinh viên tích lũy từ vựng và các cấu trúc tiếng Anh, đồng thời phát triển bốn kỹ năng tiếng Anh về những chủ đề đơn giản, quen thuộc hàng ngày, được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản (như các thông tin về các nước trên thế giới, địa điểm du lịch, các hoạt động hàng ngày, gia đình, tính cách con người, đồ ăn và thức uống, công việc, đồ vật trong nhà và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu); từ đó có thể phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh ở các học phần tiếng Anh 2, 3, 4 sau này.

### **5.3. MÃ HỌC PHẦN: KC211027, TIN HỌC ĐẠI CƯƠNG, 2TC (1/1)**

Học phần này thuộc nhóm Kiến thức giáo dục đại cương, giảng dạy cho sinh viên năm thứ nhất, hệ đại học của tất cả các chuyên ngành.

Học phần Tin học Đại cương hướng dẫn sinh viên đạt được các kiến thức tổng quan về máy tính và quản lý thông tin; vận dụng các kiến thức cơ bản về tin học văn phòng để giải quyết các yêu cầu công việc. Học phần cung cấp cho người học kiến thức và rèn luyện kỹ năng sử dụng các phần mềm thông dụng trong công tác văn phòng như: soạn thảo văn bản với Microsoft Word, tính toán và phân tích dữ liệu nâng cao với Microsoft Excel, thiết kế và xây dựng bài trình chiếu với Microsoft PowerPoint. Bên cạnh đó, học phần hỗ trợ sinh viên kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả vào học tập và cuộc sống.

### **5.4. MÃ HỌC PHẦN: KC211044, HÓA HỌC ĐẠI CƯƠNG, 3TC (2/1)**

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức về liên kết hóa học và cấu tạo phân tử giúp cho sinh viên hiểu rõ được các quá trình hóa học như: nhiệt động lực học ứng dụng trong hóa học, động học các phản ứng hóa học, khái niệm về dung dịch và các đặc điểm của dung dịch; các vấn đề kiến thức cơ bản trong hóa hữu cơ (liên kết cộng hóa trị trong hợp chất hữu cơ, hiệu ứng chuyển dịch electron, cơ chế các loại phản ứng trong hợp chất hữu cơ, tính chất và phương pháp điều chế các hợp chất hữu cơ. Các kiến thức đại cương này giúp sinh viên vận dụng để học tiếp các học phần chuyên ngành có liên quan đến hóa học. Hơn nữa học phần còn trang bị cho sinh viên không chuyên những kiến thức cơ bản về kỹ năng làm việc trong phòng thí nghiệm hoá học; cách tiến hành một bài thí nghiệm, trên cơ sở các bài thí nghiệm để hiểu sâu sắc thêm phần lý thuyết hoá học và tạo điều kiện để sinh viên có thể học tốt các môn học cơ sở và chuyên ngành.

### **5.5. MÃ HỌC PHẦN: KC211022, SINH HỌC ĐẠI CƯƠNG, 2TC (1.5/0.5)**

Sinh học đại cương là học phần bao gồm những kiến thức khái quát nhất về Sinh học; cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các đặc trưng của cơ thể sống; cấu trúc và chức năng của các mô, các cơ quan, các hệ cơ quan trong cơ thể sinh vật đa bào; cơ sở vật chất và cơ chế của di truyền, biến dị ở cấp độ phân tử và cấp độ tế bào; các qui luật di truyền qua nhân, qua tế bào chất và di truyền quần thể; các loại biến dị và vai trò của các biến dị đối với tiến hóa và chọn giống; các nhân tố sinh thái trong môi trường sống của sinh vật; các đặc trưng cơ bản của quần thể sinh vật, quần xã sinh vật, hệ sinh thái và các loại diễn thế sinh thái. Rèn luyện cho người học các kỹ năng cơ bản làm việc trong phòng thí nghiệm.

Các kiến thức của học phần có liên quan đến kiến thức của nhiều môn học khác, như: Tế bào học, Di truyền học, Di truyền y học, Di truyền người và quần thể, Sinh học thực vật, Thực vật học, Hình thái – Giải phẫu thực vật, Phân loại học thực vật, Sinh lý học thực vật, Giải phẫu – Sinh lý người và động vật, Tiến hóa và đa dạng sinh học, Khoa học môi trường, Sinh học phát triển,

Hóa sinh, Vi sinh, Lý sinh... Vì thế các kiến thức của học phần là cơ sở để giải thích một số hiện tượng Sinh học trong tự nhiên và đời sống, làm cơ sở cho việc lĩnh hội kiến thức của các học phần có liên quan trong chương trình đào tạo của các ngành: Y học, Sư phạm Sinh học, Sinh học, Công nghệ sinh học, Lâm Sinh, Khoa học cây trồng, Bảo vệ thực vật, Quản lý tài nguyên rừng và môi trường, Thú y, Chăn nuôi - Thú y...

#### **5.6. MÃ HỌC PHẦN: KC211043, DI TRUYỀN Y HỌC, 3TC (2/1)**

- Nội dung của học phần gồm các khối kiến thức về: quy luật di truyền các tính trạng, bệnh tật ở người; cơ chế phát sinh bệnh tật ở mức tế bào, phân tử; các nguyên tắc trong phòng và chẩn đoán các bệnh tật di truyền.

- Cung cấp cho sinh viên các kiến thức căn bản về các quy luật di truyền ở người (di truyền đơn gen, đa gen, đa nhân tố, di truyền quần thể); các kiểu đột biến nhiễm sắc thể, đột biến gen và ảnh hưởng của chúng trong biểu hiện các tính trạng, bệnh tật ở người; các bước thực hiện chẩn đoán, tư vấn bệnh tật di truyền.

#### **5.7. MÃ HỌC PHẦN: SP211032, THỂ DỤC CƠ BẢN VÀ ĐIỀN KINH, 1TC (0/1)**

Học phần Thể dục cơ bản và Điền kinh là học phần bắt buộc cho sinh viên trong chương trình đào tạo hệ Đại học của Trường Đại học Tây Nguyên.

Học phần trang bị cho sinh viên các tư thế, động tác cơ bản Thể dục cơ bản và Điền kinh.

#### **5.8. MÃ HỌC PHẦN: SP 211033, BÓNG CHUYỀN CƠ BẢN (Tự chọn 1), 1TC (0/1)**

Bóng chuyền là học phần tự chọn được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện, tập luyện, vui chơi ngoại khóa. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học cơ bản về bóng chuyền.

Tập luyện Bóng chuyền giúp cho cơ thể người tập có một sức khỏe tốt hơn, tinh thần lạc quan để thực hiện tốt các công việc được tốt hơn. Bóng chuyền giúp người học phải di chuyển và hoạt động liên tục nên nó sẽ giúp bạn có được một cơ thể dẻo dai.

#### **5.9. MÃ HỌC PHẦN: SP211034, BƠI LỢI CƠ BẢN (Tự chọn 1), 1TC (0/1)**

Bơi lội là học phần tự chọn được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện, tập luyện bơi lội một cách có hệ thống và khoa học giúp cho cơ thể người tập có một sức khỏe tốt hơn, tinh thần lạc quan để tiến hành thực hiện tốt các công việc khác.

Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức và cách thực hiện một số động tác hỗ trợ kỹ thuật, phát triển thể lực và kỹ thuật bơi ếch.

Thực hiện cơ bản đúng kỹ thuật kiểu bơi ếch; Vận dụng được những hiểu biết về luật và tập luyện, phát triển thể lực chung, phục vụ cuộc sống, phòng tránh tai nạn sông nước. Ngoài ra Học phần học còn góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong ... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập luyện trong các Học phần thể thao khác.

#### **5.10. MÃ HỌC PHẦN: SP211035, CẦU LÔNG CƠ BẢN (Tự chọn 2), 1TC (0/1)**

Cầu lông là một trong những học phần tự chọn được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện. Tập luyện cầu lông có tác dụng làm phát triển và hoàn thiện hệ vận động trong đó bao gồm các hệ cơ, hệ xương, hệ thần kinh; đồng thời phát triển tương ứng các hệ thống cơ quan khác của cơ thể như hệ hô hấp, hệ tuần hoàn... Cùng với hệ phát triển các hệ thống cơ quan của cơ thể là sự phát triển các tổ chất vận động thể lực quan trọng của con người như: sức mạnh, sức nhanh, sức bền, khả năng phối hợp vận động.

Học phần trang bị cho sinh viên một số động tác, kỹ năng cơ bản cầu lông, phát triển nâng cao thể lực của sinh viên nhằm đáp ứng mục tiêu về giáo dục, đào tạo sinh viên phát triển toàn diện, mang lại hiệu quả cao trong nhiệm vụ tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất cho thế hệ trẻ.

Ngoài ra, tập luyện cầu lông góp phần tích cực hoàn thiện về nhân cách, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong, tính tự tin, lòng quyết tâm... Tập luyện và thi đấu cầu lông còn có tác dụng tăng cường tình đoàn kết, hữu nghị sự hiểu biết lẫn nhau giữa con người với con người, giữa các dân tộc và các quốc gia khác nhau trên thế giới.

### **5.11. MÃ HỌC PHẦN: SP211042, BÓNG BÀN CƠ BẢN (Tự chọn 1), 1TC (0/1)**

Bóng bàn là một Học phần thể thao tương đối phát triển ở nước ta. Trong kế hoạch đào tạo của nhà trường, học phần bóng bàn là một trong những học phần cơ bản đối với chuyên ngành Giáo dục Thể chất dành cho sinh viên.

Học phần trang bị cho sinh viên những nguyên lí chung, lí luận về kĩ, chiến thuật bóng bàn. Nắm vững phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài. Thực hiện thuần thục một số kĩ thuật cơ bản, có khả năng thực hiện động tác đẹp, chính xác, trình độ căn bản tốt.

### **5.12. MÃ HỌC PHẦN: SP211036, THỂ DỤC NHỊP ĐIỆU CƠ BẢN (Tự chọn 2), 1TC (0/1)**

Bài tập Thể dục Aerobic phải mang tính liên tục, sự mềm dẻo, sức mạnh cũng như việc sử dụng 7 bước cơ bản với mức độ hoàn hảo cao cũng như việc thực hiện không sai sót nhóm động tác có độ khó.

Bài tập của Thể dục Aerobic là khả năng thực hiện liên tiếp những cấu trúc có cường độ cao và phức tạp kết hợp với âm nhạc mà nguồn gốc là khiêu vũ cổ điển. Mục đích chính của Học phần khiêu vũ cổ điển này là nhằm cải thiện sức bền tim mạch và nâng cao sức khỏe.

Thể dục Aerobic không chỉ là một học phần nhằm huấn luyện thể lực cho cộng đồng người dân từ cuối những năm 80 mà nó còn là một học phần thể thao mang tính thi đấu cao hàng đầu. Aerobic trình diễn những di chuyển sống động, sức mạnh mềm dẻo, sự phối hợp vận động và kết hợp âm nhạc trong một bài tập kéo dài dưới 2 phút.

### **5.13. MÃ HỌC PHẦN: SP211037, TAEKWONDO (Tự chọn 2), 1TC (0/1)**

Cũng như các Học phần thể thao khác, Taekwondo là Học phần thể thao thi đấu đối kháng cá nhân trực tiếp giữa 2 đấu thủ, được thực hiện với khối lượng và cường độ cao luôn biến động trong thời gian dài, ra đòn liên tục, tập trung cao, phán đoán nhanh, vận dụng hầu hết các cơ quan trong cơ thể.

### **5.14. MÃ HỌC PHẦN: SP211038, BÓNG ĐÁ CƠ BẢN (Tự chọn 2), 1TC (0/1)**

Bóng đá là học phần tự chọn được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện, tập luyện bóng đá một cách có hệ thống và khoa học giúp cho cơ thể người tập có một sức khỏe tốt hơn, tinh thần lạc quan đem lại cho người học nhiều lợi ích thiết thực cả về thể chất lẫn tinh thần.

Học phần trang bị cho sinh viên nắm được một số động tác, kĩ năng cơ bản bóng đá, phát triển nâng cao thể lực của sinh viên nhằm đáp ứng mục tiêu về giáo dục, đào tạo sinh viên phát triển toàn diện, mang lại hiệu quả cao trong nhiệm vụ tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất cho thế hệ trẻ.

Ngoài ra tập luyện bóng đá góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong ... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập luyện trong các Học phần thể thao khác để nâng cao thể chất cho sinh viên.

### **5.15. MÃ HỌC PHẦN: SP 211043, BÓNG RỔ CƠ BẢN (Tự chọn 2), 1TC (0/1)**

Bóng rổ là học phần tự chọn được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện, tập luyện, vui chơi ngoại khóa.

Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học cơ bản về Học phần bóng rổ. Tập luyện Bóng rổ giúp cho cơ thể người tập có một sức khỏe tốt hơn, tinh thần lạc quan để thực hiện tốt các công việc được tốt hơn. Bóng rổ giúp người học phải di chuyển và hoạt động liên tục nên nó sẽ giúp bạn có được một cơ thể dẻo dai.

### **5.16. MÃ HỌC PHẦN: SP 211039, CỜ VUA 1, 1 TC (0/1)**

Cờ vua là trò chơi quốc tế và là Học phần thể thao trí tuệ cho 2 người chơi. Ngày nay, Cờ vua là một trong những trò chơi phổ biến nhất thế giới với hàng triệu người tại nhà riêng, trong câu lạc bộ, trực tuyến, từ xa và trong các giải. Việc học tập, chơi Cờ vua được coi là một cách để rèn luyện tư duy và bản lĩnh có tác dụng tốt đối với sức khỏe phát triển thể lực toàn diện, tạo tiền đề để học tập các Học phần thể thao khác. Chơi Cờ vua chính là góp phần xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.

### **5.17. MÃ HỌC PHẦN: SP 211040, CỜ VUA 2, TC (0/1)**

#### **Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

Cờ vua là trò chơi quốc tế và là Học phần thể thao trí tuệ cho 2 người chơi. Ngày nay, Cờ vua là một trong những trò chơi phổ biến nhất thế giới với hàng triệu người tại nhà riêng, trong

câu lạc bộ, trực tuyến, từ xa và trong các giải. Việc học tập, chơi Cờ vua được coi là một cách để rèn luyện tư duy và bản lĩnh có tác dụng tốt đối với sức khỏe phát triển thể lực toàn diện, tạo tiền đề để học tập các Học phần thể thao khác. Chơi Cờ vua chính là góp phần xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.

#### **5.18. MÃ HỌC PHẦN: SP 211041, CỜ VUA 3, 1 TC (0/1)**

Cờ vua là trò chơi quốc tế và là Học phần thể thao trí tuệ cho 2 người chơi. Ngày nay, Cờ vua là một trong những trò chơi phổ biến nhất thế giới với hàng triệu người tại nhà riêng, trong câu lạc bộ, trực tuyến, từ xa và trong các giải. Việc học tập, chơi Cờ vua được coi là một cách để rèn luyện tư duy và bản lĩnh có tác dụng tốt đối với sức khỏe phát triển thể lực toàn diện, tạo tiền đề để học tập các Học phần thể thao khác. Chơi Cờ vua chính là góp phần xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.

#### **5.19. MÃ HỌC PHẦN: KT212202, KỸ NĂNG MỀM, 2 TC (2/0)**

##### **Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

Học phần kỹ năng mềm được xếp là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo đại học của tất cả các ngành tại Trường Đại học Tây Nguyên. Học phần này có vị trí quan trọng trong việc hình thành cho sinh viên những kỹ năng mềm cơ bản để thích ứng với xu thế phát triển chung của thời đại. Học phần bao gồm kiến thức về các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng xác lập mục tiêu và làm việc nhóm, kỹ năng tư duy tích cực và sáng và kỹ năng tổ chức công việc và quản lý thời gian. Từ những kiến thức được cung cấp, sinh viên sẽ hình thành và vận dụng được một cách linh hoạt những kỹ năng mềm này vào trong thực tiễn học tập và cuộc sống, giúp sinh viên trở nên năng động hơn, góp phần đáp ứng được yêu cầu của các đơn vị sử dụng lao động. Với những kiến thức và kỹ năng mềm được rèn luyện trong học phần, sinh viên còn có thể vận dụng sáng tạo nhằm hỗ trợ cho việc học tập các học phần khác trong chương trình đào tạo của ngành.

#### **5.20. MÃ HỌC PHẦN: KT213007, KHỞI NGHIỆP, 2 TC (1.5/0.5)**

Học phần Khởi nghiệp là học phần bắt buộc của sinh viên khối ngành Kinh tế. Học phần cung cấp những kiến thức nhằm giúp người học biết cách chuẩn bị những điều kiện cần và đủ để tạo lập và điều hành thành công một doanh nghiệp mới. Học phần cũng đồng thời trang bị những kỹ năng để người học có thể xây dựng được một kế hoạch hành động cho ý tưởng kinh doanh, thực thi kế hoạch và điều chỉnh cho phù hợp với những thay đổi của môi trường kinh doanh. Ngoài ra học phần còn nhằm nâng cao nhận thức về trách nhiệm của một doanh nhân đối với sự phát triển nền kinh tế của đất nước, đối với khách hàng mà doanh nghiệp phục vụ và với cả cộng đồng dân cư thuộc địa bàn hoạt động của doanh nghiệp. Đây là học phần sử dụng kiến thức tổng hợp từ nhiều môn như Quản trị điều hành, Quản trị tài chính, Quản trị marketing... tuy nhiên học phần được thiết kế gọn nhẹ, có phần kiến thức cơ bản để sinh viên các ngành khác có thể học tập học phần này.

#### **5.21. MÃ HỌC PHẦN: ML211031, KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC – LÊNIN, 2TC (2/0)**

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin là một trong 5 học phần thuộc khối kiến thức Lý luận chính trị và được học sau học phần Triết học Mác - Lênin. Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về kinh tế hàng hóa, thị trường; những tri thức kinh tế chính trị về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Từ đó, người học hiểu được cơ sở khách quan của các chính sách phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam và các quan hệ lợi ích trong nền kinh tế; vấn đề công nghiệp hóa – hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế cũng như những vấn đề kinh tế chính trị của Việt Nam hiện nay.

#### **5.22. MÃ HỌC PHẦN: FL211012, TIẾNG ANH 2, 3TC (3/0)**

Tiếng Anh 2 là học phần thứ hai trong bốn học phần tiếng Anh nhằm giúp sinh viên tích lũy và phát triển kiến thức về cấu trúc câu, ngữ pháp, từ vựng, và phát âm, lòng ghép trong bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ của trường Đại học Tây Nguyên.



Học phần tiếng Anh 2 giới thiệu và hướng dẫn thực hành các chức năng ngôn ngữ cần thiết để sinh viên có kiến thức về những phong cách giao tiếp khác nhau, từ đó có thể phát triển bốn kỹ năng tiếng ở cấp độ cao hơn.

Ngoài ra, học phần tiếng Anh 2 còn cung cấp cho sinh viên kiến thức về đất nước và con người của một số quốc gia nói tiếng Anh.

### **5.23. MÃ HỌC PHẦN: KC211016, LÝ SINH, 2 TC (2/0)**

Các chủ đề của lý sinh là các nguyên tắc vật lý làm nền tảng cho tất cả các quá trình của hệ thống sống. Điều này cũng bao gồm các tác nhân lý sinh môi trường, đại diện cho ảnh hưởng của môi trường vật lý đến các chức năng sinh lý. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống các kiến thức gồm các nguyên lý cơ bản về năng lượng và động lực học của hệ thống sinh học; cơ chế vật lý cơ bản của quá trình trao đổi chất các cấp độ vi mô (tế bào) và vĩ mô (tuần hoàn, hô hấp); thuộc tính điện học của hệ thống sống; và tác động của môi trường vật lý (dòng điện, sóng âm, ánh sáng, và bức xạ ion hóa) lên hệ thống sống. Thông qua nghiên cứu học phần lý sinh, sinh viên có cái nhìn cơ bản về cách thức hệ thống sống vận hành được giải thích trên cơ sở vật lý học, từ đó có thể tiếp cận tốt hệ thống các học phần chuyên sâu về sinh lý thực vật, sinh lý động vật, sinh học phân tử, hóa sinh, nguyên lý các thiết bị công nghệ sinh học, vật liệu sinh học đối với sinh viên khối ngành sinh học và các học phần hóa sinh, dược lý, sinh lý học đối với sinh viên y đa khoa.

### **5.24. MÃ HỌC PHẦN: QP211011, ĐƯỜNG LỐI QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM, 3 TC (3/0)**

Học phần cung cấp cơ sở lý luận về đường lối quân sự và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam, bao gồm: Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu môn học; Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh và đối ngoại; nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới; Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên quốc phòng; Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Học phần này là những kiến thức lý luận cơ bản tiền đề, làm cơ sở để vận dụng học những học phần khác.

### **5.25. MÃ HỌC PHẦN: QP211006, CÔNG TÁC QUỐC PHÒNG AN NINH, 2TC (2/0)**

Học phần đề cập những nội dung cơ bản về nhiệm vụ công tác quốc phòng và an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: Phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; Một số vấn đề cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống dịch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông; Phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác; An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng; An ninh phi truyền thống và đấu tranh phòng chống các đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam.

### **5.26. MÃ HỌC PHẦN: QP211012, QUÂN SỰ CHUNG, 1TC (0.7/0.3)**

Giáo dục quốc phòng và an ninh cho học sinh, sinh viên trong các trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học là môn học chính khóa.

Học phần Quân sự chung là một nội dung trong chương trình môn học, nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: Chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần; các chế độ nề nếp chính quy, cách sắp xếp, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại khi học tập môn học giáo dục quốc phòng và an ninh tại trung tâm; điều lệnh đội ngũ; bản đồ, địa hình quân sự; phòng tránh địch tiến công hòa lực bằng vũ khí công nghệ cao; hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong Quân đội nhân dân Việt Nam. Học phần giành thời gian giới thiệu 3 môn quân sự phối hợp để sinh viên tham gia hội thao điền kinh, thể thao quốc phòng.

### **5.27. MÃ HỌC PHẦN: QP211013, KỸ THUẬT CHIẾN ĐẤU BỘ BINH VÀ CHIẾN THUẬT, 2TC (0/2)**

Giáo dục quốc phòng và an ninh cho học sinh, sinh viên trong các trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học là môn học chính khóa.

Học phần Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật là một nội dung trong chương trình môn học. Học phần nhằm trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng cơ bản về: Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK; tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng; từng người trong chiến đấu tiến công, từng người trong chiến đấu phòng ngự; từng người làm nhiệm vụ canh gác (canh giới).

### **5.28. MÃ HỌC PHẦN: YD212001, GIẢI PHẪU 1, 3TC (2/1)**

Giải phẫu học là môn học nghiên cứu các hình thể và cấu trúc của cơ thể. Mối liên quan giữa các bộ phận trong cơ thể và tương quan của toàn bộ cơ thể với môi trường. Đây là môn học cơ sở rất cần thiết cho các môn học khác cũng như các môn y học lâm sàng. Về phương pháp tiếp cận học phần giải phẫu lồng ghép nhiều phương pháp như giải phẫu chức năng, giải phẫu phát triển, giải phẫu so sánh, giải phẫu định khu, giải phẫu hệ thống. Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên khối lượng kiến thức tổng hợp theo định khu các vùng chính của cơ thể. Các kiến thức về vị trí, sự sắp xếp và liên quan của các thành phần xương, cơ, mạch thần kinh của chi, đầu mặt. Cấu tạo, hoạt động và mối tương quan của hệ thần kinh với các phần của cơ thể.

Đồng thời học phần cũng cung cấp thêm cho sinh viên những kiến thức sâu liên quan đến các môn học cơ sở cũng như lâm sàng sau này để áp dụng khi có biểu hiện tổn thương, bệnh lý các vùng chi, đầu mặt, thần kinh để hình thành thái độ của sinh viên trong quá trình học kiến thức.

### **5.29. MÃ HỌC PHẦN: ML211032, CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC, 2TC (2/0)**

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học là một trong 5 học phần thuộc khối kiến thức lý luận chính trị, mang tính bắt buộc. Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa xã hội khoa học, sứ mệnh lịch sử giai cấp công nhân trong việc thực hiện cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đặc biệt, trình bày một cách có hệ thống một số vấn đề mang tính quy luật trong tiến trình đi lên chủ nghĩa xã hội của nhân loại như: vấn đề xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa, vấn đề liên minh giai cấp, vấn đề tôn giáo, vấn đề dân tộc, vấn đề gia đình,...

### **5.30. MÃ HỌC PHẦN: FL211013, TIẾNG ANH 3, 3TC (3/0)**

Tiếng Anh 3 là học phần thứ ba trong bốn học phần tiếng Anh để phát triển kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ của trường đại học Tây Nguyên.

Học phần tiếng Anh 3 giúp sinh viên phát triển bốn kỹ năng tiếng Anh từ việc nghe những đoạn hội thoại hoặc thông báo về các chủ đề quen thuộc, mô tả kinh nghiệm bản thân hoặc mô tả đơn giản về các chủ đề quen thuộc, trình bày những bài thuyết trình đơn giản, đọc các văn bản chứa đựng thông tin rõ ràng về các chủ đề quen thuộc, viết các bài luận đơn giản, ngắn gọn... bằng tiếng Anh; giới thiệu, hướng dẫn các chức năng ngôn ngữ cần thiết để sinh viên hiểu được các phong cách giao tiếp khác nhau từ đó có thể phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, kỹ viết tiếng Anh ở cấp độ cao hơn.

### **5.31. MÃ HỌC PHẦN: YD212002, GIẢI PHẪU 2, 4TC (2/2)**

Giải phẫu học là môn học nghiên cứu các hình thể và cấu trúc của cơ thể. Mối liên quan giữa các bộ phận trong cơ thể và tương quan của toàn bộ cơ thể với môi trường. Đây là môn học cơ sở rất cần thiết cho các môn học khác cũng như các môn y học lâm sàng. Về phương pháp tiếp cận học phần giải phẫu lồng ghép nhiều phương pháp như giải phẫu chức năng, giải phẫu phát triển, giải phẫu so sánh, giải phẫu định khu, giải phẫu hệ thống. Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên khối lượng kiến thức tổng hợp theo định khu các vùng chính của cơ thể. Các kiến thức về vị trí, sự sắp xếp, cấu tạo và liên quan của các tạng trong ngực, bụng và chậu. Cấu tạo và đặc điểm của các thành phần tạo nên lồng ngực, ổ bụng và đáy chậu.

Đồng thời học phần cũng cung cấp thêm cho sinh viên những kiến thức sâu liên quan đến các môn học cơ sở cũng như lâm sàng sau này để áp dụng khi có biểu hiện tổn thương, bệnh lý các

vùng ngực, bụng, chậu để hình thành thái độ của sinh viên trong quá trình học kiến thức các môn chuyên ngành.

### **5.32. MÃ HỌC PHẦN: YD212040, MÔ PHÔI 3TC (3/0)**

Học phần này gồm các bài học giúp trang bị cho sinh viên kiến thức có thể mô tả và nhận biết được cấu trúc trúc vi thể, siêu vi thể, phân tử của các mô trong cơ thể bình thường và cấu trúc vi thể của các cơ quan, hệ thống cơ quan trong cơ thể người. Môn học cung cấp các thông tin về quá trình hình thành và phát triển của phôi, thai. Từ đó sinh viên có thể liên hệ được giữa cấu trúc mô học với các chức năng mà nó đảm nhận. Nhận ra những thay đổi bệnh học trong các mô và các cơ quan. Những bất thường trong quá trình tạo phôi của các cơ quan.

### **5.33. MÃ HỌC PHẦN: YD212041, THỰC TẬP MÔ PHÔI, 1TC (0/1)**

Học phần này gồm các bài học giúp trang bị cho sinh viên kiến thức có thể mô tả và nhận biết được cấu trúc trúc vi thể của các mô trong cơ thể bình thường và cấu trúc vi thể của các cơ quan, hệ thống cơ quan trong cơ thể người dưới kính hiển vi quang học.

### **5.34. MÃ HỌC PHẦN: YD212044, SINH LÝ HỌC 1, 2TC (2/0)**

Môn Sinh lý học 1 là môn học nghiên cứu chức năng của từng tế bào, từng cơ quan và hệ thống cơ quan trong mối liên hệ giữa chúng với nhau và giữa cơ thể với môi trường. Sinh lý học là môn học cơ sở rất quan trọng của y học. Những kiến thức về sinh lý học trực tiếp phục vụ cho các môn bệnh học và là cơ sở để giải thích và phát hiện các rối loạn chức năng trong tình trạng bệnh lý. Sinh lý học là một ngành khoa học chức năng vì vậy nó liên quan chặt chẽ với các ngành khoa học hình thái như giải phẫu học, mô học, và các ngành khoa học tự nhiên như sinh học và lý sinh học...Cấu trúc và chức năng có mối liên hệ chặt chẽ, trong đó chức năng quyết định cấu trúc, vì vậy để học tốt môn sinh lý học trước hết cần phải có kiến thức về giải phẫu và mô học, cần có sự so sánh liên hệ về chức năng giữa các cơ quan và hệ thống cơ quan, phải đặt chúng trong mối liên quan với nhau và mối quan hệ giữa cơ thể với môi trường và phải biết áp dụng các kiến thức sinh lý học để giải thích các hiện tượng, các triệu chứng trong trường hợp bệnh lý.

### **5.35. MÃ HỌC PHẦN: YD212045, THỰC TẬP SINH LÝ HỌC 1, 1TC (0/1)**

Môn Sinh lý học 1 là môn học nghiên cứu chức năng của từng tế bào, từng cơ quan và hệ thống cơ quan trong mối liên hệ giữa chúng với nhau và giữa cơ thể với môi trường. Sinh lý học 1- phần thực hành là môn học thuộc khối y học cơ sở, các bài thực hành minh họa những hiện tượng được mô tả khi dạy lý thuyết, vì vậy các bài thực hành nhằm mục đích rèn luyện tác phong nghiêm túc, thận trọng và khéo léo trong phòng thí nghiệm, nhất là những thí nghiệm trên người và trên động vật thực nghiệm, giúp sinh viên tiếp cận với một số xét nghiệm hoặc thăm dò chức năng đang được sử dụng thường xuyên ở các phòng khám, trung tâm y tế, bệnh viện..., vì vậy sinh viên cần phải nắm được kiến thức lý thuyết trước khi học thực hành để hiểu và giải thích được các hiện tượng trên thí nghiệm.

### **5.36. MÃ HỌC PHẦN: YD212053, TÂM LÝ Y HỌC - Y ĐỨC, 2TC (2/0)**

Học phần trình bày các khái niệm cơ bản về tâm lý y học, tâm lý lứa tuổi và tâm lý của bệnh nhân, các kỹ năng cơ bản trong giao tiếp, mối quan hệ của thầy thuốc với bệnh nhân, gia đình, cộng đồng và đồng nghiệp. Các khái niệm đạo đức chung và đạo đức nghề y, nguyên lý cơ bản của đạo đức y học và khía cạnh đạo đức trong nghiên cứu. Đề cập đến tâm lý của người khỏe mạnh, tâm lý của người mắc bệnh và cách giao tiếp với các đối tượng bệnh nhân. Phần này cũng đề cập đến cách phòng chống tâm chấn, liệu pháp tâm lý để phục hồi sức khỏe cho các đối tượng bệnh nhân. Những nguyên lý cơ bản của đạo đức và đạo đức của người cán bộ y tế trong chăm sóc sức khỏe cho nhân dân.

### **5.37. MÃ HỌC PHẦN: YD212017, MIỄN DỊCH ĐẠI CƯƠNG, 1TC (1/0)**

Miễn dịch học là môn học nghiên cứu về sự bảo vệ của cơ thể chống lại các đại phân tử ngoại lai hoặc vi sinh vật xâm nhập và những đáp ứng của cơ thể với chúng. Các tác nhân xâm nhập bao gồm virus, vi khuẩn, đơn bào hoặc các ký sinh trùng lớn hơn. Ngoài ra, cơ thể có thể sinh ra các đáp ứng miễn dịch chống lại những protein của bản thân (và các phân tử khác) trong tự miễn và các tế bào bất thường của bản thân trong miễn dịch ung thư.

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về hệ thống miễn dịch của cơ thể, cấu trúc và chức năng của kháng nguyên và kháng thể, đáp ứng và cơ chế điều hòa đáp ứng miễn dịch, nguyên lý

kết hợp đặc hiệu giữa kháng nguyên và kháng thể, các kỹ thuật miễn dịch ứng dụng trong chẩn đoán bệnh và nguyên lý bảo quản và sử dụng các loại vắc xin phòng bệnh. Các kiến thức thu nhận được trong quá trình học tập môn học này sẽ giúp sinh viên làm quen với bản chất của hệ thống miễn dịch cơ thể và hiểu rõ hơn tầm quan trọng của hệ thống miễn dịch đối với bảo vệ sức khỏe con người.

#### **5.38. MÃ HỌC PHẦN: YD212060, PHOI NHIỄM NGHỀ NGHIỆP, 1TC (1/0)**

Môi trường bệnh viện được coi là một trong những môi trường làm việc nguy hiểm hàng đầu, bên cạnh áp lực công việc thì nhân viên y tế phải đối mặt với rất nhiều những nguy cơ phơi nhiễm của các tác nhân gây bệnh nguy hiểm. Một số tác nhân gây bệnh nguy hiểm mà nhân viên y tế có thể gặp lúc hành nghề như viêm gan siêu vi B, viêm gan siêu vi C, vi rút HIV, vi khuẩn Lao... Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên y khoa một số kiến thức, thái độ và kỹ năng về kiểm soát nhiễm khuẩn trong bệnh viện, các biện pháp phòng ngừa và xử trí khi xảy ra các tình huống phơi nhiễm nghề nghiệp. Kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện tốt được xem là một tiêu chuẩn quan trọng nhằm nâng cao chất lượng khám chữa bệnh của bệnh viện đồng thời phản ánh trách nhiệm bảo vệ bản thân của người thầy thuốc trong quá trình hành nghề.

#### **5.39. MÃ HỌC PHẦN: FL211014, TIẾNG ANH 4, 3TC (3/0)**

Tiếng Anh 4 là học phần cuối cùng trong bốn học phần tiếng Anh nhằm giúp sinh viên tích lũy và phát triển kiến thức về cấu trúc câu, ngữ pháp, từ vựng, và lòng ghép trong bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ của trường đại học Tây Nguyên.

Học phần tiếng Anh 4 giúp sinh viên phát triển bốn kỹ năng tiếng Anh từ việc nghe những đoạn hội thoại, đọc thoại hoặc thông báo về các chủ đề quen thuộc, mô tả kinh nghiệm bản thân hoặc mô tả tranh về các chủ đề quen thuộc, trình bày những bài thuyết trình, đọc các văn bản chứa đựng thông tin rõ ràng về các chủ đề quen thuộc, viết thư tín và các bài luận bằng tiếng Anh; giới thiệu, hướng dẫn các chức năng ngôn ngữ cần thiết để sinh viên hiểu được các phong cách giao tiếp khác nhau từ đó có thể phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, kỹ viết tiếng Anh ở cấp độ cao hơn.

Ngoài ra, học phần tiếng Anh 4 còn giúp sinh viên tích lũy từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và cung cấp cho sinh viên kiến thức về đất nước và con người của một số quốc gia nói tiếng Anh.

#### **5.40. MÃ HỌC PHẦN: ML211002, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH, 2TC (2/0)**

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương của chương trình đào tạo các ngành đại học, cao đẳng. Học phần gồm 6 chương, cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản về: đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh; cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản Việt Nam và nhà nước Việt Nam; đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; văn hóa, đạo đức, con người.

#### **5.41. MÃ HỌC PHẦN: YD212042, HÓA SINH, 2TC (2/0)**

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng biết được cấu tạo, chuyển hoá các chất ở một số cơ quan trong cơ thể. Thao tác và biện luận được các chỉ số hoá sinh máu và nước tiểu của người bình thường và một số bệnh lý thường gặp.

Xét nghiệm sinh hóa máu là loại xét nghiệm nhằm đo nồng độ hay hoạt độ của một số chất trong máu, qua đó giúp đánh giá chức năng của các cơ quan trong cơ thể. Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về chuyên ngành Hoá sinh. Theo đó, sinh viên có khả năng thực hiện được một số kỹ thuật xét nghiệm cơ bản trong lĩnh vực Hoá sinh, nhận định được giữa giá trị xét nghiệm với thực tế từng bệnh lý trong cơ thể. Sinh viên có thể đánh giá được chất lượng bệnh phẩm, kiểm tra chất lượng xét nghiệm làm ra, từ đó đảm bảo yêu cầu kỹ thuật cho các xét nghiệm hoá sinh. Nội dung học phần giúp cho sinh viên có kiến thức tổng quát về các chức năng, tính chất lý hoá, pH và các hệ thống đệm của máu. Biết được thành phần hoá học của máu, ý nghĩa về sự thay đổi một số chất trong máu.

#### **5.42. MÃ HỌC PHẦN: YD212043, THỰC TẬP HÓA SINH, 1TC (0/1)**

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng biết được cấu tạo, chuyển hoá các chất ở một số cơ quan trong cơ thể. Thao tác và biện luận được các chỉ số hoá sinh máu và nước tiểu của người bình thường và một số bệnh lý thường gặp.

Xét nghiệm sinh hóa máu là loại xét nghiệm nhằm đo nồng độ hay hoạt độ của một số chất trong máu, qua đó giúp đánh giá chức năng của các cơ quan trong cơ thể. Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về chuyên ngành Hoá sinh. Theo đó, sinh viên có khả năng thực hiện được một số kỹ thuật xét nghiệm cơ bản trong lĩnh vực Hoá sinh, nhận định được giữa giá trị xét nghiệm với thực tế từng bệnh lý trong cơ thể. Sinh viên có thể đánh giá được chất lượng bệnh phẩm, kiểm tra chất lượng xét nghiệm làm ra, từ đó đảm bảo yêu cầu kỹ thuật cho các xét nghiệm hoá sinh. Nội dung học phần giúp cho sinh viên có kiến thức tổng quát về các chức năng, tính chất lý hoá, pH và các hệ thống đệm của máu. Biết được thành phần hoá học của máu, ý nghĩa về sự thay đổi một số chất trong máu.

#### **5.43. MÃ HỌC PHẦN: YD212046, SINH LÝ HỌC 2, 2TC (2/0)**

Môn Sinh lý học 2 nghiên cứu vai trò điều hòa hoạt động của các cơ quan trong cơ thể và mối tương quan giữa cơ thể với môi trường, nghiên cứu về sự điều hòa chức năng để đảm bảo cho sự tồn tại, phát triển và thích ứng của cơ thể với sự biến đổi của môi trường sống. Sinh lý học là môn học cơ sở rất quan trọng của y học. Những kiến thức về sinh lý học trực tiếp phục vụ cho các môn bệnh học và là cơ sở để giải thích và phát hiện các rối loạn chức năng trong tình trạng bệnh lý. Sinh lý học là một ngành khoa học chức năng vì vậy nó liên quan chặt chẽ với các ngành khoa học hình thái như giải phẫu học, mô học và các ngành khoa học tự nhiên như sinh học và lý sinh học... Cấu trúc và chức năng có mối liên hệ chặt chẽ, trong đó chức năng quyết định cấu trúc, vì vậy để học tốt môn sinh lý học trước hết cần phải có kiến thức về giải phẫu và mô học, cần có sự so sánh liên hệ về chức năng giữa các cơ quan và hệ thống cơ quan, phải đặt chúng trong mối liên quan với nhau và mối quan hệ giữa cơ thể với môi trường và phải biết áp dụng các kiến thức sinh lý học để giải thích các hiện tượng, các triệu chứng trong trường hợp bệnh lý.

#### **5.44. MÃ HỌC PHẦN: YD212047, THỰC TẬP SINH LÝ HỌC 2, 1TC (0/1)**

Môn Sinh lý học 2 nghiên cứu vai trò điều hòa hoạt động của các cơ quan trong cơ thể và mối tương quan giữa cơ thể với môi trường. Sinh lý học 2 - phần thực hành là môn học thuộc khối y học cơ sở, các bài thực hành minh họa những hiện tượng được mô tả khi dạy lý thuyết, vì vậy các bài thực hành nhằm mục đích rèn luyện tác phong nghiêm túc, thận trọng và khéo léo trong phòng thí nghiệm, nhất là những thí nghiệm trên người và trên động vật thực nghiệm, giúp sinh viên tiếp cận với một số xét nghiệm hoặc thăm dò chức năng đang được sử dụng thường xuyên ở các phòng khám, trung tâm y tế, bệnh viện..., vì vậy sinh viên cần phải nắm được kiến thức lý thuyết trước khi học thực hành để hiểu và giải thích được các hiện tượng trên thí nghiệm.

#### **5.45. MÃ HỌC PHẦN: YD212049, VI SINH, 2TC (2/0)**

Vi sinh là một trong những học phần cơ sở, nghiên cứu về vi khuẩn, vi rút những lợi hại do chúng mang đến cho tự nhiên và sức khỏe con người và cách để kiểm soát chúng. Và với tình trạng các vi sinh vật đang ngày càng đề kháng lại các phương pháp điều trị như hiện nay thì việc nắm được cơ chế đề kháng cũng như mức độ đề kháng của vi sinh vật sẽ giúp cho việc điều trị và dự phòng hiệu quả hơn

Học phần Vi sinh cung cấp cho sinh viên y khoa năm thứ 2 những kiến thức, thông tin cơ bản về lĩnh vực vi sinh y học: hình thể, cấu tạo của vi khuẩn, vi rút, tính chất cụ thể của 1 số vi khuẩn và vi rút gây bệnh, phương pháp định danh và kháng sinh đồ. Học phần này có liên quan đến những học phần chẩn đoán và điều trị khác như: nội, ngoại, sản nhi, truyền nhiễm...

#### **5.46. MÃ HỌC PHẦN: YD212050, THỰC TẬP VI SINH, 2TC (01)**

Vi sinh là một trong những học phần cơ sở, nghiên cứu về vi khuẩn, vi rút những lợi hại do chúng mang đến cho tự nhiên và sức khỏe con người và cách để kiểm soát chúng. Và với tình trạng các vi sinh vật đang ngày càng đề kháng lại các phương pháp điều trị như hiện nay thì việc

nắm được cơ chế đề kháng cũng như mức độ đề kháng của vi sinh vật sẽ giúp cho việc điều trị và dự phòng hiệu quả hơn

Học phần Vi sinh cung cấp cho sinh viên y khoa năm thứ 2 những kiến thức, thông tin cơ bản về lĩnh vực vi sinh y học: hình thể, cấu tạo của vi khuẩn, vi rút, tính chất cụ thể của 1 số vi khuẩn và vi rút gây bệnh, phương pháp định danh và kháng sinh đồ. Học phần này có liên quan đến những học phần chẩn đoán và điều trị khác như: nội, ngoại, sản nhi, truyền nhiễm...

#### **5.47. MÃ HỌC PHẦN: YD212051, ĐIỀU DƯỠNG CƠ BẢN, 1TC (1/0)**

Học phần Điều dưỡng cơ bản cung cấp, trang bị cho sinh viên y khoa một số thông tin quan trọng theo mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần này (được trình bày chi tiết trong các phần sau); Nội dung học phần giúp cho sinh viên có kiến thức, kỹ năng cơ bản về chăm sóc và sơ cấp cứu ban đầu cho người bệnh, thực hành các kỹ thuật cơ bản trong chăm sóc người bệnh. Nội dung gồm các hoạt động chăm sóc sức khỏe mà sinh viên y khoa phải thực hiện được bao gồm các quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản, các chỉ định, chống chỉ định, các tai biến xảy ra trong và sau khi làm thủ thuật; cách xử trí các tai biến. Nguyên tắc cơ bản và xử trí các tình huống sơ cấp cứu thông thường. Học phần này có liên quan mật thiết với một số học phần khác như: Giải phẫu, Sinh lý...

#### **5.48. MÃ HỌC PHẦN: YD212052, THỰC TẬP ĐIỀU DƯỠNG CƠ BẢN, 1TC (0/1)**

Học phần Điều dưỡng cơ bản cung cấp, trang bị cho sinh viên y khoa một số thông tin quan trọng

theo mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần này (được trình bày chi tiết trong các phần sau); Nội dung học phần giúp cho sinh viên có kiến thức, kỹ năng cơ bản về chăm sóc và sơ cấp cứu ban đầu cho người bệnh, thực hành các kỹ thuật cơ bản trong chăm sóc người bệnh. Nội dung gồm các hoạt động chăm sóc sức khỏe mà sinh viên y khoa phải thực hiện được bao gồm các quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản, các chỉ định, chống chỉ định, các tai biến xảy ra trong và sau khi làm thủ thuật; cách xử trí các tai biến. Nguyên tắc cơ bản và xử trí các tình huống sơ cấp cứu thông thường. Học phần này có liên quan mật thiết với một số học phần khác như: Giải phẫu, Sinh lý...

#### **5.49. MÃ HỌC PHẦN: YD212056, KỸ SINH TRÙNG, 2TC (2/0)**

Học phần Kỹ sinh trùng cung cấp, trang bị cho sinh viên y khoa một số thông tin quan trọng theo mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần này (Được trình bày chi tiết trong các phần sau), bao gồm: Bác sỹ đa khoa có kiến thức cơ bản về một số bệnh Ký sinh trùng phổ biến ở Việt Nam. Về kỹ năng: có khả năng đáp ứng chữa bệnh và tham gia công tác phòng chống bệnh ở cộng đồng nhằm bảo vệ sức khỏe nhân dân. Về thái độ: Đây là bệnh phổ biến ở cộng đồng, bệnh của những nước đang phát triển,... Học phần này có liên quan mật thiết với một số học phần khác như: Giải phẫu học, Sinh lý học, Dược lý học, Dịch tễ học, Vi sinh, Sinh lý bệnh

#### **5.50. MÃ HỌC PHẦN: YD212057, THỰC HÀNH KỸ SINH TRÙNG, 1TC (0/1)**

Học phần Kỹ sinh trùng cung cấp, trang bị cho sinh viên y khoa một số thông tin quan trọng theo mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần này (được trình bày chi tiết trong các phần sau), bao gồm: Bác sỹ đa khoa có kiến thức cơ bản về một số bệnh Ký sinh trùng phổ biến ở Việt Nam. Về kỹ năng: Nhận biết được một số ký sinh trùng thường gặp, có khả năng làm được một số xét nghiệm cơ bản. Về thái độ: Đây là bệnh phổ biến ở cộng đồng, bệnh của những nước đang phát triển,... Học phần này có liên quan mật thiết với một số học phần khác như: Giải phẫu học, Sinh lý học, Dược lý học, Dịch tễ học, Vi sinh,...

#### **5.51. MÃ HỌC PHẦN: YD212023, KỸ NĂNG 1 (GIAO TIẾP), 1TC (0/1)**

Kỹ năng 1 (Kỹ năng giao tiếp) là một học phần rất quan trọng trong chương trình đào tạo bác sỹ đa khoa vì nó là nền tảng cho toàn bộ các kỹ năng y khoa khác, quyết định sự thành bại trong quá trình học tập và công tác mai sau của sinh viên.

Học phần Kỹ năng 1 thực hành (TH) cung cấp, hướng dẫn và rèn luyện cho sinh viên y khoa một số kiến thức và kỹ năng quan trọng trong thực hành kỹ năng y khoa và trước khi thực hành trên người bệnh sinh viên cần được huấn luyện Kỹ năng giao tiếp

Theo mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần (được trình bày chi tiết trong các phần sau), bao gồm: kỹ năng giao tiếp cơ bản, giao tiếp trong khai thác bệnh sử, giao tiếp trong các tình huống lâm sàng, giao tiếp khi người bệnh diễn tiến xấu. Học phần này có liên quan mật thiết với một số học phần khác như: Nội TH, Ngoại TH, Sản TH, Nhi TH ...

### **5.52. MÃ HỌC PHẦN: YD212024, KỸ NĂNG 2 (THỦ THUẬT), 1TC (0/1)**

Kỹ năng 2(Kỹ năng thủ thuật) là một học phần rất quan trọng trong chương trình đào tạo bác sĩ đa khoa vì nó là kỹ năng y khoa cơ bản, là nền tảng trong quá trình học tập và công tác mai sau của sinh viên.

Học phần Kỹ năng 2 thực hành (TH) cung cấp, hướng dẫn và rèn luyện cho sinh viên y khoa một số kiến thức và kỹ năng quan trọng trong thực hành kỹ năng y khoa và trước khi thực hành trên người bệnh sinh viên cần được huấn luyện Kỹ năng này

Theo mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần (được trình bày chi tiết trong các phần sau), bao gồm các kỹ năng thủ thuật cơ bản: kỹ năng thủ thuật cơ bản, trong các tình huống lâm sàng trong chăm sóc chẩn đoán và điều trị người bệnh. Học phần này có liên quan mật thiết với một số học phần khác như: Nội TH, Ngoại TH, Sản TH, Nhi TH ...

### **5.53. MÃ HỌC PHẦN: YD212025, KỸ NĂNG 3 (KỸ NĂNG THĂM KHÁM), 1TC (0/1)**

Trong đào tạo kỹ năng y khoa, chúng ta rất quan tâm đến đào tạo kỹ năng tiền lâm sàng, tức là đào tạo các kỹ năng cho sinh viên trước khi đi bệnh viện. Huấn luyện kỹ năng Y khoa tiền lâm sàng được coi là một nội dung quan trọng trong chương trình đào tạo Bác sĩ Y khoa. Thực hành kỹ năng kỹ năng thăm khám tiền lâm sàng giúp cho sinh viên, biết cách thăm khám người bệnh , thành thạo các kỹ năng: nhìn, sờ, gõ, nghe khi thăm khám bệnh nhân. Nhờ đó, họ sẽ tự tin hơn, thực hành tốt hơn khi tiếp xúc với bệnh nhân thật, trên những tình huống thật. Hiện tại, hầu hết các

Học phần kỹ năng thăm khám (TH) cung cấp, hướng dẫn và rèn luyện cho sinh viên y khoa một số kiến thức kỹ năng các động tác thăm khám cơ bản và một số các thủ thuật trong y khoa. Ngoài ra, học phần này còn giúp cho sinh viên xác định được thái độ đúng, tích cực trong suốt quá trình chăm sóc y khoa cho bệnh nhân trong mối quan hệ thầy thuốc-bệnh nhân Sinh viên nắm được các bước tiến hành đồng thời vận dụng các kiến thức đã học (giải phẫu, sinh lý) để thực hành thăm khám cơ bản một số hệ thống cơ quan với các phương pháp và kỹ thuật chuẩn và nhận ra các biểu hiện giải phẫu và sinh lý của một người bình thường trên mô hình và bệnh nhân giả.

### **5.54. MÃ HỌC PHẦN: YD212026, KỸ NĂNG 4 (KỸ NĂNG XÉT NGHIỆM), 1TC (0/1)**

Trong học phần này sinh viên sẽ được trang bị thêm kiến thức về thực hành, cách biện luận, phân tích kết quả xét nghiệm trong chẩn đoán các bệnh liên quan đến gan mật, thận, tim mạch và một số bệnh nội tiết.

Trang bị cho học sinh các kiến thức về xét nghiệm hóa sinh – miễn dịch trong bối cảnh thực tế của bệnh viện từ khâu tổ chức, phân luồng làm việc, lấy, nhận, chuyển bệnh nhân.

Giao tiếp và ứng xử thích hợp với bệnh nhân, đồng nghiệp, với lãnh đạo bệnh viện và các khoa phòng ban. Rèn luyện kỹ năng thực hiện các kỹ thuật cơ bản chuyên ngành Hóa sinh, miễn dịch, biết giữ an toàn, chống lây nhiễm cho cá nhân và cộng đồng. Tạo điều kiện cho học sinh tích lũy kinh nghiệm, áp dụng các kiến thức chuyên ngành và y đức đã học vào thực tiễn.

### **5.55. MÃ HỌC PHẦN: D212054, SINH LÝ BỆNH, 2TC (2/0)**

Sinh lý bệnh là môn học nghiên cứu về những quy luật hoạt động của cơ thể bị bệnh trong những trường hợp bệnh lý cụ thể, từ đó nắm được những rối loạn chức năng của từng cơ quan, bộ máy của cơ thể bị bệnh, nhằm mục đích tìm hiểu nguyên nhân của bệnh, cơ chế bệnh sinh của những triệu chứng, hội chứng và biến chứng, để giúp cho công tác phòng bệnh và điều trị có kết quả.

Từ việc nghiên cứu qui luật hoạt động của từng bệnh, từng cơ quan bộ máy bị bệnh, đến việc nghiên cứu quy luật hoạt động của cơ thể nói chung trong những trường hợp bệnh lý cụ thể, môn Sinh lý bệnh học khái quát hoá các quá trình bệnh lý, rút ra những đặc điểm chủ yếu, những điểm chung nhất của bệnh để tìm hiểu các nguyên nhân gây bệnh, cơ chế bệnh sinh, giúp cho việc phòng bệnh và điều trị ngày càng tốt hơn

### **5.56. MÃ HỌC PHẦN: YD212055, THỰC TẬP SINH LÝ BỆNH, 1 TC (0/1)**

Sinh lý bệnh là môn học nghiên cứu về những quy luật hoạt động của cơ thể bị bệnh trong những trường hợp bệnh lý cụ thể, từ đó nắm được những rối loạn chức năng của từng cơ quan, bộ máy của cơ thể bị bệnh, nhằm mục đích tìm hiểu nguyên nhân của bệnh , cơ chế bệnh sinh của

những triệu chứng, hội chứng và biến chứng, để giúp cho công tác phòng bệnh và điều trị có kết quả.

Từ việc nghiên cứu qui luật hoạt động của từng bệnh, từng cơ quan bộ máy bị bệnh, đến việc nghiên cứu quy luật hoạt động của cơ thể nói chung trong những trường hợp bệnh lý cụ thể, môn Sinh lý bệnh học khái quát hoá các quá trình bệnh lý, rút ra những đặc điểm chủ yếu, những điểm chung nhất của bệnh để tìm hiểu các nguyên nhân gây bệnh, cơ chế bệnh sinh, giúp cho việc phòng bệnh và điều trị ngày càng tốt hơn

#### **5.56. MÃ HỌC PHẦN: YD212058, GIẢI PHẪU BỆNH, 2TC (2/0)**

Học phần: **TẾ BÀO - MÔ BỆNH HỌC** được trình bày dưới dạng mô tả tổn thương của bệnh về tổn thương đại thể và tổn thương vi thể của cơ quan bị bệnh, có hình ảnh tổn thương và chú thích để chứng minh bệnh lý, bao gồm hai phần:

##### **Phần Mô bệnh học**

Các nội dung chính như sau:

- Mục tiêu tổng quát của chương trình lý thuyết;
- Mục tiêu cụ thể của từng bài học, gồm có hai phần:
- Phần I: Bệnh học đại cương;
- Phần II: Bệnh học cơ quan.

##### **Phần kỹ thuật xét nghiệm và chẩn đoán tế bào bệnh học**

Các nội dung chính như sau:

- Quy trình kỹ thuật;
- Phương tiện, dụng cụ và hóa chất;
- Chuẩn bị bệnh nhân;
- Phương pháp lấy mẫu tế bào bệnh;
- Kỹ thuật nhuộm;
- Nhận định kết quả dưới kính hiển vi quang học để chẩn đoán tế bào bệnh.

#### **5.57. MÃ HỌC PHẦN: YD212059, THỰC TẬP GIẢI PHẪU BỆNH, 1TC (0/1)**

Học phần thực hành Giải phẫu bệnh được trình bày dưới dạng hình ảnh màu về tổn thương vi thể để minh họa bệnh lý và cơ quan bị bệnh, có chú thích cụ thể các tổn thương để chứng minh bệnh lý, bao gồm hai phần:

**2.1. Phần mô bệnh học.** Các nội dung chính như sau: Mục tiêu tổng quát của chương trình thực hành; Mục tiêu cụ thể của từng bài học; Nội dung giảng lý thuyết thực hành gồm: Ôn lại cấu trúc mô học bằng hình ảnh để chẩn đoán cơ quan bị bệnh. Trình bày, phân tích và mô tả các mục tiêu tổn thương vi thể của mỗi bệnh; Hướng dẫn cách mô tả các tổn thương vi thể của bệnh lý.

##### **2.2. Phần kỹ thuật xét nghiệm và chẩn đoán tế bào bệnh học.**

Các nội dung chính như sau:

Quy trình kỹ thuật; Phương tiện, dụng cụ và hóa chất; Chuẩn bị bệnh nhân; Phương pháp lấy mẫu tế bào bệnh; Kỹ thuật nhuộm; Nhận định kết quả dưới kính hiển vi quang học để chẩn đoán tế bào bệnh.

#### **5.58. MÃ HỌC PHẦN: YD212035, CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH, 3TC (3/1)**

Chẩn đoán hình ảnh là chuyên ngành y khoa vô cùng quan trọng, sử dụng các kỹ thuật hình ảnh như chụp X-quang, siêu âm, chụp CT cắt lớp vi tính, MRI cộng hưởng từ... thông qua việc đó bác sĩ sẽ thấy được hình thái, chức năng các cấu trúc bên trong cơ thể người. Từ những hình ảnh được ghi nhận lại sẽ là cơ sở quan trọng giúp bác sĩ tìm bệnh và điều trị hiệu quả hơn.

Học phần Chẩn đoán hình ảnh cung cấp, trang bị cho sinh viên y khoa một số kiến thức về các kỹ thuật X - quang , siêu âm ,CT..qua đó sinh viên có thể biết được hình ảnh bình thường và bất thường. Đồng thời sinh viên mô tả chi tiết được các hình ảnh bất thường để hỗ trợ cho bác sĩ lâm sàng chẩn đoán bệnh. Mặt khác sinh viên có thể chẩn đoán được một số bệnh có hình ảnh điển hình, thường gặp như viêm phổi, lao phổi, u phổi, tràn dịch ,tràn khí màng phổi, gãy xương, viêm xương, u xương điển hình,sỏi đường tiết niệu, sỏi mật, u gan, tụ máu ....

#### **5.59. MÃ HỌC PHẦN: YD213500, NỘI CƠ SỞ, 3TC 3/0)**

Học phần Nội cơ sở LT là học phần rất cơ bản, quan trọng và bắt buộc đối với sinh viên Ngành Y khoa. Học phần cung cấp và trang bị sinh viên Y khoa một số kiến thức về phương pháp



thăm khám lâm sàng, thăm khám cận lâm sàng, chẩn đoán xác định và chẩn đoán nguyên nhân các triệu chứng và hội chứng thường gặp trong Nội khoa, bao gồm các hệ thống tim mạch, hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, nội tiết, huyết học, thần kinh, cơ xương khớp và toàn thân, từ đó giúp sinh viên có kiến thức nền tảng trong chẩn đoán triệu chứng; hội chứng trên lâm sàng và bệnh lý Nội khoa sau này, nhằm đáp ứng theo chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo Ngành Y khoa của Trường.

Học phần này có liên quan mật thiết với một số học phần: Giải phẫu học, Sinh lý học, Sinh lý bệnh – Miễn dịch, Kỹ năng, Chẩn đoán hình ảnh, Nội cơ sở TH, Nội bệnh lý, Thần kinh, Dị ứng...

#### **5.60. MÃ HỌC PHẦN: YD213501, THỰC HÀNH NỘI CƠ SỞ 3TC (0/3)**

Học phần Nội cơ sở TH là học phần rất cơ bản, quan trọng và bắt buộc đối với sinh viên Ngành Y khoa. Học phần này chủ yếu cung cấp, hướng dẫn và rèn luyện sinh viên về kỹ năng giao tiếp trong khai thác bệnh sử và tiền sử bệnh; về kỹ năng thao tác trong thăm khám toàn thân và từng bộ phận trong cơ thể (Tim mạch, hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, nội tiết, huyết học, thần kinh, cơ xương khớp); về kỹ năng ra quyết định (Chỉ định cận lâm sàng dưới sự hướng dẫn sau khi thăm khám và chẩn đoán lâm sàng, phân tích kết quả cận lâm sàng theo mục tiêu chỉ định, chẩn đoán triệu chứng và hội chứng thường gặp trong Nội khoa) và về kỹ năng làm bệnh án nội cơ sở trên mỗi bệnh nhân hoặc một tình huống cụ thể trong Nội khoa. Học phần này cũng hướng dẫn và rèn luyện sinh viên về thái độ phù hợp với nội dung của các phần kỹ năng; với bệnh nhân và người nhà bệnh nhân; với đồng nghiệp và với Ngành Y khoa. Ngoài ra, học phần này rèn luyện và củng cố sinh viên cách phân tích và tổng hợp về kiến thức tương ứng dựa trên các kỹ năng và thái độ đã được học ở trên, nhằm đáp ứng theo chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo Ngành Y khoa của Trường.

Kỳ vọng học phần này nhằm đặt nền tảng quan trọng cho các phần học phần Nội bệnh lý và các học phần liên quan tiếp theo trong chương trình đào tạo. Học phần này có liên quan mật thiết với một số học phần: Giải phẫu học, Sinh lý học, Sinh lý bệnh – Miễn dịch, Kỹ năng, Chẩn đoán hình ảnh, Nội cơ sở LT, Nội bệnh lý TH, Thần kinh, Dị ứng...

#### **5.61. MÃ HỌC PHẦN: ML211033, LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM, 2TC (2/0)**

Môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là một trong 5 môn học thuộc các môn lý luận chính trị và được học sau môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh. Môn học trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản, có hệ thống về quá trình ra đời, lãnh đạo và chỉ đạo cách mạng Việt Nam của Đảng Cộng sản Việt Nam. Từ đó, hình thành niềm tin cho sinh viên vào sự lãnh đạo của Đảng, định hướng phấn đấu theo mục tiêu, lý tưởng của Đảng và thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.

#### **5.62. MÃ HỌC PHẦN: YD212061, DƯỢC LÝ, 3TC (3/0)**

Dược lý học là một học phần cơ sở rất quan trọng trong chương trình đào tạo bác sĩ đa khoa bởi vì đây là môn học góp phần tạo nền tảng vững chắc cho sinh viên trước khi bước vào các môn chuyên ngành đặc biệt phân điều trị. Học phần Dược lý trang bị cho sinh viên y khoa những kiến thức cơ bản về các nhóm thuốc thường sử dụng bao gồm: dược động học, cơ chế tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, tác dụng phụ, tương tác thuốc và liều dùng với mục tiêu sử dụng thuốc một cách an toàn, hiệu quả và hợp lý cho bệnh nhân. Học phần này có liên quan chặt chẽ với một số học phần khác như: lý sinh, giải phẫu, giải phẫu bệnh, hóa sinh, sinh lý, sinh lý bệnh – miễn dịch, vi sinh, kí sinh trùng...

#### **5.63. MÃ HỌC PHẦN: YD212062, THỰC TẬP DƯỢC LÝ, 1TC (0/1)**

Thực hành dược lý là một học phần cơ sở rất quan trọng trong chương trình đào tạo bác sĩ đa khoa bởi vì đây là môn học góp phần tạo nền tảng vững chắc cho sinh viên trước khi bước vào các môn chuyên ngành đặc biệt phân điều trị. Học phần Thực hành Dược lý trang bị cho sinh viên y khoa những kiến thức và kỹ năng cơ bản trong nghiên cứu đánh giá tác dụng, hiệu quả của thuốc và thực hành sử dụng thuốc bao gồm: các dạng bào chế thuốc và cách sử dụng, vận dụng các kiến thức về thuốc để kê đơn thuốc cho bệnh nhân một cách an toàn, hiệu quả, hợp lý. Học phần này có liên quan chặt chẽ với một số học phần khác như: lý sinh, giải phẫu, giải phẫu bệnh, hóa sinh, sinh lý, dược lý học, sinh lý bệnh – miễn dịch, vi sinh, kí sinh trùng...

#### **5.64. MÃ HỌC PHẦN: YD212063, PHẪU THUẬT THỰC HÀNH, 1TC (1/0)**

Phẫu thuật thực hành là học phần quan trọng trong công tác đào tạo Bác sĩ đa khoa. Bởi vì một bác sĩ đa khoa phải xử trí được các vết thương cũng như mổ được để điều trị các bệnh đơn giản thực hiện được từ tuyến y tế cơ sở đến tuyến tỉnh. Như từ khâu vết thương đến cắt ruột thừa, khâu lỗ thủng dạ dày..vv.

Học phần Phẫu thuật thực hành cung cấp trang bị cho Sinh viên Y khoa về kiến thức hiểu biết và thực hành theo chuẩn đầu ra của học phần này, là thực hiện được các phẫu thuật trên hệ tiêu hóa, hệ xương khớp, tiết niệu.

Học phần này có liên quan mật thiết với một số môn học khác như giải phẫu, ngoại cơ sở, triệu chứng ngoại khoa.

#### **5.65. MÃ HỌC PHẦN: YD212064, THỰC TẬP PHẪU THUẬT THỰC HÀNH, 1TC (0/1)**

Phẫu thuật thực hành là học phần quan trọng trong công tác đào tạo Bác sĩ đa khoa. Bởi vì một bác sĩ đa khoa phải xử trí được các vết thương cũng như mổ được để điều trị các bệnh đơn giản thực hiện được từ tuyến y tế cơ sở đến tuyến tỉnh. Như từ khâu vết thương đến cắt ruột thừa, khâu lỗ thủng dạ dày..vv.

Học phần Phẫu thuật thực hành cung cấp trang bị cho Sinh viên Y khoa về kiến thức hiểu biết và thực hành theo chuẩn đầu ra của học phần này, là thực hiện được các phẫu thuật trên hệ tiêu hóa, hệ xương khớp, tiết niệu.

Học phần này có liên quan mật thiết với một số môn học khác như giải phẫu, ngoại cơ sở, triệu chứng ngoại khoa.

#### **5.66. MÃ HỌC PHẦN: YD212029, GIÁO DỤC VÀ NÂNG CAO SỨC KHỎE, 1TC (1/0)**

Giáo dục sức khỏe là một học phần rất quan trọng trong chương trình đào tạo bác sĩ đa khoa. Bởi vì, hiện nay Giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe đang là một chức năng, nhiệm vụ bắt buộc của tất cả các cán bộ y tế và các cơ sở y tế. Giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe là một môn học nằm trong chương trình chính khoá được giảng dạy cho sinh viên ngành học bác sĩ đa khoa trong tất cả các trường Đại học Y trên toàn quốc nói chung và trường Đại học Tây Nguyên nói riêng.

Nội dung học phần cung cấp, trang bị cho sinh viên y khoa một số thông tin quan trọng theo mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần này (được trình bày chi tiết trong các phần sau), bao gồm: Kiến thức tổng quát về giáo dục và nâng cao sức khỏe, các yếu tố tác động đến hành vi sức khỏe, các bước thay đổi hành vi; Lựa chọn được các phương pháp, phương tiện truyền thông phù hợp với nội dung giáo dục sức khỏe; Lập được một kế hoạch truyền thông giáo dục sức khỏe tại cộng đồng.

#### **5.67. MÃ HỌC PHẦN: FL213011, TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH Y, 3TC (3/0)**

Học phần Tiếng Anh chuyên ngành Y là một trong những học phần thuộc về nhóm kiến thức ngoại ngữ. Tiếng Anh chuyên ngành Y gồm các bài hội thoại tại phòng khám, bệnh án, các bài đọc nhằm cung cấp cho người học những kiến thức về từ vựng Tiếng Anh liên quan đến chuyên ngành y, phát triển kỹ năng nghe, nói, đọc, và viết liên quan đến chuyên ngành y. Ngoài ra, Tiếng Anh chuyên ngành còn giúp người học có vốn từ ngữ, thuật ngữ Tiếng Anh liên quan đến chuyên ngành y, phục vụ cho việc đọc và nghiên cứu tài liệu chuyên sâu bằng Tiếng Anh.

#### **5.68. MÃ HỌC PHẦN: YD213502, NGOẠI CƠ SỞ, 3TC (3/0)**

Học phần Ngoại cơ sở LT là học phần rất cơ bản, quan trọng và bắt buộc đối với sinh viên Ngành Y khoa. Học phần cung cấp và trang bị sinh viên Y khoa một số kiến thức về phương pháp thăm khám lâm sàng, thăm khám cận lâm sàng, chẩn đoán xác định và chẩn đoán nguyên nhân các triệu chứng và hội chứng thường gặp trong Ngoại khoa, bao gồm các hệ thống tim mạch, hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, nội tiết, huyết học, thần kinh, chi trên, chi dưới và toàn thân, từ đó giúp sinh viên có kiến thức nền tảng trong chẩn đoán triệu chứng; hội chứng trên lâm sàng và bệnh lý Ngoại khoa sau này, nhằm đáp ứng theo chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo Ngành Y khoa của Trường.

Học phần này có liên quan mật thiết với một số học phần: Giải phẫu học, Sinh lý học, Sinh lý bệnh – Miễn dịch, Kỹ năng, Chẩn đoán hình ảnh, Nội cơ sở TH, Nội bệnh lý, Thần kinh, Di ứng...

### **5.69. MÃ HỌC PHẦN: YD213503, THỰC HÀNH NGOẠI CƠ SỞ, 3TC (0/3)**

Học phần Ngoại cơ sở TH là học phần chuyên ngành rất cơ bản, quan trọng và bắt buộc đối với sinh viên Ngành Y khoa. Học phần này chủ yếu cung cấp, hướng dẫn và rèn luyện sinh viên về kỹ năng giao tiếp trong khai thác bệnh sử và tiền sử bệnh; về kỹ năng thao tác trong thăm khám lâm sàng và về kỹ năng làm bệnh án lâm sàng Ngoại cơ sở trên mỗi bệnh nhân mắc bệnh sơ não – cột sống, tiêu hóa, tiết niệu, lồng ngực, chi trên, chi dưới thường gặp. Học phần này cũng hướng dẫn và rèn luyện sinh viên về thái độ phù hợp với nội dung của các phần kỹ năng; với bệnh nhân và người nhà bệnh nhân; với đồng nghiệp và với Ngành Y khoa. Ngoài ra, học phần này rèn luyện và củng cố sinh viên cách phân tích và tổng hợp về kiến thức tương ứng dựa trên các kỹ năng và thái độ đã được học ở trên, nhằm đáp ứng theo chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo Ngành Y khoa của Trường.

Học phần này có liên quan mật thiết với một số học phần: Giải phẫu học, Sinh lý học, Sinh lý bệnh – Miễn dịch, Kỹ năng, Chẩn đoán hình ảnh.

### **5.70. MÃ HỌC PHẦN: YD213504, UNG THU ĐẠI CƯƠNG, 1TC (1/0)**

Học phần Ung thư đại cương LT là học phần rất cơ bản, quan trọng và bắt buộc đối với sinh viên Ngành Y khoa. Học phần cung cấp và trang bị sinh viên Y khoa một số kiến thức về phương pháp thăm khám lâm sàng, thăm khám cận lâm sàng, chẩn đoán xác định và chẩn đoán nguyên nhân các triệu chứng và hội chứng thường gặp trong Ung thư, bao gồm các hệ thống tim mạch, hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, nội tiết, huyết học, thần kinh, chi trên, chi dưới và toàn thân, từ đó giúp sinh viên có kiến thức nền tảng trong chẩn đoán triệu chứng; hội chứng trên lâm sàng và bệnh lý Ung thư sau này, nhằm đáp ứng theo chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo Ngành Y khoa của Trường.

Học phần này có liên quan mật thiết với một số học phần: Giải phẫu học, Sinh lý học, Sinh lý bệnh – Miễn dịch, Kỹ năng, Chẩn đoán hình ảnh, Ngoại cơ sở TH, Ngoại bệnh lý 1 TH, Ngoại bệnh lý 2 TH, Thần kinh, Dị ứng...

### **5.71. MÃ HỌC PHẦN: YD213505, THỰC HÀNH UNG THU ĐẠI CƯƠNG, 1TC (0/1)**

Học phần Ung thư đại cương TH là học phần chuyên ngành rất cơ bản, quan trọng và bắt buộc đối với sinh viên Ngành Y khoa. Học phần này chủ yếu cung cấp, hướng dẫn và rèn luyện sinh viên về kỹ năng giao tiếp trong khai thác bệnh sử và tiền sử bệnh; về kỹ năng thao tác trong thăm khám lâm sàng; về kỹ năng ra quyết định (Chỉ định cận lâm sàng dưới sự hướng dẫn sau khi thăm khám và chẩn đoán lâm sàng, phân tích kết quả cận lâm sàng theo mục tiêu chỉ định, chẩn đoán xác định bệnh, điều trị bệnh, tiên lượng bệnh, dự phòng) và về kỹ năng làm bệnh án lâm sàng ung thư đại cương trên mỗi bệnh nhân mắc bệnh ung thư tuyến giáp, ung thư đường hô hấp, ung thư đường tiêu hóa và ung thư đường tiết niệu thường gặp. Học phần này cũng hướng dẫn và rèn luyện sinh viên về thái độ phù hợp với nội dung của các phần kỹ năng; với bệnh nhân và người nhà bệnh nhân; với đồng nghiệp và với Ngành Y khoa. Ngoài ra, học phần này rèn luyện và củng cố sinh viên cách phân tích và tổng hợp về kiến thức tương ứng dựa trên các kỹ năng và thái độ đã được học ở trên, nhằm đáp ứng theo chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo Ngành Y khoa của Trường.

Học phần này có liên quan mật thiết với một số học phần: Giải phẫu học, Sinh lý học, Sinh lý bệnh – Miễn dịch, Kỹ năng, Chẩn đoán hình ảnh, Nội cơ sở LT, Nội tổng hợp LT, Ngoại cơ sở LT.

### **5.72. MÃ HỌC PHẦN: YD 212036, THỰC TẬP CỘNG ĐỒNG, 2TC (0/2)**

Thực tập cộng đồng là một học phần rất quan trọng trong chương trình đào tạo Bác sỹ đa khoa, là một môn học nằm trong chương trình chính khoá được giảng dạy cho sinh viên ngành học Bác sỹ đa khoa trong tất cả các trường Đại học Y trên toàn quốc nói chung và trường Đại học Tây Nguyên nói riêng.

Nội dung học phần này cung cấp, trang bị cho sinh viên năm thứ ba thực hành các kiến thức và kỹ năng đã tích lũy được trong suốt quá trình từ năm thứ nhất đến năm thứ ba.

Học phần này được thực hiện theo mục tiêu và chuẩn đầu ra với mục đích nhằm tạo ra cơ hội cho sinh viên thực hành các kỹ năng trong điều kiện thực tế của y tế tuyến huyện và xã. Ngoài việc thực hành các kỹ năng cần thiết đây là cơ hội tốt cho sinh viên học hỏi, quan sát các vấn đề

sức khỏe đang xảy ra trong thực tế cộng đồng và các yếu tố môi trường tự nhiên, môi trường xã hội ảnh hưởng đến việc cung cấp và sử dụng các dịch vụ y tế của cộng đồng.

**5.73. MÃ HỌC PHẦN: KC211006, XÁC SUẤT VÀ THỐNG KÊ, 2TC (2/0)**

Học phần xác suất thống kê gồm hai phần chính. Phần một cung cấp khái niệm về lý thuyết xác suất và quy luật phân phối xác suất, bao gồm: định nghĩa xác suất, các công thức tính xác suất, lượng ngẫu nhiên và một số quy luật phân phối xác suất thông dụng. Phần hai trình bày lý thuyết thống kê. Cụ thể, vận dụng các quy luật xác suất để nghiên cứu thống kê, bao gồm các phần chính sau đây: thu thập số liệu, tính toán các tham số thống kê mẫu, trình bày lý thuyết ước lượng các tham số thống kê của đại lượng ngẫu nhiên, lý thuyết kiểm định giả thuyết thống kê, lý thuyết tương quan hồi quy. Trình bày một số mô hình thống kê thông dụng trong các lĩnh vực kinh tế, nông lâm nghiệp, sinh học, chăn nuôi thú y, y học, giáo dục...

**5.74. MÃ HỌC PHẦN: YD213048, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SỨC KHỎE, 2TC (1,5/0.5)**

Nghiên cứu khoa học sức khỏe dùng để chỉ những nghiên cứu được thực hiện để tìm hiểu về sức khỏe con người. Nghiên cứu sức khỏe cũng nhằm mục đích tìm ra những cách tốt hơn để ngăn ngừa và điều trị bệnh. Nghiên cứu sức khỏe là một cách quan trọng để giúp cải thiện sự chăm sóc và điều trị của mọi người trên toàn thế giới.

Có nhiều phương pháp nghiên cứu khác nhau để có được kiến thức mới: nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng, nghiên cứu định lượng, nghiên cứu định tính ... Trong chương trình đào tạo bác sĩ y đa khoa, học phần này chỉ đề cập đến phương pháp nghiên cứu ứng dụng và định lượng với các bước chính: thu thập số liệu trên thực địa (hoặc bệnh viện), phân tích số liệu để có thông tin (trình bày trong phần kết quả) và lý giải các thông tin (trong phần bàn luận và kiến nghị) đó để trả lời cho câu hỏi nghiên cứu hay đề xuất các biện pháp giải quyết vấn đề.

**5.75. MÃ HỌC PHẦN: YD212022, DINH DƯỠNG VÀ VỆ SINH AN TOÀN THỰC PHẨM, 1TC (1/0)**

Dinh dưỡng học và vệ sinh an toàn thực phẩm là lĩnh vực có ứng dụng rộng rãi trong công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe. Ở lĩnh vực dinh dưỡng cơ sở, học phần dinh dưỡng vệ sinh an toàn thực phẩm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về mối liên quan giữa dinh dưỡng với sức khỏe - bệnh tật; vai trò, nhu cầu, nguồn gốc của các chất dinh dưỡng cơ bản như: Protein, glucid, lipid, vitamin và khoáng chất. Hướng dẫn cho sinh viên tính toán được nhu cầu năng lượng và nhu cầu các chất dinh dưỡng phù hợp cho từng đối tượng khác nhau về giới, tuổi, nghề nghiệp. Đối với dinh dưỡng lâm sàng, học phần này giúp sinh viên xây dựng được khẩu phần ăn cho một số bệnh mà chế độ ăn đóng vai trò quan trọng trong việc phòng, điều trị và ngăn ngừa các biến chứng. Bên cạnh đó, học phần sẽ hướng dẫn sinh viên kiến thức về dự phòng một số bệnh lý liên quan tới dinh dưỡng có ý nghĩa sức khỏe cộng đồng.

**5.76. MÃ HỌC PHẦN: YD213506, NỘI BỆNH LÝ 1, 2TC (2/0)**

Học phần Nội bệnh lý 1 LT là học phần chuyên ngành rất cơ bản, quan trọng và bắt buộc đối với sinh viên Ngành Y khoa. Học phần chủ yếu cung cấp và trang bị sinh viên Y khoa một số kiến thức về nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh một số bệnh lý tim mạch, hô hấp và nội tiết thường gặp trong thực hành lâm sàng và trong nghiên cứu khoa học, từ đó làm cơ sở cho sinh viên có những kỹ năng và thái độ thích hợp, nhằm đáp ứng theo chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo Ngành Y khoa của Trường.

Học phần này có liên quan mật thiết với một số học phần: Giải phẫu học, Sinh lý học, Sinh lý bệnh – Miễn dịch, Kỹ năng, Chẩn đoán hình ảnh, Nội cơ sở LT, Bệnh bệnh lý 1 TH, Nội cuối khóa TH.

**5.77. MÃ HỌC PHẦN: YD213507, THỰC HÀNH NỘI BỆNH LÝ 1, 2TC (0/2)**

Học phần Nội bệnh lý 1 TH là học phần chuyên ngành rất cơ bản, quan trọng và bắt buộc đối với sinh viên Ngành Y khoa. Học phần này chủ yếu cung cấp, hướng dẫn và rèn luyện sinh viên về kỹ năng giao tiếp trong khai thác bệnh sử và tiền sử bệnh; về kỹ năng thao tác trong thăm

khám lâm sàng; về kỹ năng ra quyết định (Chỉ định cận lâm sàng dưới sự hướng dẫn sau khi thăm khám và chẩn đoán lâm sàng, phân tích kết quả cận lâm sàng theo mục tiêu chỉ định, chẩn đoán xác định bệnh, điều trị bệnh, tiên lượng bệnh, dự phòng) và về kỹ năng làm bệnh án làm bệnh án Nội bệnh lý trên mỗi bệnh nhân mắc bệnh tim mạch, hô hấp và nội tiết thường gặp. Học phần này cũng hướng dẫn và rèn luyện sinh viên về thái độ phù hợp với nội dung của các phần kỹ năng; với bệnh nhân và người nhà bệnh nhân; với đồng nghiệp và với Ngành Y khoa. Ngoài ra, học phần này rèn luyện và củng cố sinh viên cách phân tích và tổng hợp về kiến thức tương ứng dựa trên các kỹ năng và thái độ đã được học ở trên, nhằm đáp ứng theo chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo Ngành Y khoa của Trường.

Học phần này có liên quan mật thiết với một số học phần: Giải phẫu học, Sinh lý học, Sinh lý bệnh – Miễn dịch, Kỹ năng, Chẩn đoán hình ảnh, Nội cơ sở TH, Nội bệnh lý 1 LT, Nội tổng hợp TH.

#### **5.78. MÃ HỌC PHẦN: YD213512, NGOẠI BỆNH LÝ 1, 2TC (2/0)**

Học phần Ngoại bệnh lý 1 LT là học phần chuyên ngành rất cơ bản, quan trọng và bắt buộc đối với sinh viên Ngành Y khoa. Học phần cung cấp và trang bị sinh viên Y khoa một số kiến thức về nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh một số bệnh lý tiêu hóa, tiết niệu, cơ quan vận động: chi trên, chi dưới, sọ não, cột sống thường gặp trong thực hành lâm sàng và trong nghiên cứu khoa học, nhằm đáp ứng theo chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo Ngành Y khoa của Trường.

Học phần này có liên quan mật thiết với một số học phần: Giải phẫu học, Sinh lý học, Sinh lý bệnh – Miễn dịch, Kỹ năng, Chẩn đoán hình ảnh, Ngoại cơ sở LT, Ngoại cuối khóa TH.

#### **5.79. MÃ HỌC PHẦN: YD213513, THỰC HÀNH NGOẠI BỆNH LÝ 1, 2TC (0/2)**

Học phần Ngoại bệnh lý 1 TH là học phần chuyên ngành rất cơ bản, quan trọng và bắt buộc đối với sinh viên Ngành Y khoa. Học phần này chủ yếu cung cấp, hướng dẫn và rèn luyện sinh viên về kỹ năng giao tiếp trong khai thác bệnh sử và tiền sử bệnh; về kỹ năng thao tác trong thăm khám lâm sàng, về kỹ năng ra quyết định (Chỉ định cận lâm sàng dưới sự hướng dẫn sau khi thăm khám và chẩn đoán lâm sàng, phân tích kết quả cận lâm sàng theo mục tiêu chỉ định, chẩn đoán xác định bệnh, nguyên tắc điều trị bệnh, tiên lượng bệnh, dự phòng) và về kỹ năng làm bệnh án làm bệnh án Ngoại bệnh lý 1 trên mỗi bệnh nhân mắc bệnh sọ não – cột sống, tiêu hóa, tiết niệu, lồng ngực, chi trên, chi dưới thường gặp. Học phần này cũng hướng dẫn và rèn luyện sinh viên về thái độ phù hợp với nội dung của các phần kỹ năng; với bệnh nhân và người nhà bệnh nhân; với đồng nghiệp và với Ngành Y khoa. Ngoài ra, học phần này rèn luyện và củng cố sinh viên cách phân tích và tổng hợp về kiến thức tương ứng dựa trên các kỹ năng và thái độ đã được học ở trên, nhằm đáp ứng theo chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo Ngành Y khoa của Trường.

Học phần này có liên quan mật thiết với một số học phần: Giải phẫu học, Sinh lý học, Sinh lý bệnh – Miễn dịch, Kỹ năng, Chẩn đoán hình ảnh.

#### **5.80. MÃ HỌC PHẦN: YD213516, PHỤ SẢN 1, 2TC (2/0)**

Phụ sản là một học phần rất quan trọng trong chương trình đào tạo bác sĩ đa khoa bởi vì phụ sản là một trong bốn phân ngành y khoa quan trọng của khối lâm sàng. Chăm sóc sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình là vấn đề rất quan trọng nhằm nâng cao sức khỏe và chất lượng cuộc sống của cộng đồng. Hơn thế nữa, bệnh lý sản khoa và các vấn đề về kế hoạch hóa gia đình là rất phổ biến. Bên cạnh đó, các bước tiếp cận chẩn đoán và điều trị bệnh lý sản khoa có nhiều điểm khác biệt so với các bệnh lý của các hệ cơ quan khác.

Ở học phần này sinh viên được trang bị các kiến thức cơ bản về sản khoa và kế hoạch hóa gia đình giúp chẩn đoán tiên lượng và xử trí những vấn đề sản khoa thông thường và kế hoạch hóa gia đình.

#### **5.81. MÃ HỌC PHẦN: YD213517, THỰC HÀNH PHỤ SẢN 1, 3TC (0/3)**

Phụ sản là một học phần rất quan trọng trong chương trình đào tạo bác sĩ đa khoa bởi vì phụ sản là một trong bốn phân ngành y khoa quan trọng của khối lâm sàng. Chăm sóc sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình là vấn đề rất quan trọng nhằm nâng cao sức khỏe và chất lượng cuộc sống của cộng đồng. Hơn thế nữa, bệnh lý sản khoa và các vấn đề về kế hoạch hóa gia đình là rất

phổ biến. Bên cạnh đó, các bước tiếp cận chẩn đoán và điều trị bệnh lý sản khoa có nhiều điểm khác biệt so với các bệnh lý của các hệ cơ quan khác.

Học phần Phụ sản 1 thực hành (TH) cung cấp, hướng dẫn và rèn luyện cho sinh viên y khoa một số kiến thức và kỹ năng quan trọng trong thực hành lâm sàng theo mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần (được trình bày chi tiết trong các phần sau), bao gồm: chẩn đoán, điều trị và chăm sóc thích hợp một số trường hợp thai nghén bình thường; kỹ năng tư vấn quản lý thai nghén và kế hoạch hóa gia đình.

### **5.82. MÃ HỌC PHẦN: YD21206, SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG VÀ BỆNH NGHỀ NGHIỆP, 3TC (2/1)**

Môn học tập trung chủ yếu nghiên cứu hai phần chính là sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp. Trong Sức khỏe môi trường tập trung nghiên cứu các nội dung sau: Tổng quan về sức khỏe môi trường; Ô nhiễm không khí và sức khỏe cộng đồng; Cung cấp nước sạch cho cộng đồng; Ô nhiễm nước và sức khỏe cộng đồng; Ô nhiễm đất và sức khỏe cộng đồng; Vệ sinh bệnh viện; Vệ sinh trường học; Vệ sinh nhà ở và sức khỏe cộng đồng; Phần sức khỏe nghề nghiệp, bao gồm: Đại cương về sức khỏe nghề nghiệp, ergonomics; Vi khí hậu nóng trong lao động; Bụi trong sản xuất và ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động; Tiếng ồn trong sản xuất và tác hại lên sức khỏe người lao động; Mệt mỏi trong lao động.

### **5.83. MÃ HỌC PHẦN: YD213508, NỘI BỆNH LÝ 2, 2TC (2/0)**

Học phần Nội bệnh lý 2 LT là học phần chuyên ngành rất cơ bản, quan trọng và bắt buộc đối với sinh viên Ngành Y khoa. Học phần cung cấp và trang bị sinh viên Y khoa một số kiến thức về nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh một số bệnh lý tiêu hóa, tiết niệu, huyết học và cơ xương khớp thường gặp trong thực hành lâm sàng và trong nghiên cứu khoa học, nhằm đáp ứng theo chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo Ngành Y khoa của Trường.

Học phần này có liên quan mật thiết với một số học phần: Giải phẫu học, Sinh lý học, Sinh lý bệnh – Miễn dịch, Kỹ năng, Chẩn đoán hình ảnh, Nội cơ sở LT, Nội bệnh lý 2 TH, Nội tổng hợp TH.

### **5.84. MÃ HỌC PHẦN: YD213509, THỰC HÀNH NỘI BỆNH LÝ 2, 2TC (0/2)**

Học phần Nội bệnh lý 2 TH là học phần chuyên ngành rất cơ bản, quan trọng và bắt buộc đối với sinh viên Ngành Y khoa. Học phần này chủ yếu cung cấp, hướng dẫn và rèn luyện sinh viên về kỹ năng giao tiếp trong khai thác bệnh sử và tiền sử bệnh; về kỹ năng thao tác trong thăm khám lâm sàng; về kỹ năng ra quyết định (Chỉ định cận lâm sàng dưới sự hướng dẫn sau khi thăm khám và chẩn đoán lâm sàng, phân tích kết quả cận lâm sàng theo mục tiêu chỉ định, chẩn đoán xác định bệnh, điều trị bệnh, tiên lượng bệnh, dự phòng) và về kỹ năng làm bệnh án làm bệnh án Nội bệnh lý trên mỗi bệnh nhân mắc bệnh tiêu hóa, tiết niệu, huyết học và cơ xương khớp thường gặp. Học phần này cũng hướng dẫn và rèn luyện sinh viên về thái độ phù hợp với nội dung của các phần kỹ năng; với bệnh nhân và người nhà bệnh nhân; với đồng nghiệp và với Ngành Y khoa. Ngoài ra, học phần này rèn luyện và củng cố sinh viên cách phân tích và tổng hợp về kiến thức tương ứng dựa trên các kỹ năng và thái độ đã được học ở trên, nhằm đáp ứng theo chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo Ngành Y khoa của Trường.

Học phần này có liên quan mật thiết với một số học phần: Giải phẫu học, Sinh lý học, Sinh lý bệnh – Miễn dịch, Kỹ năng, Chẩn đoán hình ảnh, Nội cơ sở TH, Nội bệnh lý 2 LT, Nội tổng hợp TH.

### **5.85. MÃ HỌC PHẦN: YD213520, NHI 1, 2TC(2/0)**

Nhi cơ sở lý thuyết là một học phần rất quan trọng trong chương trình đào tạo bác sĩ đa khoa. Trẻ em không phải là người lớn thu nhỏ, hầu hết các hệ cơ quan trong cơ thể như hệ tim mạch, hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, cơ xương khớp,...đều có đặc tính riêng, tốc độ tăng trưởng và biểu hiện bệnh lý hoàn toàn khác so với người lớn. Do vậy, các bước tiếp cận chẩn đoán và điều trị bệnh lý trẻ em cũng có nhiều điểm khác biệt.

Học phần nhi cơ sở lý thuyết cung cấp, trang bị cho sinh viên y khoa một số thông tin quan trọng theo mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần này (được trình bày chi tiết trong các phần sau),

bao gồm: các bước khai thác triệu chứng, tổng hợp hội chứng, tiếp cận chẩn đoán và các biện pháp phòng ngừa một số hội chứng và bệnh lý thường gặp ở trẻ em.

**5.86. MÃ HỌC PHẦN: YD213521, THỰC HÀNH NHI 1, 3TC (0/3)**

Nhi 1 thực hành là một học phần rất quan trọng trong chương trình đào tạo bác sĩ đa khoa. Trẻ em không phải là người lớn thu nhỏ, hầu hết các hệ cơ quan trong cơ thể như hệ tim mạch, hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, cơ xương khớp,...đều có đặc tính riêng, tốc độ tăng trưởng và biểu hiện bệnh lý hoàn toàn khác so với người lớn. Do vậy, các bước tiếp cận chẩn đoán và điều trị bệnh lý trẻ em cũng có nhiều điểm khác biệt.

Học phần nhi 1 thực hành cung cấp, trang bị cho sinh viên y khoa một số thông tin quan trọng theo mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần này (được trình bày chi tiết trong các phần sau), bao gồm: các bước khai thác triệu chứng, làm bệnh án, tổng hợp hội chứng, tiếp cận chẩn đoán và các biện pháp phòng ngừa, tư vấn một số hội chứng và bệnh lý thường gặp ở trẻ em.

**5.87. MÃ HỌC PHẦN: YD213099, DÂN SỐ HỌC, 1TC (1/0)**

Dân số học luôn là vấn đề không chỉ có các nhà khoa học, các chuyên gia mà ngay cả các chính phủ, các tổ chức xã hội đều rất quan tâm. Quy mô, cơ cấu, chất lượng và tốc độ tăng dân số có ảnh hưởng rất lớn đến các vấn đề xã hội như y tế, giáo dục ...và quá trình phát triển kinh tế. Ngược lại, phát triển kinh tế xã hội có tác động trực tiếp đến mức sinh, mức chết, phân bố dân số và chất lượng dân cư của một vùng, một quốc gia cụ thể.

Môn học gồm 2 nội dung chính về kiến thức là dân số học cơ bản và mối quan hệ giữa dân số với các vấn đề của phát triển. Qua đó, Chính phủ của các nước có các chính sách phù hợp trong việc thay đổi xu hướng dân số hiện hành vì sự tồn tại và phồn vinh ở mỗi quốc gia.

**5.88. MÃ HỌC PHẦN: YD 212067, Y PHÁP, 1TC (1/0)**

Học phần: Y pháp được trình bày dưới dạng bài giảng tự luận, có hình ảnh tởn thương và chú thích để chứng minh minh họa, bao gồm:

- Mục tiêu tổng quát của chương trình học phần;
- Mục tiêu cụ thể của từng bài học.

**5.89. MÃ HỌC PHẦN: YD212068, TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ Y TẾ, 2TC (2/0)**

Nội dung học phần gồm thông tin tổng quan, cơ bản về tổ chức và quản lý hệ thống y tế như đặc điểm, cấu trúc tổ chức, chức năng và các thành phần cơ bản của hệ thống y tế. Một số khái niệm và nguyên lý cơ bản của quản lý; kiến thức tổng quan về cách triển khai, theo dõi, đánh giá các hoạt động nhằm đảm bảo chất lượng dịch vụ y tế, thông qua các kỹ năng và công cụ cơ bản liên quan đến lập kế hoạch để sinh viên ứng dụng thực hiện chức năng, nhiệm vụ sau tốt nghiệp. Các khái niệm, nguyên lý cơ bản và nội dung chăm sóc sức khỏe ban đầu được lồng ghép trong các nội dung môn học khác nhằm giúp cho sinh viên vận dụng vào môi trường làm việc trong tương lai

**5.90. MÃ HỌC PHẦN: YD213524, TRUYỀN NHIỄM 1, 2TC (2/0)**

Truyền nhiễm là một học phần rất quan trọng trong chương trình đào tạo bác sĩ đa khoa. Tùy từng vùng địa lý, khí hậu, tùy trình độ dân trí và điều kiện sống của mỗi vùng mà tỷ lệ mắc bệnh truyền nhiễm và cơ cấu bệnh tật khác nhau. Bệnh truyền nhiễm có khả năng lây từ người bệnh sang người lành, nhiều bệnh có thể phát triển thành dịch (thậm chí là đại dịch). Do vậy số lượng bệnh nhân truyền nhiễm rất đông và số lượng tử vong cũng lớn.

Học phần Truyền nhiễm lý thuyết là một học phần áp dụng đối với sinh viên năm 5 chuyên ngành bác sĩ đa khoa hệ 6 năm và sinh viên liên thông năm 3 nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức, thái độ và kỹ năng trong chẩn đoán, tiên lượng, điều trị, theo dõi và phòng bệnh với một số bệnh truyền nhiễm thường gặp. Học phần này trình bày các nội dung sau: Đại cương bệnh nhiễm trùng, truyền nhiễm; Chẩn đoán các bệnh truyền nhiễm; Điều trị các bệnh truyền nhiễm thường gặp tại cộng đồng. Các phương pháp phòng bệnh đặc hiệu và không đặc hiệu; Sinh viên tích lũy được các kiến thức cơ bản để phát hiện dịch bệnh tại cộng đồng và nguyên tắc điều trị bệnh dịch.

### **5.91. MÃ HỌC PHẦN: YD213525, THỰC HÀNH TRUYỀN NHIỄM 1, 2TC (0/2)**

Truyền nhiễm là một học phần rất quan trọng trong chương trình đào tạo bác sĩ đa khoa. Tuy từng vùng địa lý, khí hậu, tùy trình độ dân trí và điều kiện sống của mỗi vùng mà tỷ lệ mắc bệnh truyền nhiễm và cơ cấu bệnh tật khác nhau. Bệnh truyền nhiễm có khả năng lây từ người bệnh sang người lành, nhiều bệnh có thể phát triển thành dịch (thậm chí là đại dịch). Do vậy số lượng bệnh nhân truyền nhiễm rất đông và số lượng tử vong cũng lớn.

Học phần Truyền nhiễm thực hành là một học phần áp dụng đối với sinh viên năm 5 chuyên ngành bác sĩ đa khoa hệ 6 năm và sinh viên liên thông năm 3 nhằm trang bị cho sinh viên vận dụng những kiến thức ở học phần Truyền nhiễm 1 vào thực tế lâm sàng, trau dồi thêm những kỹ năng trong chẩn đoán, tiên lượng, điều trị, theo dõi và phòng bệnh với một số bệnh truyền nhiễm thường gặp. Đồng thời giúp sinh viên nắm được các phương pháp và tư vấn phòng bệnh đặc hiệu và không đặc hiệu bảo vệ bản thân và cộng đồng. Quan trọng hơn hết sinh viên tích lũy được các kiến thức cơ bản để phát hiện dịch bệnh tại cộng đồng và nguyên tắc điều trị bệnh dịch.

### **5.92. MÃ HỌC PHẦN: YD213528, Y HỌC CỔ TRUYỀN, 2TC (2/0)**

- Học phần này có một vai trò trong việc cung cấp, trang bị cho sinh viên các kỹ năng khám, chẩn đoán và điều trị bệnh bằng phương pháp y học cổ truyền, một phương pháp điều trị có hiệu quả gắn liền với nền y học Việt Nam.

- Kiến thức môn học có liên quan đến việc khám bệnh, chẩn đoán bệnh, điều trị một số bệnh thường gặp bằng châm cứu, dùng thuốc đông dược

### **5.93. MÃ HỌC PHẦN: YD213529, THỰC HÀNH Y HỌC CỔ TRUYỀN, 2TC (0/2)**

- Học phần này có một vai trò trong việc cung cấp, trang bị cho sinh viên các kỹ năng khám, chẩn đoán và điều trị bệnh bằng phương pháp y học cổ truyền, một phương pháp điều trị có hiệu quả gắn liền với nền y học Việt Nam.

- Kiến thức môn học có liên quan đến việc khám bệnh, chẩn đoán bệnh, điều trị một số bệnh thường gặp bằng châm cứu, dùng thuốc đông dược

### **5.94. MÃ HỌC PHẦN: YD213532, LAO, 1TC (1/0)**

Lao là một trong những học phần quan trọng trong chương trình đào tạo bác sĩ đa khoa. Nội dung cơ bản của môn học, đặc điểm và tình hình bệnh lao hiện nay, các bệnh lao hiện nay: Lao sơ nhiễm, Lao màng phổi, Lao phổi, lao hạch, tác hại của bệnh lao đối với cộng đồng; điều trị, phòng bệnh lao và chương trình phòng chống lao quốc gia.

Nội dung học phần có liên quan một số học phần khác: Giải phẫu, Sinh lý học, Sinh lý bệnh-miễn dịch, Dược lý học, Nội cơ sở, Nội bệnh lý... Học phần Lao cung cấp, trang bị cho sinh viên y khoa những thông tin quan trọng theo mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần này (được trình bày chi tiết trong các phần sau), bao gồm: các bước tiếp cận chẩn đoán và các biện pháp tư vấn điều trị, phòng bệnh lao và chương trình phòng chống lao quốc gia.

### **5.95. MÃ HỌC PHẦN: YD213533, THỰC HÀNH LAO, 1TC (0/1)**

Lao là một trong những học phần quan trọng trong chương trình đào tạo bác sĩ đa khoa. Nội dung cơ bản của môn học, đặc điểm và tình hình bệnh lao hiện nay, các bệnh lao hiện nay: Lao sơ nhiễm, Lao màng phổi, Lao phổi, lao hạch, lao màng bụng, lao màng não, tác hại của bệnh lao đối với cộng đồng; điều trị, phòng bệnh lao và chương trình phòng chống lao quốc gia.

Học phần Lao thực hành (TH) cung cấp, hướng dẫn và rèn luyện cho sinh viên y khoa một số kiến thức và kỹ năng quan trọng trong thực hành lâm sàng theo mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần (được trình bày chi tiết trong các phần sau), bao gồm: các bước tiếp cận chẩn đoán và các biện pháp tư vấn điều trị, phòng bệnh lao và chương trình phòng chống lao quốc gia... Học phần này có liên quan mật thiết với một số học phần khác như: Dược lý học, Nội cơ sở TH, Nội bệnh lý TH, Chẩn đoán hình ảnh TH,...

### **5.96. MÃ HỌC PHẦN: YD213542, PHỤC HỒI CHỨC NĂNG, 1TC (1/0)**

Phục hồi chức năng là một học phần quan trọng trong chương trình đào tạo bác sĩ đa khoa bởi vì Y học phục hồi là bước phát triển mới của y học để tiến tới chăm sóc sức khỏe toàn diện và nâng cao sức khỏe cho nhân dân cùng với Y học dự phòng và Y học lâm sàng.

Sau khi học xong học phần này giúp sinh viên y đa khoa nắm được các khái niệm cơ bản về Vật lý trị liệu – Phục hồi chức năng; Phân tích được quá trình tàn tật và các biện pháp phòng



ngừa tàn tật; Các kỹ thuật thăm khám để phát hiện khiếm khuyết, giảm chức năng và tàn tật; Quá trình bệnh lý và phục hồi chức năng một số bệnh thường gặp như Tai biến mạch máu não, Tồn thương tủy sống, Đau lưng, Gãy xương...Biết cách kết hợp các phương pháp điều trị nội, ngoại khoa cùng với Vật lý trị liệu và Phục hồi chức năng nhằm đem lại hiệu quả điều trị tối ưu nhất. Để hoàn thành được học phần này sinh viên cần nắm vững các học phần: Nội khoa cơ sở, Ngoại khoa cơ sở.

#### **5.97. MÃ HỌC PHẦN: YD213543, THỰC HÀNH PHỤC HỒI CHỨC NĂNG, 1TC (0/1)**

Phục hồi chức năng là một học phần quan trọng trong chương trình đào tạo bác sĩ đa khoa bởi vì Y học phục hồi là bước phát triển mới của y học để tiến tới chăm sóc sức khỏe toàn diện và nâng cao sức khỏe cho nhân dân cùng với Y học dự phòng và Y học lâm sàng.

Học phần Phục hồi chức năng thực hành (TH) cung cấp, hướng dẫn và rèn luyện cho sinh viên y khoa một số kiến thức, kỹ năng thăm khám trong thực hành lâm sàng, chẩn đoán được các thương tật thứ cấp thường gặp cũng như một số bệnh lý chuyên khoa. Giúp cho sinh viên y khoa có kỹ năng chỉ định đúng các phương thức Vật lý trị liệu trong quá trình điều trị Phục hồi chức năng cũng như trong quá trình điều trị kết hợp với các bệnh lý chuyên khoa như Nội khoa, Ngoại khoa, Thần kinh... Học phần này có liên quan mật thiết với các học phần Nội khoa cơ sở TH, Ngoại khoa cơ sở TH.

#### **5.98. MÃ HỌC PHẦN: YD213544, THẦN KINH, 1TC (1/0)**

Thần kinh là một học phần rất quan trọng trong chương trình đào tạo bác sĩ đa khoa bởi vì hệ thần kinh có liên quan chặt chẽ và chi phối hầu hết các hệ cơ quan khác trong cơ thể con người như hệ tim mạch, hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, cơ xương khớp,...Hơn thế nữa, bệnh của hệ thần kinh là rất phổ biến, gây tử vong cao và tàn tật nặng nề như đột quỵ thiếu máu não cục bộ cấp, chảy máu trong não, chảy máu khoang dưới nhện, đau đầu migraine,...Bên cạnh đó, các bước tiếp cận chẩn đoán và điều trị bệnh thần kinh cũng có nhiều điểm khác biệt so với các bệnh lý của một số hệ cơ quan khác.

Học phần Thần kinh cung cấp, trang bị cho sinh viên y khoa một số thông tin quan trọng theo mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần này (được trình bày chi tiết trong các phần sau), bao gồm: các bước tiếp cận chẩn đoán và các biện pháp điều trị một số hội chứng và bệnh thần kinh thường gặp. Học phần này có liên quan mật thiết với một số học phần khác như: Giải phẫu học, Sinh lý học, Sinh lý bệnh-miễn dịch, Dược lý học, Nội cơ sở, Nội bệnh lý, Phục hồi chức năng, Chẩn đoán hình ảnh, Tâm thần,...

#### **5.99. MÃ HỌC PHẦN: YD213545, THỰC HÀNH THẦN KINH, 1TC (0/1)**

Thần kinh là một học phần rất quan trọng trong chương trình đào tạo bác sĩ đa khoa bởi vì hệ thần kinh có liên quan chặt chẽ và chi phối hầu hết các hệ cơ quan khác trong cơ thể con người như hệ tim mạch, hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, cơ xương khớp,...Hơn thế nữa, bệnh của hệ thần kinh là rất phổ biến, gây tử vong cao và tàn tật nặng nề như đột quỵ thiếu máu não cục bộ cấp, chảy máu trong não, chảy máu khoang dưới nhện, đau đầu migraine,...Bên cạnh đó, các bước tiếp cận chẩn đoán và điều trị bệnh thần kinh cũng có nhiều điểm khác biệt so với các bệnh lý của một số hệ cơ quan khác.

Học phần Thần kinh thực hành (TH) cung cấp, hướng dẫn và rèn luyện cho sinh viên y khoa một số kiến thức và kỹ năng quan trọng trong thực hành lâm sàng theo mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần (được trình bày chi tiết trong các phần sau), bao gồm: chẩn đoán, điều trị và chăm sóc thích hợp một số hội chứng và bệnh thần kinh thường gặp. Học phần này có liên quan mật thiết với một số học phần khác như: Dược lý học, Nội cơ sở TH, Nội bệnh lý TH, Phục hồi chức năng TH, Chẩn đoán hình ảnh TH,...

#### **5.100. MÃ HỌC PHẦN: YD213546, TÂM THẦN, 1TC (1/0)**

Tâm thần LT là một trong những học phần quan trọng trong chương trình đào tạo bác sĩ đa khoa. Nội dung cơ bản của môn học: Nghiên cứu các triệu chứng tâm thần và một số bệnh tâm thần: Tâm thần phân liệt; trầm cảm; rối loạn tâm thần thực tổn; nghiện rượu; nghiện ma túy; các rối loạn stress; cấp cứu tâm thần; chăm sóc sức khỏe tâm thần cộng đồng; chẩn đoán bệnh và các biện pháp tư vấn điều trị; điều trị một số rối loạn tâm thần và bệnh tâm thần thường gặp. Nội dung

học phần có liên quan một số học phần khác: Giải phẫu, Sinh lý học, Sinh lý bệnh-miễn dịch, Dược lý học, Nội cơ sở, Nội bệnh lý, Thần kinh...

Học phần Tâm thần LT cung cấp cho sinh viên y khoa một số thông tin quan trọng theo mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần này (được trình bày chi tiết trong các phần sau), bao gồm: Các bước tiếp cận chẩn đoán và các biện pháp tư vấn điều trị, điều trị một số rối loạn tâm thần và bệnh tâm thần thường gặp.

#### **5.101. MÃ HỌC PHẦN: YD213547, THỰC HÀNH TÂM THẦN, 1TC (0/1)**

Tâm thần là một trong những học phần quan trọng trong chương trình đào tạo bác sĩ đa khoa. Kỹ năng thăm khám bệnh tâm thần trên lâm sàng rất quan trọng và khó khăn hơn so với một số bệnh cơ thể khác, các Bác sĩ tâm thần được ví như một nhà điều tra xã hội học vì bệnh tâm thần đa phần không có triệu chứng tổn thương thực thể mà chủ yếu dựa vào các triệu chứng cơ năng hơn nữa các triệu chứng tâm thần luôn luôn biến đổi tùy theo bệnh và giai đoạn của bệnh mà có những biểu hiện lâm sàng khác nhau. Khi xuất hiện các triệu chứng rối loạn tâm thần rõ ràng thì trong một thời gian dài trước đó đã có những biểu hiện rối loạn tâm thần bất thường nhưng bệnh nhân không biết, người nhà không để ý và bỏ qua như bệnh tâm thần phân liệt; bệnh trầm cảm; nghiện rượu; nghiện ma túy; các rối loạn stress;... Vì vậy việc phát hiện và đánh giá triệu chứng tâm thần có nhiều khó khăn vì phụ thuộc vào kinh nghiệm của thầy thuốc, vào thời gian, hoàn cảnh và trạng thái người bệnh lúc tiếp xúc.

Học phần tâm thần thực hành (TH) cung cấp, hướng dẫn và rèn luyện cho sinh viên y khoa một số kiến thức và kỹ năng quan trọng trong thực hành lâm sàng theo mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần (được trình bày chi tiết trong các phần sau), bao gồm: Thăm khám, chẩn đoán, điều trị và chăm sóc thích hợp một số rối loạn tâm thần và bệnh tâm thần thường gặp. Học phần này có liên quan với một số học phần khác như: Dược lý học, Nội cơ sở TH, Nội bệnh lý TH, Thần kinh TH,

...

#### **5.102. MÃ HỌC PHẦN: YD212028, DỊCH TỄ HỌC, 3TC (2/1)**

Dịch tễ học là khóa học nghiên cứu về tình trạng sức khỏe quần thể và các yếu tố liên quan ảnh hưởng đến tình trạng sức khỏe đó. Xác định mối quan hệ giữa tình trạng sức khỏe và yếu tố liên quan từ đó xây dựng giải pháp (như phòng ngừa và kiểm soát bệnh tật) để can thiệp nhằm nâng cao tình trạng sức khỏe. Dịch tễ học giúp nhân viên y tế xác định các yếu tố nguy cơ của bệnh, phát triển và tối ưu hóa phương thức điều trị của y học lâm sàng.

Trong khuôn khổ của chương trình đào tạo bác sĩ đa khoa, không thể đề cập hết những lĩnh vực nghiên cứu dịch tễ học. Ở học phần này sinh viên được trang bị các khái niệm và nguyên lý dịch tễ học để dự phòng và chăm sóc sức khỏe. Vận dụng các phương pháp nghiên cứu dịch tễ học để xác định các yếu tố nguy cơ liên quan đến các vấn đề sức khỏe và bệnh tật. Từ đó đề xuất các biện pháp nhằm giảm thiểu các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng. Hiểu và giải thích được những chỉ số đo lường sức khỏe bệnh tật thường gặp trên y văn trong nước và thế giới, sinh viên có thể đọc và phản biện được những kết quả từ các nghiên cứu y sinh học liên quan đến lĩnh vực hoạt động của bác sĩ trong tương lai ở tất cả các tuyến y tế khác nhau.

#### **5.103. MÃ HỌC PHẦN: YD 213530, Dị ứng, 1TC (1/0)**

- Trên cơ sở kiến thức các học phần học trước như Giải phẫu, sinh lý, miễn dịch học, vi sinh, vvv, người học sẽ thấy tầm quan trọng của kiến thức cần thiết để chẩn đoán bệnh lý miễn dịch.

- Nhắc lại một số kiến thức về giải phẫu và sinh lý, mô học, sinh lý bệnh- Miễn dịch có liên quan đến bệnh Dị ứng- Miễn dịch.

- Quy trình chẩn đoán một số bệnh: HPQ, Dị ứng ngoại sinh, một số bệnh tự miễn.

- Cơ sở khoa học của các phương pháp điều trị áp dụng trong điều trị một số bệnh lý Dị ứng- Miễn dịch.

- Các hội chứng và triệu chứng của các bệnh lý Dị ứng- Miễn dịch.

- Các cận lâm sàng thường dùng trong chẩn đoán các bệnh lý dị ứng- Miễn dịch.

- Kết học đông tây y trong chẩn đoán và điều trị một số nhóm bệnh dị ứng – MD.

- Chẩn đoán, cấp cứu và sơ cấp cứu một số nhóm bệnh. Tư vấn và chuyển bệnh nhân đến đúng cơ sở chuyên môn đúng và kịp thời.

#### **5.104. MÃ HỌC PHẦN: YD 213531, Thực hành Dị ứng, 1TC (0/1)**

- Trên cơ sở kiến thức các học phần học trước như Giải phẫu, sinh lý, miễn dịch học, vi sinh, vvv, người học sẽ thấy tầm quan trọng của kiến thức cần thiết để chẩn đoán bệnh lý miễn dịch.
- Trình bày các bước để xây dựng hoàn chỉnh bệnh án bệnh dị ứng miễn dịch.
- Qui trình chẩn đoán một số bệnh: HPQ, Dị ứng ngoại sinh, một số bệnh tự miễn.
- Cơ sở khoa học của các phương pháp điều trị áp dụng trong điều trị một số bệnh lý Dị ứng- Miễn dịch. Thực hiện một số thao tác và kỹ thuật trong chẩn đoán và điều trị bệnh lý dị ứng- miễn dịch.
- Khai thác và ghi nhận các hội chứng và triệu chứng của các bệnh lý Dị ứng- Miễn dịch.
- Chỉ định và đọc kết quả các cận lâm sàng thường dùng trong chẩn đoán các bệnh lý dị ứng- Miễn dịch.
- Biết kết hợp đông tây y trong chẩn đoán và điều trị một số nhóm bệnh dị ứng – MD.
- Chẩn đoán, cấp cứu và sơ cấp cứu một số nhóm bệnh. Tư vấn và chuyển bệnh nhân đến đúng cơ sở chuyên môn đúng và kịp thời.

#### **5.105. MÃ HỌC PHẦN: YD213534, RĂNG HÀM MẶT, 1TC (1/0)**

Sinh viên phải nắm vững các mốc giải phẫu, cấu tạo cũng như chức năng cơ bản sinh lý cơ quan RHM, khai thác được quá trình bệnh sử triệu chứng cơ năng, diễn tiến của bệnh, đề xuất kế hoạch chăm sóc để giúp cho điều trị,

Các nguyên tắc cơ bản trong xử trí cấp cứu và trình bày được các nội dung truyền thông giáo dục sức khỏe trong cộng đồng để phòng bệnh.

#### **5.106. MÃ HỌC PHẦN: YD213535, THỰC HÀNH RĂNG HÀM MẶT, 1TC (0/1)**

Sinh viên phải nắm vững các mốc giải phẫu, cấu tạo cũng như chức năng cơ bản sinh lý các cơ quan RHM, khai thác được quá trình bệnh sử triệu chứng cơ năng, diễn tiến của bệnh, đề xuất kế hoạch chăm sóc để giúp cho điều trị,

Các nguyên tắc cơ bản trong xử trí cấp cứu và trình bày được các nội dung truyền thông giáo dục sức khỏe trong cộng đồng để phòng bệnh.

#### **5.107. MÃ HỌC PHẦN: YD213536, TAI MŨI HỌNG, 1TC (1/0)**

Sinh viên phải nắm vững các mốc giải phẫu, cấu tạo cũng như chức năng cơ bản sinh lý các cơ quan TMH, khai thác được quá trình bệnh sử, triệu chứng cơ năng, diễn tiến của bệnh, đề xuất một số xét nghiệm cận lâm sàng để giúp cho chẩn đoán,

Sinh viên sẽ được kiến tập cách khám và hướng chẩn đoán và điều trị các bệnh Tai Mũi Họng thông thường.

Được kiến tập phẫu thuật cắt Amidan, nạo V.A, phẫu thuật nội soi Mũi Xoang, phẫu thuật Vá nhĩ đơn thuần...

Sinh viên sẽ được học về triệu chứng và hướng xử trí các cấp cứu Tai Mũi Họng như dị vật đường thở, chấn thương thanh khí quản, áp xe não do viêm tai xương chũm, dị vật đường ăn biến chứng thủng mạch máu, Chảy máu mũi các loại, chấn thương các xoang mặt, Mũi.

Sinh viên sẽ được học về triệu chứng và hướng xử trí các bệnh Ung thư Tai Mũi Họng thường gặp.

Trước khi học học phần TMH, sinh viên đã được học phần giải phẫu, sinh lý đại cương, các môn triệu chứng và bệnh học chung.

Đã được học thực hành bệnh viện phần khối lượng kiến thức của năm thứ 3, thứ 4 trong chương trình khung.

#### **5.108. MÃ HỌC PHẦN: YD213537, THỰC HÀNH TAI MŨI HỌNG, 1TC (0/1)**

Sinh viên phải nắm vững các mốc giải phẫu, cấu tạo cũng như chức năng cơ bản sinh lý các cơ quan TMH, khai thác được quá trình bệnh sử, triệu chứng cơ năng, diễn tiến của bệnh, đề xuất một số xét nghiệm cận lâm sàng để giúp cho chẩn đoán,

Sinh viên sẽ được kiến tập cách khám và hướng chẩn đoán và điều trị các bệnh Tai Mũi Họng thông thường.

Được kiến tập phẫu thuật cắt Amidan, nạo V.A, phẫu thuật nội soi Mũi Xoang, phẫu thuật Vá nhĩ đơn thuần...

Sinh viên sẽ được học về triệu chứng và hướng xử trí các cấp cứu Tai Mũi Họng như dị vật đường thở, chấn thương thanh khí quản, áp xe não do viêm tai xương chũm, dị vật đường ăn biến chứng thủng mạch máu, Chảy máu mũi các loại, chấn thương các xoang mặt, Mũi.

Trước khi học học phần TMH, sinh viên đã được học phân giải phẫu, sinh lý đại cương, các môn triệu chứng và bệnh học chung.

Đã được học thực hành bệnh viện phân khối lượng kiến thức của năm thứ 3, thứ 4 trong chương trình khung.

#### **5.109. MÃ HỌC PHẦN: YD213538, MẮT, 1TC (1/0)**

##### **Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

Chuyên ngành Mắt là một chuyên ngành quan trọng trong lĩnh vực Y khoa, có mối liên quan với nhiều chuyên ngành khác như nội tiết, thần kinh, tai mũi họng, răng hàm mặt... Ngoài một số bệnh lý thông thường như viêm kết mạc, chắp lẹo, hay tật khúc xạ... còn có nhiều bệnh lý có thể gây tổn thương thị lực nặng nề cho người bệnh, ảnh hưởng nhiều đến cuộc sống hàng ngày như bệnh đục thể thủy tinh, glôcôm, bệnh lý võng mạc đái tháo đường. Việc tiếp cận chẩn đoán cũng như điều trị có nhiều điểm khác biệt mang tính chất đặc thù so với các chuyên ngành y khoa khác.

Ở học phần này, sinh viên được trang bị kiến thức về giải phẫu sinh lý cơ quan Mắt, về các bệnh thường gặp ở Mắt. Từ đó có thể chẩn đoán, xử trí, điều trị hoặc chuyển tuyến chuyên khoa kịp thời các bệnh về Mắt. Ngoài ra sinh viên có thể phát hiện được những bệnh toàn thân khác có biểu hiện tại Mắt và có thể tư vấn phòng chống bệnh tật cho cộng đồng.

#### **5.110. MÃ HỌC PHẦN: YD213539, THỰC HÀNH MẮT, 1TC (0/1)**

Chuyên ngành Mắt là một chuyên ngành quan trọng trong lĩnh vực Y khoa, có mối liên quan với nhiều chuyên ngành khác như nội tiết, thần kinh, tai mũi họng, răng hàm mặt... Ngoài một số bệnh lý thông thường như viêm kết mạc, chắp lẹo, hay tật khúc xạ... còn có nhiều bệnh lý có thể gây tổn thương thị lực nặng nề cho người bệnh, ảnh hưởng nhiều đến cuộc sống hàng ngày như bệnh đục thể thủy tinh, glôcôm, bệnh lý võng mạc đái tháo đường. Việc tiếp cận chẩn đoán cũng như điều trị có nhiều điểm khác biệt mang tính chất đặc thù so với các chuyên ngành y khoa khác.

Học phần Mắt Thực hành (TH) cung cấp, hướng dẫn và rèn luyện cho sinh viên y khoa một số kiến thức và kỹ năng quan trọng trong thực hành lâm sàng theo mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần (được trình bày chi tiết trong các phần sau), bao gồm: chẩn đoán, điều trị và chăm sóc thích hợp một số bệnh lý mắt thường gặp. Học phần này có liên quan mật thiết với một số học phần khác như: Phẫu thuật Thực hành, Tai mũi họng TH, Răng hàm mặt TH, Nội bệnh lý TH, Chẩn đoán hình ảnh TH...

#### **5.111. MÃ HỌC PHẦN: YD213540, DA LIỄU, 1TC (1/0)**

Da liễu là một học phần không thể thiếu trong chương trình đào tạo bác sĩ đa khoa, bao gồm hai nhóm bệnh chính: các bệnh da, các bệnh lây truyền qua đường tình dục. Mặc dù các bệnh da phần lớn không quá nguy hiểm dẫn đến tử vong nhưng với xu hướng tăng cao do môi trường ngày càng ô nhiễm cùng với cơ chế bệnh sinh nhiều bệnh còn nhiều điểm chưa sáng tỏ, vấn đề điều trị gặp nhiều khó khăn nên ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng sống của bệnh nhân và đặt ra những thách thức lớn cho các nhà Da liễu học.

Trong học phần này, học viên không chỉ nắm vững các kiến thức về cơ chế bệnh sinh, các bước tiếp cận chẩn đoán, điều trị bệnh da và các bệnh lây qua đường tình dục mà còn cần có khả năng tư vấn, theo dõi bệnh.

Học phần Da Liễu cung cấp, trang bị cho sinh viên y khoa một số thông tin cần thiết theo mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần này (được trình bày chi tiết trong các phần sau), bao gồm: các bước tiếp cận chẩn đoán và các biện pháp điều trị một số hội chứng trong bệnh lây qua đường tình dục và các bệnh da thường gặp. Học phần này có liên quan mật thiết với một số học phần khác như: Giải phẫu học, Sinh lý học, Sinh lý bệnh, Miễn dịch Dị ứng, Vi sinh, Giải phẫu bệnh, Ký sinh trùng, Nội cơ sở và bệnh học.

#### **5.112. MÃ HỌC PHẦN: YD213541, THỰC HÀNH DA LIỄU, 1TC (0/1)**

Da liễu là một học phần không thể thiếu trong chương trình đào tạo bác sĩ đa khoa, bao gồm hai nhóm bệnh chính: các bệnh da, các bệnh lây truyền qua đường tình dục. Mặc dù các bệnh da phần lớn không quá nguy hiểm dẫn đến tử vong nhưng với xu hướng tăng cao do môi trường ngày

càng ô nhiễm cùng với cơ chế bệnh sinh nhiều bệnh còn nhiều điểm chưa sáng tỏ, vấn đề điều trị gặp nhiều khó khăn nên ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng sống của bệnh nhân và đặt ra những thách thức lớn cho các nhà Da liễu học.

Học phần Da liễu thực hành (TH) cung cấp, hướng dẫn và rèn luyện cho sinh viên y khoa một số kiến thức và kỹ năng quan trọng trong thực hành lâm sàng theo mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần (được trình bày chi tiết trong các phần sau), bao gồm: cách khám, chẩn đoán, điều trị, tư vấn, theo dõi, một số bệnh da và bệnh lây qua đường tình dục thường gặp. Học phần này có liên quan mật thiết với một số học phần khác như: Giải phẫu học, Sinh lý học, Sinh lý bệnh, Miễn dịch Dị ứng, Vi sinh, Giải phẫu bệnh, Ký sinh trùng, Nội cơ sở và bệnh học

#### **5.113. MÃ HỌC PHẦN: YD212066, KINH TẾ VÀ CHÍNH SÁCH Y TẾ, 1TC (1/0)**

Môn học tập trung chủ yếu nghiên cứu về đại cương kinh tế y tế, hàng hóa sức khỏe và dịch vụ chăm sóc sức khỏe, thị trường chăm sóc sức khỏe. Những nội dung cơ bản về các phương thức đánh giá kinh tế y tế, cách phân tích chi phí, đánh giá kinh tế y tế, thanh toán bảo hiểm y tế và giao dịch trong thị trường bảo hiểm. Ứng dụng các nội dung về chính sách y tế nhằm phân tích mô hình tài chính y tế tại Việt Nam và trên thế giới.

#### **5.114. MÃ HỌC PHẦN: YD213510, NỘI BỆNH LÝ 3, 2TC (2/0)**

Học phần Nội bệnh lý 3 LT là học phần chuyên ngành rất cơ bản, quan trọng và bắt buộc đối với sinh viên Ngành Y khoa. Học phần cung cấp và trang bị sinh viên Y khoa một số kiến thức về nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, chẩn đoán, xử trí và phòng bệnh một số bệnh lý cấp cứu thường gặp trong thực hành lâm sàng và trong nghiên cứu khoa học cũng như đặc điểm bệnh lý và điều trị ở bệnh nhân cao tuổi, nhằm đáp ứng theo chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo Ngành Y khoa của Trường.

Học phần này có liên quan mật thiết với một số học phần: Giải phẫu học, Sinh lý học, Sinh lý bệnh – Miễn dịch, Kỹ năng, Chẩn đoán hình ảnh, Nội cơ sở LT, Nội bệnh lý 3 TH, Nội tổng hợp TH.

#### **5.115. MÃ HỌC PHẦN: YD213511, THỰC HÀNH NỘI BỆNH LÝ 3, 2TC (0/2)**

Học phần Nội bệnh lý 3 TH là học phần chuyên ngành rất cơ bản, quan trọng và bắt buộc đối với sinh viên Ngành Y khoa. Học phần này chủ yếu cung cấp, hướng dẫn và rèn luyện sinh viên về kỹ năng giao tiếp trong khai thác bệnh sử và tiền sử bệnh; về kỹ năng thao tác trong thăm khám lâm sàng; về kỹ năng ra quyết định (Chỉ định cận lâm sàng dưới sự hướng dẫn sau khi thăm khám và chẩn đoán lâm sàng, phân tích kết quả cận lâm sàng theo mục tiêu chỉ định, chẩn đoán xác định bệnh, điều trị bệnh, tiên lượng bệnh, dự phòng) và về kỹ năng làm bệnh án lâm sàng Nội bệnh lý trên mỗi bệnh nhân mắc bệnh lý cấp cứu thường gặp cũng như một số bệnh lý thường gặp thường gặp ở người cao tuổi trong thực hành lâm sàng. Học phần này cũng hướng dẫn và rèn luyện sinh viên về thái độ phù hợp với nội dung của các phần kỹ năng; với bệnh nhân và người nhà bệnh nhân; với đồng nghiệp và với Ngành Y khoa. Ngoài ra, học phần này rèn luyện và củng cố sinh viên cách phân tích và tổng hợp về kiến thức tương ứng dựa trên các kỹ năng và thái độ đã được học ở trên, nhằm đáp ứng theo chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo Ngành Y khoa của Trường.

Học phần này có liên quan mật thiết với một số học phần: Giải phẫu học, Sinh lý học, Sinh lý bệnh – Miễn dịch, Kỹ năng, Chẩn đoán hình ảnh, Nội cơ sở TH, Nội bệnh lý 3 LT, Nội tổng hợp TH

#### **5.116. MÃ HỌC PHẦN: YD213514, NGOẠI BỆNH LÝ 2, 2TC (2/0)**

Học phần Ngoại bệnh lý 2 LT là học phần chuyên ngành rất cơ bản, quan trọng và bắt buộc đối với sinh viên Ngành Y khoa. Học phần cung cấp và trang bị sinh viên Y khoa một số kiến thức về nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, chẩn đoán, xử trí và phòng bệnh một số bệnh lý cấp cứu thường gặp trong thực hành lâm sàng và trong nghiên cứu khoa học cũng như đặc điểm bệnh lý theo từng lứa tuổi, nhằm đáp ứng theo chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo Ngành Y khoa của Trường.

Học phần này có liên quan mật thiết với một số học phần: Giải phẫu học, Sinh lý học, Sinh lý bệnh – Miễn dịch, Kỹ năng, Chẩn đoán hình ảnh, Ngoại cơ sở LT, Ngoại bệnh lý 1 LT, Ngoại cuối khóa TH.

### **5.117. MÃ HỌC PHẦN: YD213515, THỰC HÀNH NGOẠI BỆNH LÝ 2, 2TC (0/2)**

với sinh viên Ngành Y khoa. Học phần này chủ yếu cung cấp, hướng dẫn và rèn luyện sinh viên về kỹ năng giao tiếp trong khai thác bệnh sử và tiền sử bệnh; về kỹ năng thao tác trong thăm khám lâm sàng, về kỹ năng ra quyết định (Chỉ định cận lâm sàng dưới sự hướng dẫn sau khi thăm khám và chẩn đoán lâm sàng, phân tích kết quả cận lâm sàng theo mục tiêu chỉ định, chẩn đoán xác định bệnh, điều trị, tiên lượng bệnh, dự phòng) và về kỹ năng làm bệnh án làm bệnh án Ngoại bệnh lý 2 trên mỗi bệnh nhân mắc bệnh sọ não – cột sống, tiêu hóa, tiết niệu, lồng ngực, chi trên, chi dưới thường gặp. Học phần này cũng hướng dẫn và rèn luyện sinh viên về thái độ phù hợp với nội dung của các phân kỹ năng; với bệnh nhân và người nhà bệnh nhân; với đồng nghiệp và với Ngành Y khoa. Ngoài ra, học phần này rèn luyện và củng cố sinh viên cách phân tích và tổng hợp về kiến thức tương ứng dựa trên các kỹ năng và thái độ đã được học ở trên, nhằm đáp ứng theo chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo Ngành Y khoa của Trường. Học phần này có liên quan mật thiết với một số học phần: Giải phẫu học, Sinh lý học, Sinh lý bệnh – Miễn dịch, Kỹ năng, Chẩn đoán hình ảnh, Ngoại cơ sở LT, Ngoại bệnh lý 1 LT.

### **5.118. MÃ HỌC PHẦN: YD213518, PHỤ SẢN 2, 2TC (2/0)**

Sinh viên phải học các môn học cơ sở và học phần sản khoa 1 trước khi học học phần này  
Các nội dung: Sản khó, sản bệnh lý, bệnh lý phụ khoa, sơ sinh, CSSKSS và KHHGD...

Kỳ vọng học sinh phải lên lớp đầy đủ, tham gia thảo luận tích cực, chủ động trong học tập, đọc tài liệu trước khi lên lớp, sử dụng có hiệu quả các tài liệu tham khảo tại thư viện, trên mạng internet và các tài liệu đã được bộ môn cung cấp

Học phần này giúp sinh viên có kiến thức rộng hơn và sâu hơn về các vấn đề liên quan đến bệnh lý khó trong sản khoa, trong phụ khoa, sơ sinh, ung thư trong phụ khoa, để học tốt học phần này trước hết sinh viên cần nắm rõ học phần giải phẫu, sinh lý, nội khoa, học phần Phụ sản hành 1 và Phụ sản lý thuyết 1.

Từ đó giúp sinh viên có kiến thức tổng hợp vận dụng một cách linh hoạt trong chẩn đoán, điều trị và phân loại tình trạng bệnh, Phân tuyến điều trị bệnh hợp lý đối với các trường hợp sản bệnh, sản khó, các bệnh lý phụ khoa và sàng lọc và điều trị ung thư trong phụ khoa.

### **5.119. MÃ HỌC PHẦN: YD213519, THỰC HÀNH PHỤ SẢN 2, 3TC (0/3)**

#### **Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

Sinh viên phải học các môn học cơ sở và học phần sản khoa 1 trước khi học học phần này.  
Các nội dung: Sản khó, sản bệnh lý, bệnh lý phụ khoa, sơ sinh, CSSKSS và KHHGD...

Kỳ vọng học sinh phải lên lớp đầy đủ, tham gia thảo luận tích cực, chủ động trong học tập, đọc tài liệu trước khi lên lớp, sử dụng có hiệu quả các tài liệu tham khảo tại thư viện, trên mạng internet và các tài liệu đã được bộ môn cung cấp

Học phần này giúp sinh viên có kiến thức rộng hơn và sâu hơn về các vấn đề liên quan đến bệnh lý khó trong sản khoa, trong phụ khoa, sơ sinh, ung thư trong phụ khoa, để học tốt học phần này trước hết sinh viên cần nắm rõ học phần giải phẫu, sinh lý, nội khoa, học phần Phụ sản hành 1 và Phụ sản lý thuyết 1

Từ đó giúp sinh viên có kiến thức tổng hợp vận dụng một cách linh hoạt trong chẩn đoán, điều trị và phân loại tình trạng bệnh, Phân tuyến điều trị bệnh hợp lý đối với các trường hợp sản bệnh, sản khó, các bệnh lý phụ khoa và sàng lọc và điều trị ung thư trong phụ khoa.

### **5.120. MÃ HỌC PHẦN: YD213522, NHI 2, 2TC (2/0)**

(Trình bày ngắn gọn vai trò, vị trí học phần, kiến thức trang bị cho sinh viên, quan hệ với các học phần khác trong chương trình đào tạo.)

Nhi 2 Lý thuyết là một học phần rất quan trọng trong chương trình đào tạo bác sĩ đa khoa. Học phần này cung cấp, trang bị cho sinh viên y khoa một số thông tin quan trọng theo mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần, bao gồm:

- Học phần này giúp sinh viên hiểu được tầm quan trọng của chiến lược chăm sóc trẻ em, vận dụng vào chăm sóc trẻ em theo từng tuyến y tế cụ thể.
- Học phần này tiếp tục cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng để chẩn đoán và điều trị được các bệnh thường gặp ở trẻ em ngoài các bệnh đã học trong chương trình Nhi 1 LT trước đó.

Giúp sinh viên có cái nhìn tổng thể, lên kế hoạch điều trị và chăm sóc, phòng ngừa bệnh tật cho trẻ em.

#### **5.121. MÃ HỌC PHẦN: YD213523, THỰC HÀNH NHI 2, 3TC (0/3)**

(Trình bày ngắn gọn vai trò, vị trí học phần, kiến thức trang bị cho sinh viên, quan hệ với các học phần khác trong chương trình đào tạo.)

Nhi 2 thực hành là một học phần rất quan trọng trong chương trình đào tạo bác sĩ đa khoa. Học phần này cung cấp, trang bị cho sinh viên y khoa một số thông tin quan trọng theo mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần, bao gồm:

- Sinh viên sẽ có kiến thức đánh giá, phân loại và xử trí bệnh tật trẻ em theo từng tuyến y tế cơ sở một cách nhanh chóng và phù hợp.
- Học phần này tiếp tục cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng để sinh viên có thể chẩn đoán, điều trị và dự phòng các bệnh, hội chứng thường gặp ở trẻ em ngoài các bệnh đã học trong chương trình Nhi 1 TH trước đó. Đồng thời giúp sinh viên có kinh nghiệm tối thiểu để xử trí ban đầu các trường hợp trẻ bệnh.
- Sinh viên có thể áp dụng các kiến thức Y học cổ truyền trong tư vấn chăm sóc và phục hồi chức năng cho trẻ bệnh. Qua đó giải thích và loại bỏ dần các thói quen, tập quán lạc hậu trong chăm sóc và điều trị bệnh cho trẻ.

Học phần hướng dẫn cho sinh viên thực hiện được một số thủ thuật lâm sàng, cận lâm sàng cơ bản phục vụ cho việc chẩn đoán và điều trị bệnh trẻ em.

#### **5.122. MÃ HỌC PHẦN: YD212069, DƯỢC LÂM SÀNG, 1TC (1/0)**

Dược lâm sàng là học phần giúp sinh viên có kiến thức trong thực hành kê đơn thuốc và phân tích các tình huống sử dụng thuốc trên lâm sàng cho một số bệnh phổ biến và một số trường hợp đối tượng đặc biệt. Học phần này trang bị các nội dung kiến thức về tương tác và tương kỵ của thuốc, nguyên tắc sử dụng thuốc trên một số đối tượng đặc biệt, các phản ứng bất lợi của thuốc và cung cấp các thông tin về thuốc, nguyên tắc sử dụng một số nhóm thuốc thông thường như kháng sinh, thuốc điều trị bệnh tim mạch. Hơn nữa, học phần này trang bị cho sinh viên kỹ năng kê đơn thuốc hợp lý, an toàn và hiệu quả, coi trọng nguyên tắc kê đơn và kỹ năng đọc tài liệu, cập nhật kiến thức khi thực hành kê đơn và áp dụng trong những tình huống lâm sàng cụ thể.

#### **5.123. MÃ HỌC PHẦN: YD212062, THỰC HÀNH DƯỢC LÂM SÀNG, 1TC (0/1)**

Học phần thực hành Dược lâm sàng giúp sinh viên thực hiện được đánh giá, phân loại, chọn lọc các thông tin về thuốc, phân tích được các tương tác thường gặp trong đơn thuốc, nhận biết được các phản ứng có hại có thể xảy ra liên quan đến việc dùng thuốc. Hơn nữa, trong phần thực hành, sinh viên được thực hành phân tích những tình huống lâm sàng cụ thể liên quan đến các đối tượng đặc biệt như phụ nữ có thai, người cao tuổi, trẻ em, bệnh nhân bị suy gan, suy thận. Sinh viên còn được cung cấp kỹ năng phân tích và xử lý thông tin thuốc của một số bệnh thông thường như tăng huyết áp, đái tháo đường, đau thắt ngực và khả năng vận dụng các nhóm thuốc được sử dụng nhiều trên lâm sàng như kháng sinh, giảm đau trong một số tình huống lâm sàng cụ thể.

#### **5.124. MÃ HỌC PHẦN: YD213526, TRUYỀN NHIỄM 2, 2TC (2/0)**

Học phần Truyền Nhiễm 2 là một học phần cần thiết và quan trọng trong chương trình đào tạo y khoa bởi bệnh truyền nhiễm đa số là những bệnh thường gặp ở tất cả các nước trên thế giới. Đặc biệt, Việt Nam nằm trong vùng nhiệt đới, là nước đang phát triển có điều kiện kinh tế xã hội còn nghèo nàn, có nhiều loại bệnh truyền nhiễm và tỷ lệ mắc bệnh cao. Bệnh truyền nhiễm có khả năng lây từ người bệnh sang người lành, nhiều bệnh phát triển thành dịch (thậm chí là đại dịch). Do vậy số lượng bệnh nhân truyền nhiễm rất đông và số lượng tử vong cũng lớn, đặc biệt do các bệnh truyền nhiễm diễn tiến nặng, cấp tính trở nên ác tính và có biến chứng, song cũng tồn tại những bệnh mãn tính cần theo dõi và điều trị suốt đời.

Học phần Truyền Nhiễm 2 cung cấp, trang bị cho sinh viên y khoa một số thông tin quan trọng theo mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần này (được trình bày chi tiết trong các phần sau), bao gồm kiến thức về một số thuốc sử dụng trong điều trị bệnh truyền nhiễm, điều trị một số bệnh lý truyền nhiễm ác tính, có biến chứng và bệnh truyền nhiễm mạn tính.

Học phần này có liên quan mật thiết đến các học phần: Hóa sinh, Sinh lý, Sinh lý bệnh-miễn dịch, Vi sinh, Kí sinh trùng, Dịch tễ, Dược lý, Nội cơ sở, Nội bệnh lý,...

**5.125. MÃ HỌC PHẦN: YD213527, THỰC HÀNH TRUYỀN NHIỄM 2, 2TC (0/2)**

Học phần Truyền Nhiễm 2 là một học phần cần thiết và quan trọng trong chương trình đào tạo y khoa bởi bệnh truyền nhiễm đa số là những bệnh thường gặp ở tất cả các nước trên thế giới. Đặc biệt, Việt Nam nằm trong vùng nhiệt đới, là nước đang phát triển có điều kiện kinh tế xã hội còn nghèo nàn, nhiều loại bệnh truyền nhiễm và tỷ lệ mắc bệnh cao. Bệnh truyền nhiễm có khả năng lây từ người bệnh sang người lành, nhiều bệnh phát triển thành dịch (thậm chí là đại dịch). Do vậy số lượng bệnh nhân truyền nhiễm rất đông và số lượng tử vong cũng lớn do các bệnh truyền nhiễm diễn tiến cấp tính trở nên ác tính và có biến chứng, song cũng tồn tại những bệnh mãn tính cần theo dõi và điều trị suốt đời.

Học phần Truyền Nhiễm 2 thực hành cung cấp, hướng dẫn và rèn luyện cho sinh viên y khoa một số kiến thức và kỹ năng quan trọng trong thực hành lâm sàng theo mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần (được trình bày chi tiết trong các phần sau), bao gồm: chỉ định đúng, hợp lý các loại thuốc sử dụng trong bệnh truyền nhiễm; chẩn đoán, điều trị và chăm sóc thích hợp một số bệnh lý truyền nhiễm ác tính, có biến chứng và bệnh truyền nhiễm mạn tính.

Học phần này có liên quan mật thiết đến các học phần: Hóa sinh, Sinh lý, Sinh lý bệnh-miễn dịch, Vi sinh, Kí sinh trùng, Dịch tễ, Dược lý, Nội cơ sở, Nội bệnh lý,...

**5.126. MÃ HỌC PHẦN: YD213549, THỰC HÀNH NỘI 4, 3TC (0/3)**

Học phần Thực hành Nội 4 là học phần chuyên ngành quan trọng đối với sinh viên Ngành Y khoa, nhất là sinh viên có định hướng học và làm việc theo chuyên ngành Nội khoa sau khi tốt nghiệp ra Trường. Học phần này chủ yếu ôn lại, cập nhật và rèn luyện sinh viên về kỹ năng giao tiếp trong khai thác bệnh sử và tiền sử bệnh; về kỹ năng thao tác trong thăm khám lâm sàng; về kỹ năng ra quyết định (Chỉ định cận lâm sàng dưới sự hướng dẫn sau khi thăm khám và chẩn đoán lâm sàng, phân tích kết quả cận lâm sàng theo mục tiêu chỉ định, chẩn đoán xác định bệnh, điều trị bệnh, tiên lượng bệnh, dự phòng) và về kỹ năng làm bệnh án làm bệnh án Nội bệnh lý trên mỗi bệnh nhân mắc bệnh Nội khoa thường gặp với cập nhật mới nhất từ các Tổ chức/Hiệp hội/Liên đoàn sức khỏe trên toàn thế giới. Học phần này cũng hướng dẫn và rèn luyện sinh viên về thái độ phù hợp với nội dung của các phần kỹ năng; với bệnh nhân và người nhà bệnh nhân; với đồng nghiệp và với Ngành Y khoa. Ngoài ra, học phần này rèn luyện và củng cố sinh viên cách phân tích và tổng hợp về kiến thức tương ứng dựa trên các kỹ năng và thái độ đã được học ở trên, nhằm giúp sinh viên có kiến thức, kỹ năng và thái độ phù hợp, cập nhật và vững vàng về bệnh lý Nội khoa, góp phần đáp ứng theo chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo Ngành Y khoa của Trường, phù hợp với nhu cầu xã hội khi sinh viên tốt nghiệp Đại học Y khoa. Học phần này có liên quan mật thiết với một số học phần: Giải phẫu học, Sinh lý học, Sinh lý bệnh – Miễn dịch, Kỹ năng, Chẩn đoán hình ảnh, Thực hành Nội cơ sở, Nội bệnh lý 1, Thực hành Nội bệnh lý 1, Nội bệnh lý 2, Thực hành Nội bệnh lý 2, Nội bệnh lý 3, Thực hành Nội bệnh lý 3, Nội bệnh lý 4.

**5.127. MÃ HỌC PHẦN: YD216096, THỰC HÀNH NGOẠI 3, 3TC (0/3)**

Học phần Ngoại cuối khóa TH là học phần chuyên ngành rất cơ bản, quan trọng và bắt buộc đối với sinh viên Ngành Y khoa trước khi tốt nghiệp ra trường. Học phần này chủ yếu cung cấp, hướng dẫn và rèn luyện sinh viên về kỹ năng giao tiếp trong khai thác bệnh sử và tiền sử bệnh; về kỹ năng thao tác trong thăm khám lâm sàng, về kỹ năng ra quyết định (Chỉ định cận lâm sàng dưới sự hướng dẫn sau khi thăm khám và chẩn đoán lâm sàng, phân tích kết quả cận lâm sàng theo mục tiêu chỉ định, chẩn đoán xác định bệnh, điều trị, tiên lượng bệnh, dự phòng) và về kỹ năng làm bệnh án làm bệnh án Ngoại cuối khóa TH trên mỗi bệnh nhân mắc bệnh sọ não – cột sống, tiêu hóa, tiết niệu, lồng ngực, chi trên, chi dưới thường gặp. Học phần này cũng hướng dẫn và rèn luyện sinh viên về thái độ phù hợp với nội dung của các phần kỹ năng; với bệnh nhân và người nhà bệnh nhân; với đồng nghiệp và với Ngành Y khoa. Ngoài ra, học phần này rèn luyện và củng cố sinh viên cách phân tích và tổng hợp về kiến thức tương ứng dựa trên các kỹ năng và thái độ đã được



học ở trên, nhằm đáp ứng theo chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo Ngành Y khoa của Trường.

Học phần này có liên quan mật thiết với một số học phần: Giải phẫu học, Sinh lý học, Sinh lý bệnh – Miễn dịch, Kỹ năng, Chẩn đoán hình ảnh, Ngoại cơ sở LT, Ngoại bệnh lý 1 LT, Ngoại bệnh lý 2 LT.

#### **5.128. MÃ HỌC PHẦN: YD216097, THỰC HÀNH PHỤ SẢN 3, 3TC (0/3)**

Phụ sản là một học phần rất quan trọng trong chương trình đào tạo bác sĩ đa khoa bởi vì phụ sản là một trong bốn phân ngành y khoa quan trọng của khối lâm sàng. Chăm sóc sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình là vấn đề rất quan trọng nhằm nâng cao sức khỏe và chất lượng cuộc sống của cộng đồng. Hơn thế nữa, bệnh lý sản khoa và các vấn đề về kế hoạch hóa gia đình là rất phổ biến. Bên cạnh đó, các bước tiếp cận chẩn đoán và điều trị bệnh lý sản khoa có nhiều điểm khác biệt so với các bệnh lý của các hệ cơ quan khác.

Học phần Phụ sản 1 thực hành (TH) cung cấp, hướng dẫn và rèn luyện cho sinh viên y khoa một số kiến thức và kỹ năng quan trọng trong thực hành lâm sàng theo mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần (được trình bày chi tiết trong các phần sau), bao gồm: chẩn đoán, điều trị và chăm sóc thích hợp một số trường hợp thai nghén bình thường; kỹ năng tư vấn quản lý thai nghén và kế hoạch hóa gia đình.

#### **5.129. MÃ HỌC PHẦN: YD216098, THỰC HÀNH NHI 3, 3TC (0/3)**

(Trình bày ngắn gọn vai trò, vị trí học phần, kiến thức trang bị cho sinh viên, quan hệ với các học phần khác trong chương trình đào tạo.)

- Học phần này giúp cho sinh viên có khả năng tổng hợp các kiến thức đã học trong suốt chương trình đào tạo. Để sinh viên có đủ kỹ năng để phát hiện, chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh các bệnh thường gặp ở trẻ em một cách chủ động và độc lập.
- Giúp sinh viên có tầm nhìn chung về tổ chức, phân loại, sắp xếp khám và chữa bệnh, phòng bệnh, tư vấn chăm sóc sức khỏe cho trẻ em.
- Đồng thời giúp sinh viên có kinh nghiệm tối thiểu và kỹ năng để xử trí ban đầu các trường hợp trẻ bệnh.

Học phần hướng dẫn cho sinh viên thực hiện được một số thủ thuật lâm sàng, cận lâm sàng cơ bản phục vụ cho việc chẩn đoán và điều trị bệnh trẻ em. Cập nhật các kiến thức, kỹ thuật, lập luận chẩn đoán mang tính thời sự xã hội.

#### **5.130. MÃ HỌC PHẦN: YD213548, KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP, 10TC (0/10)**

Học phần Khóa luận tốt nghiệp được bố trí vào học kỳ thứ 12, là học kỳ cuối cùng trong chương trình đào tạo y đa khoa. Đây là một học phần tổng hợp từ nhiều học phần sinh viên đã được học từ những năm trước như: các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành. Học phần này hướng dẫn cho sinh viên phương pháp thực hiện và trình bày một khóa luận tốt nghiệp: chuẩn bị cơ sở lý luận, phát triển ý tưởng, đặt câu hỏi nghiên cứu, lựa chọn thiết kế nghiên cứu phù hợp, tiến hành thu thập số liệu trên thực địa, tổng hợp và trình bày số liệu, diễn giải thông tin, viết và báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu trước hội đồng các nhà khoa học.

#### **5.131. MÃ HỌC PHẦN: YD213557, CHUYÊN ĐỀ TỐT NGHIỆP, 10TC (0/4)**

Học phần chuyên đề tốt nghiệp (CĐTĐ) được thực hiện vào học kỳ thứ 12 (dựa theo kế hoạch đào tạo 12 học kỳ dành cho ngành y đa khoa). Trong học phần này, sinh viên và giảng viên hướng dẫn sẽ lựa chọn một chủ đề liên quan đến sức khỏe, lựa chọn các nghiên cứu thích hợp đã được xuất bản từ các trang web chuyên ngành trong nước và nước ngoài, trình bày chuyên đề một cách hệ thống về chủ đề/vấn đề sức khỏe.

Mục đích của học phần chuyên đề tốt nghiệp nhằm cập nhật kiến thức mới; làm rõ một vấn đề hoặc một khía cạnh hiện còn tranh cãi; hoặc vận dụng kiến thức từ chủ đề nghiên cứu để giải quyết một vấn đề trên thực tiễn. Ví dụ: giải quyết việc phòng chống suy dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em; giải quyết vấn đề an toàn vệ sinh thực phẩm; phòng lây truyền HIV/AIDS; phòng chống tai nạn thương tích; chăm sóc sức khỏe sinh sản; truyền thông giáo dục sức khỏe; phòng chống các bệnh không lây nhiễm, ...)

Học phần này cũng sẽ giúp cho sinh viên hoàn thiện nhiều kỹ năng: đặt câu hỏi, truy tìm tài liệu, phân tích và tổng hợp các tài liệu nhằm trau dồi và nâng cao kiến thức về sức khỏe một cách liên tục.

#### 6. Đề cương chi tiết các học phần

Thực hiện theo Quyết định số 2737/QĐ-ĐHTN ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên về việc ban hành chương trình đào tạo ngành Y khoa.

#### 7. Đối sánh với các chương trình đào tạo

- ❖ Chương trình đào tạo nước ngoài
- ❖ Chương trình đào tạo trong nước

Để xây dựng và điều chỉnh chuẩn đầu ra của Bác sĩ đa khoa, mục tiêu chương trình và chương trình đào tạo chi tiết, khoa Y Dược đã căn cứ vào: Tầm nhìn-Sứ mệnh-Giá trị cốt lõi-Triết lý giáo dục của trường Đại học Tây Nguyên; “Chuẩn năng lực cơ bản của Bác sĩ đa khoa” do Bộ Y tế ban hành tháng 5/2005, và chương trình đào tạo Y đa khoa của ba trường trong nước là Y Dược Cần Thơ, Y Dược Thái Nguyên, Y Dược Hải Phòng.

Nhận xét chung là hiện nay, các chương trình đào tạo Y đa khoa ở Việt Nam đã thay đổi theo hướng tích hợp/lồng ghép theo hệ thống các cơ quan, hoặc theo các Module. Để thay đổi chương trình đào tạo theo hướng này, đòi hỏi phải kinh phí và nhân lực thực hiện.

#### So sánh khối lượng kiến thức (tín chỉ) toàn khóa :

Trường	Đại cương / Cơ bản	Cơ sở ngành	Chuyên ngành	HP cuối	Tổng Số
Tây Nguyên	43 (21,3)	65 (32,2)	84 (41,6)	10 (4,9)	<b>203</b>
Cần Thơ	35 (17,4)	-	-	-	<b>201</b>
Hải Phòng	41 (20,2)	59 (29,1)	93 (45,8)	10 (4,9)	<b>203</b>
Thái Nguyên	35 (19,4)	62 (34,5)	83 (46,1)	-	<b>180</b>

Ngoài trường Thái Nguyên có tổng số tín chỉ toàn khóa là 180, các trường khác cũng tương đương với trường Đại học Tây Nguyên

#### So sánh một số Học phần từ các trường

Học phần	ĐH Tây Nguyên	Cần Thơ	Hải phòng	Thái nguyên
Tâm lý - đạo đức y học	1/0	2/0	2/0	
Tổ chức và quản lý y tế	1/1	2/1		
Dược lâm sàng	0	1/1		2
Hóa sinh lâm sàng	0	1/0	1/1	
Y pháp	0	1/1	1/1	2
Di truyền (y học)	0		2/1	2
Y học gia đình	0		1/1	
Phơi nhiễm nghề nghiệp	1/0	-	-	-
Kỹ năng mềm	2/0	-	-	-

Khởi nghiệp	2/0	-	-	-
Chuyên đề/ khóa luận tốt nghiệp	10	10	10	4

Trường Thái Nguyên đã lồng ghép các học phần nên không còn tên những học phần cũ, ví dụ Tâm lý – đạo đức y học đã chuyển thành học phần Tính chuyên nghiệp (3 tín chỉ). Các trường khác, Y đức là 2 tín chỉ, vì vậy Đại học Tây Nguyên điều chỉnh tăng học phần này thêm 1 TC.

Tương tự, khi so sánh các học phần ở các trường, Đại học Tây Nguyên thêm học phần mới rất cần thiết cho bác sĩ đa khoa đó là HP Dược Lâm sàng.

HP Hóa sinh lâm sàng và Y học gia đình sẽ tiếp tục được thêm vào trong những lần cập nhật chương trình đào tạo sau.

## MỤC LỤC

I. Mô tả chương trình đào tạo .....	1
1. Thông tin về chương trình đào tạo .....	1
2. Mục tiêu đào tạo .....	1
3. Chuẩn đầu ra .....	3
4. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo .....	5
5. Phương pháp kiểm tra đánh giá .....	6
II. Mô tả chương trình dạy học .....	6
1. Cấu trúc chương trình dạy học .....	6
Khối lượng kiến thức toàn khóa: 204 tín chỉ (không bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng). .....	6
2. Nội dung chương trình.....	6
3. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến) .....	10
4. Ma trận quan hệ giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.....	15
5. Mô tả vắn tắt các học phần .....	20
6. Đề cương chi tiết các học phần.....	49
7. Đối sánh với các chương trình đào tạo.....	49

**TRƯỞNG KHOA**

*(Đã ký)*

**HIỆU TRƯỞNG**

*(Đã ký)*